

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

VĂN-CHƯƠNG PHÁP

(PHÁP-QUỐC VĂN-HỌC ĐẠI-QUAN) (1)

Thưa các Ngài,

Một hôm tôi có tiếp một ông nho cũ. Ngẫu-nhiên nói đến chuyện văn-chương, lại tỉnh - cớ nói đến văn-chương Pháp. Nghe thấy ba chữ « văn-chương Pháp », ông có ý sảng-sốt lấy làm lạ, hỏi :

— Tây họ cũng có văn-chương sao ?

— Có chứ ! Văn-chương họ hay lắm.

Ông đưa hàm, « Hừ ! » một cái, ra dáng không tin ; lại hỏi :

— Thế họ có thơ không ? Thơ họ có vần có điệu, có hay bằng thơ « chữ ta » không ?

— Họ cũng có thơ ; thơ họ cũng có vần có điệu, và cũng có ý-tử hay như thơ chữ Hán.

Ông lại đưa hàm, « Hừ ! » cái nữa, vẫn ra ý không tin.

Rồi ông phán một câu rằng :

— Văn « chữ ta », thơ « chữ ta » hay lắm ! hay lắm ! . . .

Ông không nói hết câu, nhưng nghe cũng hiểu ý ông rằng : « Văn-chương « chữ ta » hay lắm, nhưng mà những phương học chữ tây như các bác không thể hiểu được, và chữ tây của các bác đâu có văn-chương cũng chẳng đời nào bằng. »

Những ông nho « cao-thượng » quá như thế, chắc ngày nay không còn mấy

nữa, và đâu còn có lẽ cang-tự riêng trong bụng không phục rằng chữ tây có văn-chương, nhưng không lộ ra ngoài một cách rõ-ràng như vậy. Về mười mười-lăm năm trước thời phần nhiều nhà nho ta, — đây là tôi nói những ông nho « đặc », không có đọc tân-thư, đọc báo lâu, — vẫn yên-trí rằng tro g găm trời duy có chữ nho là thâm-thủy, còn chữ tây chẳng qua là một môn đồ giao-thiệp, đẽung-dối, bắt-đặc-dĩ phải theo thời mà học, chớ không có lẽ có văn-chương nghĩa-lý gì được. Các cụ tưởng thế quyết là sai rồi, nhưng mà nghĩ cho kỹ cũng không nên trách các cụ. Ừ, tự mình không biết chữ tây, nhưng trong nhà có con em đi học chữ tây, về nhà hỏi học những cái gì thời chỉ thấy chúng nó kêu như cuộc kêu mùa hè những là : « con lừa, con la, cái áo của cha tôi, cái quần của mẹ tôi », với lại những : « chén cà-phê, cốc sữa-bò », chữ-nghĩa lẫn-thần như thế thời phỏng còn có văn-chương nghĩa-lý gì nữa ? Lại thấy những ông nọ thầy kia, đã đồ thế này thế khác, mà hỏi đến sách-vở nghĩa-lý của Tây, thường cũng ấp-a ấp-ung, nói chẳng thành câu, thời trách náo các cụ không an-trí rằng chữ tây tuyệt-nhiên không biết văn-chương là cái gì.

Nhưng mà gần đây trong phái tây-học ta đã có nhiều người biết bỏ cái

(1) Bài này của bản-chí Chủ-bút diển-thuyết ở Hội Tri-tri ngày thứ năm 24 Novembre 1921

lỗi học giao-thiệp ứng-dối cũ mà chuyên về đường khảo-cứu suy-xét, học cho biết nghĩa-lý, chứ không phải học để thuộc giã-m - ba câu tiếng tây mà thôi. Lại nhờ có chữ quốc-ngữ làm cái cơ-quan để diễn-dịch truyền-bá những văn-chương hay, tư-tướng lạ của các bậc danh-nhân bên qui-quốc, khiến cho những hàng tri-thức trong quốc-dân bấy giờ, dù về phái tân-học, dù về phái cựu-học, không còn ai là có cái ý-kiến hẹp-hòi như ông nho cổ tôi mới thuật chuyện vừa rồi. Như các ngài đây đã vui lòng đến nghe tôi diễn-thuyết, chắc cũng đều biết rằng chữ Pháp có văn-chương và văn-chương Pháp là một thứ văn-chương có giá-trị to trong thế-giới. Chủ-ý tôi diễn-thuyết bữa nay chính là muốn giải đề các ngài rõ cái giá-trị ấy thế nào, và văn-chương Pháp đã qua bao nhiêu trình-độ mới có được cái giá-trị như thế, nghĩa là bày cho các ngài xem như một cái biểu « nhất-lâm » về văn-học Đại-Pháp, từ khi mới thành-lập cho đến tận bây giờ. Tôi lập-ý như thế cũng tự biết rằng đánh bạo quá. Vì muốn gồm cả một cuộc văn-học rất phồn-thịnh, rất phong-phù như văn-học nước Pháp, đã thịnh-hành trong một khoảng thời-gian tới năm sáu trăm năm, vào một bài diễn-thuyết sơ-lược trong một vài giờ đồng-hồ, thật là một việc khó-khăn có một. Trước hết người diễn-thuyết phải thuộc-dầu-bài lắm, mà đầu-bài đây là gì ? là cả văn-chương nước Pháp từ đời xưa đến đời nay, tưởng dầu ông bác-sĩ học-dầu cũng không có thể tự-phụ là thuộc được hết. Sau nữa lại phải có cái tài cai-quát khéo mới có thể thu, đúc cả cái vật-liệu phong-phù như thế vào một bài diễn-thuyết nhỏ, vắn-tắt mà súc-tích, lời ít mà ý nhiều, lại rõ-ràng khúc-triết cho người nghe dễ hiểu. Thật là khó quá, tôi cũng tự-lượng biết rằng làm

một việc to lớn quá sức, song cũng đánh bạo thử làm, hoặc có khuyết-diểm, — mà chắc là khuyết-diểm nhiều, — xin các ngài rộng lượng.

..

Nhà thơ ta sở-dĩ không sẵn lòng công-nhận văn-chương tây, không những bởi không biết chữ tây, lại là bởi cái quan-niệm về văn-chương của người Đông-phương với người Tây-phương khác nhau lắm, tựa-hồ như phản-dối hẳn. Bởi khác nhau nên thường không hiểu nhau. Vậy trước khi thuật về lịch-sử văn-chương Pháp, tôi hăng xin giải qua về hai cái quan-niệm ấy thế nào. Ta gọi là câu văn hay ấy là câu văn bóng-bẩy rườm-rà. Tây gọi là câu văn hay ấy là câu văn thiết-thực giản-trúc. Văn ta chuộng ở lời nhiều, lời phải cho đẹp, đọc cho vui tai êm miệng, càng kêu, càng rộn, càng chơn-chu lưu-loát bao nhiêu thời càng cho làm hay. Ý bất-tất phải mới lạ gì, miễn là lời cho văn-vẻ, dễ nghe, thế là hay. Và có lẽ càng lấy những ý-tưởng thông-thường, ai cũng công-nhận, ai cũng hiểu cả, mà phổ-diễn ra văn-chương lại càng dễ hay lắm. Văn tây thời không thế, văn tây không chuộng ở lời mà chuộng lời với ý cho xứng nhau, lời để diễn ý, hề diễn được hết ý cho rõ-ràng khúc-triết, thế là văn hay, chứ không ưa những lời phù-hoa bóng-bẩy, và thứ nhất là kỵ những câu khẩu-dầu, câu sáo cũ. Văn ta với văn tây hề càng dùng nhiều chữ sáo càng hay, càng thuộc nhiều điển cũ càng nên. Văn tây thời phải theo liền với tư-tưởng, tư-tưởng mới-mẻ thời lời văn cũng phải mới-mẻ, mà văn có mới - mẻ mới là văn hay, vì mỗi người tư - tưởng một cách khác, lời nói dùng để diễn cái tư - tưởng ấy không thể giống nhau được, không thể dùng những chữ cũ

của cổ-nhân, những câu sáo của công-chúng mà nói cho hết được. Thành ra văn tàu văn ta hề càng lưu-loát dễ nghe bao nhiêu càng hay, mà văn tây lại càng mới-mẻ thiết-thực bao nhiêu càng hay. Một nhà phê-bình văn-học Pháp đã nói rằng: « Phàm văn-chương có hai cách: một cách có thể gọi là « trừu-dịch » (*expression*), một cách gọi là « hội-thông » (*intelligibilité*). « Trừu-dịch là lấy một cái trạng-thái đặc-biệt của sự-vật mà diễn-dịch nó ra một cách thật đúng; hội-thông là lấy những cái lý-tưởng thông-thường của công-chúng mà phổ-diễn nó ra một cách dễ nghe. » (*Il y a deux tendances en littérature. L'une de ces tendances a pour objet l'expression, l'autre l'intelligibilité. L'une s'efforce de traduire de la manière la plus efficace un aspect particulier des choses, l'autre d'interpréter de la façon la plus commode des notions ad rises.*)

— F. BALDENSPERGER, *La Littérature*.

— Theo như cái lý-thuyết ấy thời văn tây có thể cho là thuộc vào hạng văn « trừu-dịch », mà văn tàu văn ta ngày xưa là vào hạng văn « hội-thông ». Văn tây thuộc vào hạng văn « trừu-dịch » là bởi vì trọng nhất lấy thiết-thực, diễn cái ý nào thời cho hết ý, tả cái cảnh nào thời cho hết cảnh, lời với ý đi với nhau chằm-chập, không thái quá, cũng không bất-cập. Văn tàu văn ta thuộc vào hạng văn « hội-thông » là trọng ở lời-lẽ chải-chuốt chơn-chu, dễ nghe lưu-loát, thế nào cho người ta đọc lên liền ngay, lấy làm vui tai êm miệng. Bởi hai cái quan-niệm về văn-chương khác nhau như thế, nên người Tây xét văn tàu cho là nhiều lời ít ý, có vô không có ruột, hay đem những cái tư-tưởng tầm-thường phổ-thông mà mặc cho cái áo văn-chương hoa-mĩ quá; người Tàu người ta xét văn tây thời lại cho là trúc-trắc khó nghe, hoặc lẫn-thần lời-thối, hoặc thật-thà ngớ-ngẩn, không chịu cho là có văn-chương. Thí-dụ như muốn tả

người dân bà đẹp, văn tây tả không bài nào giống bài nào, mỗi bài tả ra một cách, mỗi cách có một cái vẻ đẹp riêng, mà cách nào cũng hiển-nhiên như thực; văn ta thời trăm bài đến chữ - mươi - chín bài nói đến: mắt phượng, mày ngài, môi son, má phấn, da tuyết, tóc mây, v. v., toàn là những câu sáo sẩn để tả người dân bà, thành ra người đẹp nào cũng như người đẹp nào, mà chẳng qua là một cái phệnh tô phấn điểm son mà thôi.

Tôi đọc các ngài nghe hai đoạn văn tây như sau này, đủ biết hai lối văn-chương đó khác nhau thế nào. Hai đoạn này là trích ở sách *Madame Bovary* là một bộ tiền-thuyết tả-thực trước-danh trong văn-chương Pháp, của ông GUSTAVE FLAUBERT làm ra. Ông tả một ngày hội đấu-xảo canh-nông (*comice agricole*) ở nhà quê. Đoạn trên là ông giả-ngiht bài diễn-thuyết của quan sở-tại đến khai hội đấu-xảo, lời-lẽ thật là lưu-loát dễ nghe, văn-chương hoa-mĩ, mà tư-tưởng thời rất là thấp-hẹp, bần-cùn, tầm - thường, vô-vị, vậy mà người nghe lấy làm thích-chí lắm. Trước quan còn tán-tụng công-đức Nhà nước đã khai-hoá cho dân mới được thái-bình thịnh-vượng như thế, khác nào cũng như những câu « Na-mô » của người mình tán-tụng các qui-quan Đại - Pháp, v. v., rồi ngài kết mấy câu rất hùng-hồn (!) về công-đức của nghề nông, nói rằng (đây là lời diễn-thuyết của quan):

« Qu'aurais-je à faire, Messieurs, de vous démontrer ici l'utilité de l'agriculture ? Qui donc pourvoit à nos besoins ? Qui donc fournit à notre subsistance ? N'est-ce pas l'agriculture ? L'agriculteur, Messieurs, qui, ensemençant d'une main laborieuse les sillons féconds des campagnes fait naître le blé, lequel broyé est mis en poudre au moyen d'ingénieux appareils, en sort sous le nom de farine, et, de là, transporté dans les cités, est bientôt rendu chez le boulanger, qui en confectionne un aliment pour le pauvre comme le riche. N'est ce pas l'agriculteur encore

qui engraisse, pour nos vêtements, ses abondants troupeaux dans les pâturages ? Car comment nous vêtirions-nous, car comment nous nourririons-nous sans l'agriculteur ? Et même, Messieurs, est-il besoin d'aller si loin chercher des exemples ? Qui n'a souvent réfléchi à toute l'importance que l'on retire de ce modeste animal, ornement de nos basses-cours, qui fournit à la fois un oreiller moelleux pour nos couches, sa chair succulente pour nos tables, et des œufs ? Mais je n'en finirais pas, s'il fallait énumérer les uns après les autres les différents produits que la terre bien cultivée, telle qu'une mère généreuse, prodigue à ses enfants... »

Dịch nghĩa. — « Thừa các ngài, tôi « tưởng chẳng cần phải giải rõ các ngài « mới hiểu nghề nông có ích - lợi « là dường nào. Sự cần-dùng của ta, « ai lo-liệu cho ta ? Đồ ăn-uống của ta, « ai cung-cấp cho ta ? Chẳng phải là « nhà nông dư ? Nhà nông kia, ra « công khó nhọc, gieo luống ruộng « cấy, làm cho mọc thành cây lúa mì, « lúa này dùng những máy-móc khôn- « khéo già ra thành phần, gọi tên là « bột, bột ấy tãi ra các nơi thành-thị, « giao về cho nhà hàng bánh, chế « thành một thứ đồ ăn, người giàu « người nghèo đều phải dùng cả. Lại « chẳng phải nhà nông kia chăn nuôi « những đàn cừ béo, ở trong những « đồng cỏ non, để lấy lông chiên làm « áo mặc cho ta dư ? Vì không có nhà « nông thời ta lấy gì mà mặc, ta lấy « gì mà ăn ? Mà cần chi phải thí-dụ « những sự xa-xôi như thế ? Ai là « người không thường nghĩ đến sự ích- « lợi vô-cùng của con vật nhỏ-mọn kia, « nó làm một cái trang-sức cho sân cho « vườn ta, nó vừa cho ta cái lông của « nó để làm gối êm cho ta nằm, cái « thịt của nó để làm đồ ăn ngon cho « ta ăn, lại cho ta trứng nữa ? Nhưng « mà tôi kể thế đã nhiều rồi, không thể « nói được hết những sản-vật của cái « đất quý báu kia nhờ tay nhà nông « cấy cấy cung-cấp cho ta như người « mẹ hiền đẻ của cho con-cái, v. v. »

Các ngài nghe đoạn diễn-thuyết đó có hay không ? Có phải là văn-chương lắm không ? Thật là chon-chu, lư-loát, dễ hiểu, dễ nghe lắm.

Các ngài lại nhận giọng văn đó có phải chính là giọng văn ta văn tàu không ? Đọc lên thời ồn-ào rộn-riếp, tưởng như lời-lẽ hùng-hồn lắm, mà chất lại thật không có chút tư-tưởng gì.

Đối với lối văn ấy thời như đoạn sau này, tác-giả tả một mục vụ-già được hội-dồng bầu-xảo ban cho cái mền-day bạc và thưởng cho 25 quan, vì trong 54 năm trời vẫn một lòng thủy-chung hầu-hạ một chủ. Đây là nói lúc xướng đến tên mục, mục đương ngạc-trào lên trên rap đề lấy thưởng :

« Alors on vit s'avancer sur l'estrade une petite vieille femme de maintien craintif, et qui paraissait se ratatiner dans ses pauvres vêtements. Elle avait aux pieds de grosses galoches de bois, et, le long des hanches un grand tablier bleu. Son visage maigre, entouré d'un béguin sans bordure, était plus plissé de rides qu'une pomme de reinette flétrie, et des manches de sa camisole rouge dépassaient deux longues mains, à articulations noueuses. La poussière des granges, la potasse des lessives et le suint des laines les avaient si bien encroûtées, éraillées, durcies, qu'elles semblaient sales quoiqu'elles fussent rincées d'eau claire ; et à force d'avoir servi, elles restaient entrouvertes, comme pour présenter d'elles-mêmes l'humble témoignage de tant de souffrances subies. Quelque chose d'une rigidité monacale relevait l'expression de sa figure. Rien de triste ou d'attendri n'amollissait ce regard pâle. Dans la fréquentation des animaux-elle avait pris leur mutisme et leur placidité. C'est la première fois qu'elle se voyait au milieu d'une compagnie si nombreuse ; et, intérieurement effarouchée par les drapeaux, par les tambours, par les messieurs en habit noir et par la Croix d'honneur du conseiller, elle demeurait tout immobile, ne sachant s'il fallait s'avancer ou s'enfuir, ni pourquoi la foule la poussait et pourquoi les examinateurs lui souriaient. Ainsi se tenait devant ces bourgeois épanouis, ce demi-siècle de servitude. »

Dịch nghĩa. — « Bấy giờ trông thấy « bước lên trên rap một mục già bé

« nhỏ ra dáng sợ-hãi, hình như náu
 « hình lại ở trong lồng quần áo bần-
 « tiện. Chân đi đôi guốc gỗ to, tự thất
 « lưng xuống buộc một cái mã-phụ
 « xanh lớn. Mặt gầy-gò buộc cái khăn
 « vuông không viền, giần-gieo hơn là
 « da quả thị héo. Minh mặc cái áo
 « bán-thân, thò ra hai bàn tay dài,
 « trông thấy những đốt xương khúc-
 « khuỷu. Tay ấy đã rửa nước lã kỹ,
 « vậy mà coi ra như bẩn-thịu, vì những
 « bụi thóc, bột rất vôi mỡ cừu đã quần
 « quện thành mảng nứt-nẻ chai-rắn
 « lại; tay đã quen hầu-hạ, bao giờ cũng
 « mở sẵn ra, như tự tay đem dâng
 « cho người sai khiến cái thân-phần
 « bần-hèn khổn-khó trong bấy - lâu.
 « Nét mặt nghiêm-nghiêm như cô cái
 « về nhà tu. Con mắt lơ-dờ, không có
 « dáng buồn rầu, cũng không có dáng
 « cảm-dộng. Bình-sinh hay gấu súc-
 « vật, nên đã nhiễm được cái vẻ mặt
 « lạnh-lẽ yên-hàn. Lần này là lần thứ
 « nhất mụ ra đứng chỗ đông người
 « như thế này; trông thấy những cò,
 « những trống, những ông mặc áo đen,
 « lại thấy cái bội-tình của ông nghị, trong
 « bụng có ý khiếp-sợ, cứ đứng im không
 « động-dậy, phân-vân không biết nên
 « bước lên hay nên chạy về, và cũng
 « không hiểu rằng làm sao người đứng
 « xem lại đây mình lên và làm sao các
 « ông giám-sát ngồi đấy lại tùm-tùm
 « cười. Đó chính là hình-ảnh một nữ
 « thế-kỷ nô-lệ đứng ở trước mặt một
 « đám trưởng-giả bánh-bao. »

Đoạn văn sau này mới nghe chắc
 không thấy trôi-chảy bằng đoạn trên,
 nhưng nhận kỹ ra mới biết rằng lời-
 lẽ thiết-thực, không có một câu nào
 thừa; chính là lối văn tả-thực, không
 có câu nghị-luận gì, mà có một cái ý
 cảm-dộng vô-cùng, nhất là câu cuối
 cùng, tiếc rằng tiếng an-nam ta không
 thể nào diễn được hết cái ý-vị của
 nguyên-văn : *Ainsi se tenait devant ces*
bourgeois épanouis, ce demi-siècle de

servitude, ngòi nào đã sánh văn tây tất
 là biết thưởng-giảm.

Trong hai lối văn-chương đó thời
 lối dưới thiết-thực là lối người Âu-tây
 cho làm hay, lối trên hoa-mĩ là lối
 người mình lấy làm thích. Hai cái
 cảm-giác, hai cái quan-niệm về văn-
 chương khác nhau như thế, nên người
 mình thấy văn tây không thể ngấm-
 nga dịp-dàng được, thời cho là lồng-
 chổng trúc-trắc, khó hiểu khó nghe,
 không biết rằng văn này ở ý nhiều mà
 ở lời ít, lời văn chẳng qua là dùng để
 đạt ý mà thôi, không phải là một cách
 ghép vần ghép chữ, mùa khéo mùa
 khôn để lấy cho êm tai vui miệng.

Trước khi bàn về văn-chương Pháp,
 phải nên biết người Pháp hiểu văn-
 chương như thế, có khác với nghĩa
 văn-chương của mình nhiều. Văn-
 chương của mình là lời nói đẹp, bất-
 cứ nói gì, hễ nói đẹp là văn-chương;
 văn-chương của Pháp thời là định nói
 cái gì, nói được vừa-vặn thích-dáng,
 không thiếu không thừa, đúng như sự
 thực, hết như ý-tưởng, thế là văn-
 chương. Cho nên nhà phê-bình tây đã
 giải văn-chương như thế này : *« Le fait*
littéraire, dans son principe, « exprime »
par des mots un instant de la vie, perçu
par un esprit qui ne se contente pas de
le traverser, ne prétend pas agir sur
lui pour le modifier, mais qui cherche
à le fixer en lui donnant un équivalent
verbal approprié. » (BALDENSBERGER).
 Nghĩa là : « Cái tồn-chỉ của văn-
 chương là dùng những tiếng những
 chữ để diễn-tả lấy một cái khoảnh-
 khắc trong cuộc đời, do tri-tuệ người
 ta cảm-giác, mà không muốn để cho
 thoáng qua đi, cũng không có chi
 muốn sửa-dổi lại, chỉ tìm cách ghi
 nhớ lấy bằng những lời nói thích-
 đáng. » — Muốn nói giản-dị hơn thời
 nói rằng văn-chương là một cách ghi-
 chép cái cảm-giác của người ta cho
 thật hết, thật đúng.

Người Đông - phương ta muốn thưởng-thức được văn - chương của Âu-tây thời phải hiểu cái nghĩa văn-chương như thế ; nếu lấy nghĩa văn-chương của mình mà xét văn-chương tây thời không trách gì cho người Tây là không có văn-chương phải lắm.

Tôi giải-nghĩa về văn-chương khi dài quá, song tưởng không phải là vô-ích, vì phải phân-biệt cho rõ hai cái nghĩa văn-chương của người Tây và người mình thế nào, thời mới có thể bàn về văn-chương Pháp được.

...

Văn-chương Pháp kể mới thành-lập trong khoảng bốn năm trăm năm nay mà thôi, nghĩa là vào đời nhà Trần ở nước ta thời ở nước Pháp mới bắt đầu có văn - chương. Nhưng từ khi tiếng nói thành văn thời cứ mỗi ngày một tiến-bộ, không đầy hai trăm năm đã trở thành một thứ văn-chương hoàn-toàn nhất ở Âu-châu, cho tới ngày nay thời hiển-nhiên là một thứ văn-tự tốt-đẹp nhất trong thế-giới. Trong khi văn-chương Pháp tiến-hóa mau như thế, thời văn-chương nôm mình cứ ngưng-trệ lại, không bước lên được một bước nào. Tự đời nhà Trần ta đã có ông Hàn-Thuyên, mà đến đời nhà Nguyễn ta cũng chỉ thêm được ông Nguyễn-Du nữa mà thôi, trung-gian trong bốn trăm năm văn nôm ta nín hơi lặng tiếng, không sản-xuất được một bộ sách nào là thật có giá-trị. Bởi sao mà tiếng quốc-âm của ta thiệt-thời kém-cỏi như thế ? Bởi trong khi ở nước Pháp đến hàng trăm hàng nghìn nhà làm văn kẻ làm sách đua nhau mà trau-dồi mài-rũa cái tiếng nói của ông cha, làm thành như một cái khí-giới sắc-nhọn vô-cùng, thời ở nước mình những hàng trí-thức còn chỉ say-đắm về chữ nước người, văn nước người, không mấy người nghĩ đến cái tiếng nôm-na của tổ-

quốc, thành ra tới nay để lại cho bọn mình một cái đồ dùng rỉ-han cùn-nhụt, để cho anh em mình bây giờ khổ công mài-rũa mà cũng chưa thấy sáng thấy sắc được chút nào ! Thế có cực không ? ...

Nước Pháp không phải là không qua cái tình-cảnh « nội-thuộc », cái nông-nỗ học mướn viết nhờ như nước mình ; nước mình bị cái quyền chuyên-chế hữu-hình về chính-trị, cái quyền chuyên-chế vô-hình của văn-chương học-thuật người Tàu thế nào, thời nước Pháp cũng bị cái quyền chuyên-chế hữu-hình về chính-trị, cái quyền chuyên-chế vô-hình của văn-chương học-thuật La-mã như thế. Nước mình bị người Tàu đồng-hoá học theo sách Tàu chữ Tàu trong hơn nghìn năm thời nước Pháp cũng bị người La-mã đồng-hoá học theo sách la-tinh, chữ la-tinh trong ngót nghìn năm. Kể từ năm 880, nước Pháp mới bắt đầu có một bài ca nhỏ bằng tiếng « nôm », tức là tiếng Pháp, còn trở về trước bao nhiêu sách-vở giấy-mà toàn bằng « chữ », nghĩa là bằng la-tinh hết. Mà chính bài ca thứ nhất ấy cũng chưa thành văn-chương gì, tự đấy về sau, trong ba bốn trăm năm nữa, tuy những bài ca bài văn bằng tiếng « nôm » đã thêm ra nhiều, nhưng mà những bậc thượng-lưu cũng vẫn chỉ ưa chữ la-tinh, những sách đứng-dầu cũng vẫn chỉ viết bằng la-tinh, tiếng Pháp cho là nôm-na mạch-qué, chẳng khác gì ở nước mình. Duy có khác là người Pháp sớm tỉnh-ngộ hơn người mình, và bắt đầu từ thế-kỷ thứ 15 nghĩa là vào khoảng đời nhà Trần ở nước ta, người Pháp quyết bỏ hẳn chữ la-tinh mà chỉ chuyên-tập tiếng quốc-âm mà thôi. Lúc mới cũng khó-khăn lắm, cái tình-cảnh những nhà làm văn Pháp lúc bấy-giờ cũng khốn-nạn như bọn mình viết quốc-ngữ bây giờ, khổ vì nổi tiếng chưa thành văn, không biết

thế nào là hay là dở; có phần lại khó hơn mình, vì ở nước mình tuy giọng nói Bắc - kỳ, Trung - kỳ, Nam - kỳ có khác nhau, song cũng cùng là một thứ tiếng, nói với nhau nghe hiểu được, chớ ở nước Pháp về trước thế-kỷ thứ 15, hồi chữ la-tinh còn thịnh-hành thời tiếng nôm trong dân-gian chia ra làm hai thứ, một thứ ở Bắc-phương gọi là *langue d'oïl*, một thứ ở Nam-phương gọi là *langue d'oc*, hai thứ tiết-nhiên khác hẳn nhau. Thứ *langue d'oc* tức là gốc của tiếng *provençal* (là tiếng thổ-âm ở vùng Marseille) bây giờ, lại phát-dạt trước, sớm đã có những hạng thi-nhân gọi là *troubadours* làm những bài ca-văn về phong-tinh. Sau bọn thi-nhân ở Bắc-phương gọi là *trouvères* mới bắt-chước bọn *troubadours* ở Nam-phương cũng làm ra ca-văn bằng tiếng thổ-âm của mình, tức là tiếng *langue d'oïl*. Nhưng mà tính-chất người Bắc-phương với người Nam-phương khác nhau, người Nam-phương hay ăn-chơi vui-vẻ, làm ra ca phong-tinh, người Bắc-phương tính thô-hùng hơn thời lại làm ra những bài ca anh-hùng để tán công-dức những bậc võ-sĩ có danh-tiếng đời xưa đời nay. Vào khoảng thế-kỷ 15 thời tiếng Bắc-phương là *langue d'oïl* lại thịnh-hành hơn tiếng *langue d'oc* của Nam-phương, và dần-dần tràn khắp cả xuống Nam - phương, thành ra một thứ tiếng thống-nhất, tức là tiếng Pháp ngày nay. Tự đó thời tiếng *langue d'oc* mỗi ngày một yếu thế đi mà trở thành một thứ « địa-phương-ngữ » (*dialecte*), tức là tiếng *provençal* bây giờ. — Vậy thời tiếng Pháp bây giờ là do ở tiếng *langue d'oïl* ra và mới bắt - đầu phổ-thông trong nước tự thế-kỷ thứ 15. Tiếng đã phổ-thông thời tiện-thị có văn-chương. Văn-chương ấy cũng là khởi-diểm tự các bài anh-hùng-ca ở *langue d'oïl* trước.

Tôi đã nói rằng lúc mới khởi đầu

gây ra văn-chương ấy thật là nghèo-khè lắm, cũng tức như người mình đương gây văn quốc-ngữ bây giờ. Mới thoát-li ở chữ la-tinh ra, không thể bỏ hẳn chữ la-tinh được, cũng như quốc-ngữ mình không thể bỏ hẳn chữ nho được. Bây giờ có một bọn làm thơ lập ra cái thi-xã đặt tên là *Pléiade*. Bọn này lại sinh chữ la-tinh lắm, làm thơ bằng tiếng Pháp hay dùng chữ la-tinh nhiều quá. Trong bọn có ông RONSARD lấy thế làm hại cho quốc-âm, thường khuyên anh em nên tìm kiếm lấy những chữ gốc của nước mình mà dùng, hơn là đi bới mót trong đồng « tro tàn của cò-nhân » (*ie ne sçay quelle cendre des anciens*). Ông lại khuyên rằng nên chọn lấy những tiếng nôm lịch-sự (*dialecte courtisan*) mà dùng, hoặc không đủ thời « đặt ra tiếng mới theo như tiếng Hi-lạp La-mã, không quản gì lời nghị-luận của công-chúng » (*Tu composeras hardiment des mots à l'imitation des Grecs et Latins et n'auras soucy de ce que le vulgaire dira de toy*). Song ông lại nói thêm rằng : « Ta khuyên nên cứ đánh bạo mà đặt ra tiếng mới, miễn là phải đặt làm sao cho nó hợp với cái kiểu-mẫu của công-chúng đã nhận. « *Je te veux bien encourager de prendre la sage hardiesse d'inventer des vocables nouveaux, pourvu qu'ils soient moulez et façonnez sur un patron desjà receu du peuple* ». Nghĩa là quốc-âm mình không đủ tiếng dùng, thời phải bắt chước cổ-văn mà đặt ra tiếng mới chữ mới, nhưng phải đặt thế nào cho dễ nghe, không nên dùng những chữ cầu-kỳ quá.

Nhưng ông trân-trọng quý-báu nhất là những tiếng trong thổ-âm của nước Pháp. Ông thường viết thư dặn học-trò rằng : « Các con nên giữ-gìn tiếng quốc-âm như người mẹ đẻ, đừng để cho có kẻ muốn bắt con gái nhà nề-nếp phải làm phận tôi-dời. Có nhiều những tiếng thật là tiếng Pháp gốc,

tiếng Pháp tự-nhiên, nó có cái khi-vị cò, nhưng thật là tiếng Pháp tự-do. . . Ta đề chúc-thư lại dặn các con chớ có để cho mất những tiếng cũ tiếng gốc đó, phải đem ra mà dùng, đối với những kẻ hiểu-ký kia hề thấy chữ gì tiếng gì không phải là mượn ở La-tinh hay ở Ý-dại-lợi thời không cho làm lịch-sự. » (*Enfants, défendez votre mère de ceux qui veulent faire servante une demoiselle de bonne maison. Il y a des vocables qui sont françoys naturels, qui sentent le vieux, mais le libre et le françois. ... Je vous recommande par testament que vous ne laissiez point perdre ces vieux termes, que les employiez et défendiez hardiment contre des maraux qui ne tiennent pas élégant ce qui n'est point escorché du latin et de l'italien.* »)

Nhờ có những người nhiệt-thành giữ gìn bênh-vực cho quốc-âm như thế, nên quốc-văn Pháp mới chóng độc-lập. Có mấy người thật là có công với quốc-văn, hết sức cò-động chần-loát cho tiếng nước nhà thành văn-chương. Ngày nay tên những người ấy không mấy ai nhớ đến nữa, sách của những người ấy cũng không còn lưu-truyền rộng nữa, vì những người ấy làm văn viết sách vào giữa lúc tiếng chưa thành văn, chắc là mỗi ngày một cũ đi, dời sau không ai đọc đến nữa. Nhưng mà nhà sử-học, nhà khảo-cổ ngày nay xét đến công-phu những người ấy, không thể không cảm-phục, không thể không suy-tôn là những người đã có công phá kinh-cức, dọn đường-lối, cho người sau tiến lên, có những người ấy mở đường đi trước mới có người sau theo lối tiến lên. Tuy công ấy là một cái công « bạc chủ » (*travail ingrat*), hậu-thế thường quên đi, không biết đến (*mal recongneu de la postérité*), mà sánh với công người sau còn khó-nhọc và to-tát biết bao nhiêu! Ngoài ông RONSARD là thuộc vào thi-xã *Pléiade* vừa mới nói, nên nhớ tên

ông HENRI PASQUIER, ông HENRI ESTIENNE và thứ nhất là ông AMYOT, là mấy người đã có công giúp vào việc tạo-thành ra văn-chương Pháp. Ông HENRI PASQUIER thường trách những bọn học-thức đương-thời chỉ biết trọng chữ la-tinh, cho « tiếng nôm là hèn, không đủ chịu-đựng được những cái tư-tưởng cao-thượng, chỉ đủ cung cho việc nhậ-dụng thường-dâm mà thôi, và trong bụng có hoài-buồn cái gì tốt-đẹp, thời tất phải mượn đến chữ la-tinh mới nói ra được. » (*Vous croyez que notre langage est trop bas pour recevoir de nobles inventions, ains seulement destiné pour le commerce de nos affaires domestiques, mais que si nous couvons rien de beau dedans nos poitrines, il le faut exprimer en latin.*) Ông cũng biết rằng tiếng Pháp hồi bấy giờ mà đem sánh với tiếng La-mã tiếng Hi-lạp thời còn kém xa nhiều thật. Nhưng mà « đất tốt mà không cấy-cấy không thành hoa quả được, tiếng nói không tập-luyện không trở nên hay được » (*Toute terre ors que grasse ne rapporte aucun fruit; aussi ne fait une langue si elle n'est cultivée.*) « Vậy thời phải nên học tiếng Hi-lạp tiếng La-mã để mà lấy cái tinh-tủy trong các sách ông Platon ông Aristote, chớ không nên biện-nạn về từng câu từng chữ một; ý ông không phải là muốn bài-trừ hẳn tiếng Hi-lạp tiếng La-mã đi đâu; ông muốn rằng lúc nào cần-dùng đến cứ việc mà nhờ mà mượn hai thứ tiếng ấy; nhưng mà nhờ mượn được cái gì phải đem mà truyền cho người mình hơn là truyền cho người ngoài. » (*Etudions le grec et le latin pour tirer la moëlle qui est es œuvres de Platon ou d'Aristote, et non pour discourir sur le dialecte d'un mot. Mon opinion ne fut onc d'exterminer de nous ni le grec ni le latin; je veux que nous nous aidions de l'un et de l'autre, selon que les occasions nous admonesteront de ce faire; mais je pré-*

tends que le profit qui en viendra soit communiqué aux nôtres plutôt qu'aux étrangers.)

Ông HENRI ESTIENNE lại nhiệt-thành với quốc-âm lẫn nữa. Ông là một tay bác-học, thật là giỏi về tiếng Hi-lạp và tiếng La-mã. Ông có làm một cuốn sách bằng la-tinh nói về cái tinh-hoa của tiếng Hi-lạp (*Thesaurus linguae Graecae*), vậy mà ông không từng say-dắm về hai thứ chữ ấy đến nỗi nhãng-bỏ tiếng nước nhà. Đồng-thời ông lại làm một bài đại-luận về «Cái giá-trị đặc-biệt của tiếng Pháp» (*Précellence du langage françois*), trong bài ấy ông quyết rằng tiếng Pháp không những không kém gì tiếng Ý-dại-lợi, tiếng Tây-ban-nha, mà sánh với tiếng La-tinh tiếng Hi-lạp cũng không kém mấy. Ông nói rằng: Tiếng ta cần đến gì có nấy, lại những sự không cần đến cũng có, và sự cần đến thời có nhiều thứ có thể thay đổi được, như thể thời tiếng ta có thể cho là một thứ tiếng giàu được.» (*Notre langue peut estre estimée riche si elle a ce qui lui est nécessaire, et si elle a encore des choses desquelles elle se pourroit passer, et si des nécessaires elle en a rechange*). Ông bèn so-sánh nhiều tiếng Pháp với tiếng Hi-lạp thời thấy có tiếng Pháp rộng nghĩa hơn tiếng Hi-lạp thật.

Nhưng mà có công nhất là những nhà dịch-thuật. Phàm một thứ tiếng hầy còn non-nớt cần phải đem ra đối-chiếu với một thứ tiếng lão-luyện hơn, thời nó mới thành sắc-xảo mềm-mại ra. Lúc quốc-văn mới nhóm thành, việc dịch sách là việc có ích lắm, vì có đem tiếng mình chọi với tiếng người ta thời mới biết rằng mình thiếu những gì, mình có những gì, thiếu đâu bổ-cứu đấy, có gì phát-biểu ra, và tư-tưởng của mình, văn-từ của mình nhờ đó được phong-phủ thêm lên. Người dịch sách nhiều khi không cần phải đặt ra tiếng mới, mà chỉ phải

luyện những tiếng cũ, làm cho nó thêm ý thêm nghĩa ra, khéo dùng khéo đặt cho nó có những cái vận-diệu mới lạ. (*Les traducteurs n'apportent point de mots, mais ils enrichissent les leurs, appesantissent et enfoncent leur signification et leur usage, donnent à la langue des mouvements inaccoutumés, mais prudemment et ingénieusement.* — MONTAIGNE). Như tiếng Pháp đời bây giờ thời còn khuyết-diễm những gì? Ông MONTAIGNE nói rằng: «Tôi cho tiếng Pháp là cũng đủ dùng, nhưng mà không được mềm-mại mạnh-mẽ. Thường không đủ sức mang nổi một cái tư-tưởng mạnh. Nếu ta căng cho hết sức thời thấy nó núng, nó lún ngay, và tất phải gọi tiếng la-tinh hay tiếng Hi-lạp đến cứu-cấp.» (*Je trouve notre langage suffisamment abondant, mais non pas maniant et vigoureux suffisamment. Il succombe ordinairement à une puissante conception. Si vous allez tendu, vous sentez souvent qu'il languit sous vous et s'écrit, et qu'à son deffaut le latin se présente au secours et le grec à d'autres.* — MONTAIGNE). Đó chính là tình-cảnh tiếng An-nam mình bây giờ đó. Tiếng An-nam không phải là nghèo-nản gì, chỉ vì không năng tập nên còn cứng-cỏi sống-sượng, bây giờ phải làm thế nào cho mềm-mại mạnh-mẽ thêm lên. Việc đó là việc thứ nhất của các nhà dịch sách. Bây giờ ta cần phải dịch sách của người nhiều hơn là làm ra sách mới.

Về khoảng thế-kỷ thứ 15-16, những nhà dịch sách ở nước Pháp cũng nhiều, mà trước-danh nhất là ông Amyot. Ông dịch ra tiếng Pháp bộ sách «Danh-nhân-liệt-truyện» của nhà văn-sĩ Hi-lạp PLUTARQUE, dịch hay lắm, lời lẽ chải-chuốt chơn-chu, dễ đọc dễ hiểu, người đương-thời lấy làm thích lắm và tới ngày nay đọc cũng còn hay. Ông HENRI ESTIENNE đã

khen ông rằng : « Ông cứ tự-nhiên mà thu-hấp được hết những cái tinh-hoa trong quốc-âm ta. » (*Il avoit sucé sans affectation tout ce qui estoit de beau et de doux en nostre langue*). Ông MONTAIGNE cũng khen mấy câu cực-tân rằng : « Bọn ta ngu dốt, nếu không có sách ấy cứu-vớt ta ở trong đồng bùn lầy thời ta nguy mất. Nhờ có sách ấy mà ngày nay ta mới biết nói biết viết ; các bà bây giờ lại hay chữ hơn các thầy đồ ; sách ấy là kinh nhật-tụng của ta. » (*Nous autres ignorans estions perdus, si ce livre ne nous eust relevé du boubier. Sa mercy (c'est-à-dire grâce à lui) nous osons à cett'heure et parler et écrire ; les dames en régentent les maistre d'escole ; c'est nostre bréviaire.*)

Nếu ta so-sánh cái trình-độ văn-học nước ta với nước Pháp thời có lẽ trình-độ ta chính là đối với trình-độ nước Pháp vào khoảng thế-kỷ thứ mười-lăm mười-sáu này. Hoặc sau này có ai làm bộ « Việt-Nam Văn-học sử » thời đứng vào cái địa-vị như ông AMYOT ở nước ta có thể cho là ông CỬ PHAN KẾ-BÍNH tương cũng được, và sách « Nam-hải di-nhân » của ông dịch ở chữ nho cũng có thể sánh xa với sách « Danh-nhân-liệt-truyện » của ông AMYOT dịch ở Hi-lạp. Nhưng mà văn-chương Pháp tự ông AMYOT đến giờ tiến-bộ đã bao nhiêu, mà văn-chương ta ngày nay mới vào trình-độ nước Pháp về đời ông AMYOT mà thôi! Thành ra ta chậm kém nước Pháp hơn ba trăm năm về đường văn-học, biết bao giờ cho theo-duổi kịp người ? Lo thay ! Song có công mài sắt, có ngày nên kim. Cứ xem văn quốc-ngữ trong khoảng mười năm nay đã tiến-lối lắm, nếu ta gia công tập-luyện thời mong rằng chẳng mấy nổi tiếng ta cũng có thể trở thành một nền văn-chương xứng-dáng, tuy chưa có thể sánh bằng

văn-chương Pháp được, nhưng cũng đủ dùng trong một nước với nhau.

Tôi nói về cổ-rễ văn-chương Pháp hơi tương-tận như thế, là có ý muốn so-sánh với văn ta tiếng ta, cái tình-trạng hai đảng cũng hơi giống nhau. Tiếng Pháp hồi bấy giờ mới thoát-li ở la-tinh ra, cũng như tiếng ta đương bây giờ mới thoát-li ở chữ nho ra. Các nhà làm văn Pháp bấy giờ khổ vì nổi thiếu chữ dùng, thường phải mượn chữ la-tinh mà hóa ra tiếng thổ-âm, cũng như các nhà làm văn ta bây giờ cũng khổ về nổi tiếng An-nam còn khuyết-pháp, cần phải mượn chữ nho mà đọc ra nam-âm. Người Pháp bấy giờ có người sinh dùng chữ la - tinh quá, lại có người phản-đối chỉ muốn dùng toàn tiếng thổ-âm Pháp mà thôi, cũng chẳng khác gì ở nước ta bây giờ có người tra dùng chữ nho nhiều, lại có người phản-đối muốn hạn-chế chữ nho lại. Cứ xét những lời nghị-luận của các bậc văn-sĩ Pháp đời bấy giờ mà tôi mới thuật vừa rồi, thời biết rằng phải nên khéo chiết-trung là hơn cả ; không nên lạm-dụng chữ ngoài, cũng không nên bài-trừ hẳn chữ ngoài, phải nên tìm-kiểm thu-nhập lấy hết cả những tiếng gốc của mình, hễ bao giờ tiếng mình không đủ, bấy giờ hẵng nên mượn của ngoài, hoặc đặt chữ mới, nhưng dù mượn dù đặt phải nên cần-thận, chọn khéo thế nào cho được những tiếng lịch-sự diên-nhã mà lại dễ hiểu dễ nghe.

Như thế thời khảo về cổ-rễ văn-chương Pháp thật cũng có ích cho quốc-văn ta nhiều lắm. Bởi vậy nên tôi muốn nói tương-đề các ngài rõ về lúc văn-chương Pháp mới thành-lập cái tình-trạng cũng không khác gì văn-chương ta ngày nay.

...

Thế-kỷ thứ 16 là thế-kỷ tiếng Pháp thành văn-chương hẳn. Về vận-văn

thời có mấy ông VILLON, MAROT, DU BELLAY, và RONSARD là những người trước-danh hơn cả. Nhưng mà thi-ca của các ông toàn là lối đạo-tinh tả-cảnh, nghĩa là những bài ngâm-vịnh chơi, chưa có nghĩa-lý sâu-xa gì. Duy có tân-văn về đời này thời tiến - bộ lắm. Trước kia những sách đứng-dẫn toàn viết bằng chữ la-tinh cả. Nay mới bắt đầu làm sách bằng chữ Pháp. Ông CALVIN (1509-1564) là người trước nhất dùng chữ Pháp để nghị-luận về tôn-giáo triết-lý. Ông trước theo đạo Gia-tô-cựu-giáo, sau bỏ mà xuống ra đạo Cải-lương-tân-giáo ở nước Pháp; cũng là một tay triết-học cứng. Ông có làm một bộ sách đề là « Chế-độ đạo Thiên-chúa » (*Institution chrétienne*), sách này diễn-giải phân-minh, nghị-luận phép-tắc, thật là một cái mẫu văn triết-lý về đời bấy giờ. — Một người nữa cũng có công to với tân-văn về đời ấy là ông RABELAIS (1483-1553). Ông cổ-học thâm thúy lắm, văn-chương Hi-lạp La-mã ông rất thông-tường. Vậy mà ông lại riêng thích về quốc-văn, ông làm ra hai bộ tiểu - thuyết khôi - hài tên là *Gargantua* và *Pantagruel*, trong đó ông dùng rất nhiều những tiếng thô-âm, cũng là phương-ngôn tục-ngữ và những chữ, khéo bắt chước ở Hi-lạp La-mã ra, người đời sau coi sách ông là một cái kho chữ về đời bấy giờ. Một cái kho chữ mà lại là một cái tủ khôn nữa, vì lối văn ông tuy là lối khôi-hài, toàn-thị là bông-lơn bốn-cột cả, mà ngụ trong có nhiều những tư-tưởng thâm - trầm, cùng những ý-kiến sâu-sắc về chính-trị, giáo-dục, văn-chương, v. v.

Nhưng mà nhà làm sách có công nhất cho quốc-văn Pháp về thế-kỷ thứ 16, quyết là ông MONTAIGNE (1533-1592), không những trước-danh về đương-thời, mà lại ảnh-hưởng về hậu-thế sâu-xa lắm. Ông làm một bộ sách đặt tên là « Cảo-luận » (*Essais*), là những bài luận - thuyết nho - nhỏ chép theo lối

văn « tùy-bút », trong chỉ thuận nói về ông, mà thực là một bức tranh tả hết cả nhân-tính thế-thai, là một cách khốc-hệt, dẫu người đời nào nước nào xem cũng có thú-vị. Văn-chương trong sách ấy là một lối văn-chương rất tự-nhiên, chính ông đã giải lối văn ông như thế này : « Cái lối văn tôi ưa ấy là một lối văn giản-dị thật - thà, nói ngoài miệng thế nào thời viết trên giấy như thế, lời văn súc - tích mà nhanh-nhẹn, văn - lắt mà chặt - chẽ, không phải là mỹ-miêu chải-chuốt, nhưng mạnh-bạo đường-dột . . . » (*Le parler que j'aime, c'est un parler simple et naïf, tel sur le papier qu'à la bouche ; un parler succulent et nerveux, court et serré, non tant délicat et peigné que véhément et brusque*). — Còn chủ - nghĩa của ông là cái chủ-nghĩa hoài-nghi, ông đã tóm lại một câu : « *Que sais-je ?* », nghĩa là « Tôi có biết gì không ? », ông không chắc là ông đã biết gì, nên ông không dám quả-quyết sự gì, không dám tự-phụ dạy ai, làm ra sách chỉ biết nói về mình thôi, nhưng mà nói một cách thâm-thiết sáng-suốt đến nỗi thành như một cái gương phản-chiếu cả tâm-tinh của loài người. Ông vì cái lẽ phải ở đời như « một cái lọ có hai quai, muốn xách quai bên tả hay xách quai bên hữu cũng được » (*la raison est un pot à deux anses qu'on peut saisir à gauche ou à droite*), và ông cho người ta là một giống « uyên-chuyển phiến-phức » (*un être ondoyant et divers*), như vậy thời ở đời biết thế-nào là phải, và làm người ai có dám lên mặt dạy ai. Bởi thế nên trong sách ông, ông chỉ nói về ông, ông thường dặn người đọc sách rằng : « Sách này không phải là đạo của tôi định truyền-bá cho người, sách này là một bài tôi khảo-cứu về tôi mà thôi » (*Ce n'est pas ici ma doctrine, c'est mon étude*) ; khi nào ông bày một cái ý-kiến gì, thời ông nói

rằng : « Tôi bày cái ý-kiến này không phải là lấy làm tốt muốn người ta theo, chỉ lấy làm ý-kiến riêng của tôi. » (*Je donne cet avis non comme bon, mais comme mien*). Trong sách ông đã nói rõ cái chủ-ý ông như thế này : « Đã mấy năm nay tôi chỉ lấy tôi làm mục-dịch cho sự tư-tưởng của tôi, « tôi chỉ kiếm - sát, chỉ nghiên - cứu « một mình tôi. Hoặc có nghiên-cứu « sự khác, cũng là để ứng-dụng vào « tôi, để sáp-nhập vào tôi. Người ta « học được cái gì thường đem ra công-bố cho kẻ khác biết, và nhiều khi « cũng có sự không lấy gì làm ích-lợi lắm ; nay tôi cũng muốn nghiên-cứu được sự gì về tôi, đem ra nói chuyện với người ngoài, tưởng cũng « không phải là không nên, tuy về « phần riêng tôi thôi tôi chưa lấy sự « tấn-tới của tôi làm mãn-nguyên cho « lắm. Không có sự học gì khó bằng « học cái bản - thân mình, và cũng « không có sự học gì có ích-lợi hơn. « Vì đã nói đến mình thôi phải sửa « mình luôn, như người có trang-sức « vào mình, rồi mới dám đi ra ngoài. « Tôi sửa mình tôi luôn, vì tôi nói « đến tôi luôn. . . Tôi thường tả những « cái tư-tưởng tình-ý của tôi, thật là « một cái vấn-đề hỗn-dộn không thể « làm thành sách hay được (*Je peins « principalement mes cogitations, subject « informe qui ne peut tomber en production ouvrage*) . . . Tôi giải bày « tâm lòng tôi cho thiên-hạ biết, khác « nào như một bức tranh vẽ thân-thể « người, nhìn một lượt thôi biết đâu là « mạch máu, đâu là bắp thịt, đâu là « đường gân, phần nào ở vào chỗ nấy ; « lại khi ho lên thôi nó kích-dộng thể « nào, khi sợ hãi, khi thồn-thức thôi « nó biến sắc làm sao. Nói tóm lại, « sách này không phải là tôi kể về công-việc sự-nghiệp của tôi, tôi chỉ nói về « tôi, về cái bản-tâm, bản-tính của tôi « mà thôi . . . »

Các ngài nghe có phải lời - lẽ thật-thà và thiết-thực biết bao nhiêu. Thật không có gì là văn-chương như lời văn-chương của người mình. Vì nhà làm sách nào cũng có cái chỉ khảo-cứu về mình một cách thành-thực như thế, đừng đem những giọng ba-hoa mà huyền-diệu người đời, thôi tôi tưởng lòng người không còn chút gì là u-ân nữa, và khoa tâm-lý-học về người ta tiến-bộ biết bao nhiêu ! Các ngài lại thử nghe ông tả về hình-thể và tâm-tính ông :

« Khổ người tôi thấp kém trung-bình « một tí. . . Dáng tôi nặng-nề to-mạnh, « mặt không phi-mập, nhưng đầy-dặn ; « tính-khí thời không vui-vẻ cũng « không buồn - rầu, không hăng-hải « nóng-nảy lắm. Sức tôi mạnh, mỗi tuổi « một khỏe, không hay có bệnh - tật. « Nay tôi đã ngoài tứ-tuần, chưa lấy « gì làm già. . . Nhưng mà từ nay về sau « thôi không biết thế nào ; từ nay về « sau có lẽ tôi chỉ là một « nửa tôi » « mà thôi, tôi không phải là tôi nữa, « vì mỗi ngày tôi một khác đi, mỗi « ngày tôi một suy đi. . . Tài khéo tôi « không có một chút gì. . . Đàn hát, « tôi dốt quá, học đánh đàn không biết « đánh, học hát không có giọng. Nghề « nhảy, nghề múa, phép thẻ-thao, tôi « cũng gọi là biết hơi hơi mà thôi : « còn như múa gươm, lội nước, v. v. « thời tính không biết. Tay tôi thời « cứng-cỏi vụng-về, viết xấu, có khi « viết rồi mà chính mình đọc lại cũng « không được. . . Tôi viết cái thơ cho « ai, nhiều khi đến chỗ kết không biết « viết thế nào. . . Nói tóm lại thời hình- « thể tôi với tư-chất tôi cũng là tầm- « thường cả. Không có gì là linh-lợi ; « chỉ được cái vững-vàng chắc-chắn. « Tôi có cái tính chịu khó, nhưng cái « gì tự mình có thích, có muốn thời « mới chịu khó được. . . Nếu không có « hứng, không được tùy-ý tự-do thời « chẳng làm nên công-chuyện gì cả ; « vì cái tính tôi thế, trừ sự sống với

« sức khỏe, ở đời không có cái gì là tôi
 « muốn dễ lụy đến tôi, không có cái
 « gì là tôi phải chịu uốn mình nhọc
 « trí để cầu cho được. . . Tinh tôi chỉ
 « ưa nhất là nhàn-tản, tự-do. Bất tôi
 « bận-bịu đến cái gì thời như giết tôi
 « không bằng (*Je presteray aussi volon-*
 « *tiers mon sang que mon soing*, câu
 « này không thể dịch cho đúng
 « được), v. v. . . »

Đó là cái tư-chất thuộc về thân-thể ;
 kể đến cái tư-chất thuộc về tinh-thần
 thời ông nói rằng : « Sách của tôi làm
 « ra, tôi thật không lấy làm bằng lòng ;
 « mỗi lần tôi sửa lại, lại chỉ
 « thêm phiền lòng. . . Cái ý-tưởng ở
 « trong óc tôi bao giờ cũng tốt đẹp hơn
 « là khi đem phổ-diễn nó ra ngoài,
 « mà không thể nào nắm lấy nó, bắt
 « lấy nó được. Lời-lẽ văn-chương của
 « tôi thô-bỉ lắm ; không có tí gì là bóng-
 « bẩy, là đẹp-dẽ cả. Tôi nói cái gì thời
 « cứ nói chân-chân ra như thế, không
 « biết thêm-thắt vào cho nó hoa-mĩ
 « ra : cái chất thể nào cứ thế, không có
 « nhờ văn lời mà tốt đẹp được thêm ra.
 « Bởi thế nên tôi cần phải có cái chất
 « mạnh-mẽ, để cho tự nó nổi giá-trị,
 « không phải nhờ đến văn tôi. . . Nói
 « rút lại thời văn tôi không phải là lối
 « văn chơn-chu trôi-chảy ; văn tôi nó
 « lỏng-chồng, nó tự-do, nó phóng-túng.
 « Mà tôi lại thích như thế, không
 « phải rằng tôi lấy thể làm hay, nhưng
 « vì tinh tôi như thế, vân vân. . . »

Ấy đại-khái sách ông MONTAIGNE
 đều một cái giọng tự-nhiên mà thiết-
 thực như thế. Trong sách ông bàn
 không thiếu chuyện gì, mà ông chỉ lấy
 ông làm đích. Đọc sách « Cáo-luận »
 của ông tựa-hồ như ngồi nghe chuyện
 một người khôn-ngoaan di-dễm, lời
 nói bình-dị tự-nhiên, không có khoa-
 trương kiêu-sức gì. Câu chuyện bao
 giờ cũng vui cũng thú. Tôi dám
 khuyên các ngài thỉnh-thoảng nên ngồi
 mà nghe chuyện ông Tây - nho đã ba

bốn trăm năm đó, thật có bổ-ích cho
 đạo sửa mình, và nếu khéo biết nghe
 chuyện thời cũng có thể khôn người
 ra được.

Tôi nói tương về ông MONTAIGNE,
 vì ông là vào hạng mấy nhà văn-sĩ đầu
 nhất của nước Pháp, hồi văn-chương
 Pháp mới thành-lập, và sách ông tuy
 đã cũ nhưng có một cái giá-trị riêng,
 dầu bao giờ đọc cũng vẫn hay.

Nói tóm lại thời trước thế-kỷ thứ
 15 là buổi văn-chương Pháp còn mới
 phối-thai, tự thế-kỷ thứ 15 đến cuối
 thế-kỷ thứ 16 là buổi đương lớn lên,
 tức là tuổi thanh-niên của văn-chương
 Pháp. Bấy-giờ có cái khí-vị hoạt-bát,
 khinh-khiêu, tự-do, phóng - khoáng,
 và sẵn ra những tay văn-sĩ như ông
 RABELAIS, ông MONTAIGNE.

Qua sang thế-kỷ thứ 17 thời là vào
 tuổi trưởng-thành, như người ta càng
 lớn lên thời người càng chín-chắn,
 bớt cái tính khinh-khiêu thừa nhỏ
 mà ra cái thái-độ nghiêm-trang của
 người trưởng-giả. Văn-chương Pháp
 đến thế-kỷ thứ 17 là vào tuần đứng
 bóng, nghĩa là đương lúc toàn-thịnh.

..

Thế-kỷ thứ 17, trong văn-học-sử
 Pháp thường gọi là « thế - kỷ vua
 Louis thập-tứ » (*Siècle de Louis XIV*),
 vì cái thời-kỷ văn-học nghệ-thuật
 toàn-thịnh trong đời ấy là quãng vua
 Louis thập-tứ trị-vi trong nước, hết sức
 chấn-hưng các văn-nghệ, nghĩa là chỉ
 một khoảng vài mươi năm từ năm 1660
 đến năm 1680. Trong lịch-sử thế-giới
 không có một quãng-dời nào ngắn như
 thế mà xuất-hiện được nhiều những
 bậc thiên-tài về văn-chương như vậy.
 Mấy chục năm về trước tựa-hồ như
 là dọn đường sẵn cho các bậc ấy ra,
 và mấy chục năm về sau tựa-hồ như
 còn phảng-phất cái hương thừa để lại.

Nhà phê-bình văn-học có tiếng,

ông SAINT-EUVE, đã hình-dung cái thế-kỷ vua Louis thập-tứ như sau này : « *Représentons-nous un large fleuve au cours lent et presque insensible, un pont sur ce fleuve, et sur les parapets de ce pont quelques admirables statues. Ce sont ce les de Pascal, de Bossuet, de Molière, de La Fontaine, de Racine, de Boileau ; ce pont, c'est le siècle de Louis XIV ; et sous ce pont ce fleuve qui va lentement, mais sûrement, de sa source à son embouchure, c'est l'esprit du 16^e siècle qui deviendra celui du 18^e, plus riche seulement dans sa composition d'un peu de tous les terrains qu'il aura successivement baignés.* » Nghĩa là : « Ta thử tưởng-tượng một con sông rộng, nước chảy thông-thả từ từ, trên con sông ấy có một cái cầu, hai bên bao-lơn cầu ấy có mấy pho tượng tuyệt đẹp, là tượng ông Pascal, ông Bossuet, ông Molière, ông La Fontaine, ông Racine, ông Boileau. Cái cầu ấy là thời-đại vua Louis thập-tứ : dưới cầu ấy, con sông chảy thông-thả từ từ đó là cái tinh-thần của thế-kỷ thứ 16, sau này sẽ truyền cho thế-kỷ thứ 18, và mỗi ngày cái chất nước như một giàu thêm ra, vì đã cuốn được thêm những đất phù-sa của các nơi kinh-quá. »

Mấy pho tượng tuyệt-đẹp đó, chắc các ngài đã biết tiếng cả rồi, và nhiều ngài chắc đã được trông được ngắm kỹ. Ai đã học chữ Pháp mà lại không từng đọc qua văn của mấy ông Pascal, Bossuet, Molière, La Fontaine, Racine, Boileau ? Tôi chỉ tiếc rằng trong một bài diễn-thuyết không thể nói được tường về mỗi ông cho các ngài rõ cái giá-trị văn-chương của mỗi ông thế nào. Lại bàn về văn-chương của các ông mà không trích-dịch của mỗi ông mấy đoạn văn hay bình đọc lên để cùng thưởng-giảm thời cũng là vô-vị thật. Song bài diễn-thuyết này đã dài rồi, nếu làm như thế thời cả đêm cũng không hết được. Và lại chủ-ý tôi trong bài này là chỉ muốn lược-

thuật cái lịch-sử văn-chương của Đại-Pháp, không định bình-luận về văn-chương của mỗi nhà. Để một lần sau, rộng thì-giờ hơn, tôi sẽ cùng các ngài đem những văn-chương hay của các nhà mà bình-luận, làm như một cuộc bình-văn, bấy giờ mới có thể nói tường được. Bấy giờ thời chỉ xin lược kể tên các nhà danh-văn Đại-Pháp, và nói qua tính-cách riêng của mỗi nhà, cùng cái khuynh-hướng riêng của mỗi thời-đại thế nào. Đọc cái sổ những tên người như thế, chắc các ngài nghe không khỏi lấy làm chán, song cũng xin lượng cho, vì thời-hạn bách-súc, và văn-chương Pháp thời phong-phú quá, không thể trong một vài giờ đồng-hồ lược-thuật cho hết được.

Đầu thế-kỷ thứ 17, trước thời - đại vua Louis thập-tứ, đã xuất-niên ra hai bậc văn-sĩ đại-tài, là ông DESCARTES và ông CORNEILLE. Gọi ông DESCARTES là một nhà văn-sĩ thời khi hẹp mắt cái giá-trị của ông đi, vì ông chính là một nhà triết-học, mà là tổ triết-học nước Pháp đời nay. Song đây là bàn về văn-học thời ta chỉ xét văn-chương của ông mà thôi, văn-chương của ông là văn-chương triết-lý, lời văn rần-rời, nghị-luận chặt-chẽ, pho-tự rõ-ràng, kỹ-thuật rành-rẽ. Văn xuôi Pháp đến ông đã là tuyệt-bút. Ông làm sách « *Phương-pháp-luận* » (*Discours de la Méthode*), năm trước tôi đã thử dịch mấy thiên đầu trong *Nam-Phong tạp-chí*, Sách này là dạy người ta cái phương-pháp nên sai khiến sự tư-tưởng thế nào cho khỏi sai-lầm và được hợp lẽ. Sách này không những là một áng văn-chương hay, lại là một bộ sách gốc về triết-học.

Ông CORNEILLE thời là tổ nghề diễn-kịch ở nước Pháp. Ông chuyên-trị về lối bi-kịch (*tragédie*). Bài tuồng *Le Cid* của ông xuất-bản năm 1632 thật là biến-cách hẳn nghề kịch từ xưa đến

nay. Bài này tôi cũng đã thử dịch trong *Nam-Phong*, nhưng tự biết rằng tiếng ta còn non-nớt lắm, không thể nào diễn được hết cái tinh-thần của nguyên-văn. Đại - ý các bài tuồng của ông là tả những cái thủ-đoạn anh - hùng của các bậc siên-quân bạt-tuy, và thường là tả cái tinh-đục phản-đối với sự nghĩa-vụ, mà sau nghĩa-vụ thắng-đoạt được. Các bài tuồng của ông có thể cho là những bài dạy đạo-đức rất cao-thượng.

Ông RACINE ra sau ông CORNEILLE cũng sở - trường về lối bi-kịch. Có người thích ông RACINE hơn ông CORNEILLE, vì văn - chương ông không hùng - hồn bằng văn ông CORNEILLE, nhưng dịu-dàng êm-ái hơn, và ông tả về nhân - tính thể - thái một cách rất sâu-sắc. Những bài tả về ái-tình, lấy ái-tình là một cái dục-tình rất mãnh-liệt, không gì ngăn-cầm được, như bài *Phèdre*, các nhà phê-bình cho là văn-chương tuyệt-bút. Ông RACINE không có dạy-đạo-đức cho người ta, nhưng ông thuộc cái tâm - lý người ta không ai bằng. Đọc những bài bi - kịch của ông cũng có thể khôn người ra được.

Các bài kịch của CORNEILLE, RACINE là lấy những tích trong truyện cổ Hi-lạp, La-mã, mà kết-cấu thành kịch-bản, cách kết-cấu khéo mà lời văn-chương hay, nhưng biệt ra một lối riêng, tây gọi là bi-kịch mà ta có thể gọi là «tuồng» được. Đến lối hi-kịch (*comédie*), tức là lối «chèo» thời ông MOLIERE là tuyệt-luân. Hi-kịch của MOLIERE thế nào, tôi không cần phải nói các ngài đã biết rồi. Ông Nguyễn Văn-Vĩnh năm xưa đã dịch mấy bài như « Bệnh tưởng » (*Le malade imaginaire*), « Trường-giả học làm sang » (*Le Bourgeois gentilhomme*), ra quốc-văn khéo lắm. Lối chèo của MOLIERE là chủ-ý phỏ bầy hề diễn-cợt những thói dốt tính khờ của người đời, xem diễn ra buồn cười lắm mà ý-vị thật là chua-cay vô-cùng. Cổ-kim Đông-Tây tưởng không có một

nhà soạn hi-kịch nào thảo-tình như thế.

LA FONTAINE thời trước-danh về tập thơ « Ngu-ngôn » (*Fables*). Tây gọi là chuyện ngu-ngôn, thế văn tầm-thường, tựa-hồ như thơ-thiền, mà thật là có ý-nghĩa thâm-trầm lắm, mượn súc-vật để dạy người đời, người đời thật không khác gì súc - vật, có khi không bằng súc-vật cũng nên. Có người đã nói tập « Ngu-ngôn » của LA FONTAINE khác nào như một tập tranh nho-nhỏ con-con, xinh-xinh xắn-xắn, mà nhận kỹ có nét bút tinh-thần, vẽ được hết cả nhân-tình thể-thái. Tập « Ngu-ngôn » này, ông Nguyễn Văn-Vĩnh cũng đã dịch ra quốc - âm khéo lắm, con trẻ người lớn đọc đều lấy làm thích.

Nhưng văn-chương Pháp về thể-kỷ thứ mười-bảy đặc-lục nhất là được có hai bậc đại-tài, tư-tưởng cao-kỳ, văn-chương hùng-tráng. Hai bậc ấy là ông PASCAL và ông BOSSUET. Mà lạ thay, hai bậc ấy không phải là những tay văn-sĩ nhà nghề. Ông BOSSUET là một cụ linh-mục, vì chức-phận phải đọc văn-tế những bậc danh-công cụ-khanh đời bấy giờ, lại vì chức-phận phải giảng-thuyết về nghĩa đạo cho các giáo-dõ nghe; những bài văn-tế, bài giảng đạo ấy, không chủ-ý làm văn-chương, mà văn-chương tuyệt-bút, nên được những giọng hùng-hỏa, thật không đời nào nước nào có một tay hùng-biện sánh tầy. Người đương-thời đã cực-tán cụ gọi cụ là « con Phụng-hoàng thành Meaux » (*l'aigle de Meaux*). — Đến ông PASCAL mới lại kỳ nữa : tập sách hay nhất của ông là một mớ giấy lộn, những lúc ông buồn-khoảnh buồn-bực về nông-nỗ ở đời, về thân - phận làm người, về cái vận-mệnh con người ta chìm-dắm trong khoảng vũ-trụ mênh-mông, khi đèn khuya thanh-vắng, cực chẳng đã, ông phải cầm bút viết đề thờ-lộ cái tư-tưởng ra, ba mảnh giấy nào viết vào mảnh ấy, định đề xem lại về sau, không có chi đem văn-chương ra văn - thể, vậy mà đời sau

tim được những mảnh giấy ấy, chấp-nhặt lại, thành một áng văn - chương tuyệt-tác, lời-lời thâm-thiết, văng-vẳng xa-xa, như tiếng hạc kêu trên mấy tầng trời lúc đêm khuya gió lạnh. Bấy giờ tờ giấy lộn ấy còn giữ ở nhà « Đại-Pháp đồ-thư quán », trân-trọng như một vật quốc-bảo.

Ông BOILEAU cũng là một người có công to với văn-học Pháp về thế-kỷ thứ 17. Ông chuyên-trị về lối phê-bình văn - học, lời khen chê thật là đích-đáng, đủ làm thẳng-mặc cho văn-giới đời bấy giờ. Nhờ ông mà văn-chương đời ấy được đứng mực như thế.

Cuối thế-kỷ thứ 17, còn nhiều những tay văn-sĩ có tài nữa, như bọn ông FÉNELON, LA BRUYÈRE, SAINT - SIMON, nhưng cái khí-vận đời vua Louis XIV đã đến ngày suy và phong-đội sắp mở ra một thời-dại mới.

Nay tổng - luận cả thế-kỷ thứ 17, thời văn-chương nước Pháp về thế-kỷ này là đến tuyệt-dinh, đời sau dẫu có mỗi ngày một mở rộng ra mà không bao giờ lên cao được hơn thế nữa. Tiếng Pháp đời bấy giờ thật là hoàn-toàn tốt-đẹp, sánh với thế-kỷ trước cách xa hần. Thành ra trong khoảng không đầy một trăm năm mà một thứ tiếng hầy còn non-nớt ngưng-ngập trở thành nên một nền văn-chương lão-luyện. Đời ấy văn-chương không phải chỉ ở riêng trong sách các nhà làm văn; từ công-văn của Nhà-nước cho đến hư-trát của người riêng, cũng đều có văn-chương cả. Đời sau đã có người nói khôi-hài một câu rằng : « *A cette époque la moindre femmelette en eût remontré à nos académiciens* » (COURIER), Nghĩa là : « Đời ấy mẹ « thị mệ » nào cũng làm văn hay hơn các ông Hàn-lâm ta. » — Chữ *femmelette* phải dịch như thế mới rõ cái giọng nói khôi-hài mà lại có ý ghen-tức một tí — Mà thật thế : hồi bấy giờ có một vị phu-nhân là bà

hầu-tước DE SÉVIGNÉ, ở xa con gái yêu, thường thường viết thư cho con, những thư ấy đời sau sưu-tập lại, cũng thành một nền văn-chương có giá-trị.

...

Qua thế-kỷ thứ 17, đến thế-kỷ thứ 18, rõ ra một cái cảnh-tượng khác. Trong cái của ông SAINTE-BEUVE ví cái nguồn văn-học Pháp như một con sông mà đời vua Louis thập-tứ là cái cầu bắc qua sông, có nói rằng con sông ấy phát-nguyên từ thế-kỷ thứ 16 mà chảy thông ra thế-kỷ thứ 18. Thế-kỷ thứ 16 là đời văn-học mới phát - nguyên. Còn được hoàn-toàn tự-do, chưa phải theo vào khuôn-phép qui-cử gì cả, như con sông mới ở nguồn chảy ra, chảy lòng-bồng không có gì ngăn-cản ; đến giữa thế-kỷ thứ 17, thời văn - chương bấy giờ mới định-thế, có mấy tay văn-hào thi-hào xuất-hiện ra làm mô-phạm cho một thời, và hình như bắt văn-chương phải theo một cái kiểu-mẫu nhất-định, kiểu-mẫu trang-nghiêm tráng-lệ thật, nhưng vẫn là kiểu-mẫu bắt-buộc phải theo, cũng tức như cái cầu kia bắc qua trên dòng sông, cầu tuy đẹp thật mà không khỏi che án mất một khúc sông ; ra khỏi gầm cầu thời dòng sông lại thung-dung lấp-loáng như trước. Cho nên nói rằng cái tinh-thần thế-kỷ thứ 18 chính là cái tinh-thần thế-kỷ thứ 16 trước truyền qua thế-kỷ thứ 17 sang, nghĩa là cái tinh-thần tự-do, không chịu theo qui-chế.

Muốn tổng-quát cả văn-học về thế-kỷ thứ 18 thời có thể nói rằng thế-kỷ này có bốn năm bậc đại văn-hào và bốn năm cái lý-tưởng lớn. Mấy bậc đại-văn-hào là MONTESQUIEU, VOLTAIRE, DIDEROT, ROUSSEAU, BUFFON. Mấy cái lý-tưởng lớn là lý-tưởng về tự-do, về công-lý, về tiến-bộ, về xã-hội, về khoa-học, toàn là những lý-tưởng mới-mẻ cả và có ý phản-đối với các lý-tưởng về

quân-chủ, về dễ-chế của đời trước. Mấy bậc văn-sĩ đó đem cái văn-chương hùng - hào để diễn những tư-tưởng mới-mẻ đó, ấy cả lịch-sử văn-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 18 là thế. Văn - chương đời này không được trang-nghiêm diên-lệ như đời trước, mà tư - tưởng thời rồi - rào phong-phú hơn nhiều. Những tư-tưởng ấy truyền-bá ra một cách rất là mãnh-liệt, làm diên-đảo cả xã-hội cũ và kết-quả đến gây ra cuộc Đại-Cách-mệnh năm 1789, phá đổ chính-thể chuyên-chế của nhà vua và dựng-dặt ra chính-thể Cộng-hoà của dân-quốc. Mấy nhà văn-hào đó ảnh-hưởng ở nước Pháp đã to-tát như thế, mà ảnh-hưởng ra ngoài, ra các nước khác trong thế-giới lại còn to rộng hơn nữa. Không nói xa-xôi đâu, nói ngay nước Tàu là nước láng giềng ta đây: những bọn lân-đảng đi du-học Âu-châu hấp-thụ được những cái tư-tưởng tự-do dân-chủ của các bậc ấy, về nước dịch-thuật những sách-vở của các bậc ấy ra chữ nho, dần dần gây lên trong nước một cái phong-trào cách-mệnh, sau đến phá đổ được nhà Mãn-Thanh mà đặt ra Trung-hoa-dân-quốc bây giờ. Coi đó thời biết tư-tưởng của người ta hễ mà quảng-dại to-tát thời có cái sức bành-trướng mạnh không biết đến đâu là cùng. Các sách của người Tàu dịch lọt sang cả nước Nam; ta thường nghe thấy nhiều ông nho cũ và mấy nhà văn-sĩ mới, khi làm văn khi nói chuyện, thường chứng-dẫn những sách « Vạn-pháp tinh-lý » của ông Mạnh-đức-tư-cưu, sách « Dân-vớ » của ông Lư-thoa, cùng nhiều những câu văn câu sách của ông Phúc-lộc-đặc-nhĩ. Sách « Vạn-pháp tinh-lý » chính là *L'Esprit des Lois*, ông Mạnh-đức-tư-cưu chính là ông MONTESQUIEU; sách « Dân-vớ » là *Le Contrat Social*, mà ông Lư-thoa là ông ROUSSEAU; còn ông Phúc-lộc-đặc-nhĩ thời chính là ông VOL-

TAIRE (1). Kỳ thay! Người An-nam ta học văn-chương Pháp ngay từ nguồn mà những danh-văn của qui-quốc phải qua chữ « nước người » mới sang tới ta, thay hình đổi dạng đi, đến tên người nghe cũng khó nhận; kẻ cũng lạ thay!

Trong mấy nhà văn-sĩ đó thời trước-danh nhất, mãnh-liệt nhất là hai ông VOLTAIRE và ROUSSEAU. Ông VOLTAIRE làm sách-vở rất nhiều, lối gì ông cũng hay cả, thơ, kịch, tiểu-thuyết, triết-lý, lịch-sử, cho đến những thư-trát của ông viết cho bạn-bè mới lại càng hay nữa. Ông giao-du với những bậc công-hầu vua chúa đời bấy giờ thật nhiều. Ông có chơi thân với vua FRÉDÉRIC nước Phổ, vua cảm-phục ông lắm, thường có câu cực khen ông rằng: « *Je doute s'il y a un Voltaire dans le monde: j'ai fait un système pour nier son existence. Non, assurément, ce n'est pas un seul homme qui fait ce travail prodigieux qu'on attribue à M. de Voltaire. Il y a à Cirey une académie composée de l'élite de l'univers. Il y a des philosophes qui traduisent Newton, il y a des poètes héroïques, il y a des Corneille, il y a des Catulle, il y a des Thucydide, et l'ouvrage de cette Académie se publie sous le nom de Voltaire, comme l'action de toute une armée, s'attribue au chef qui la commande.* » Nghĩa là: « Tôi ngờ rằng trên thế-giới này không biết có ai là ông Voltaire không: tôi đã lập hẳn ra một cái lý-thuyết để chứng-rằng thật không có. Không, chắc là không có được: không có lẽ một mình ông Voltaire mà làm nổi được cái công-trình trước-tác vĩ-dại như thế. Chắc là ở Cirey (là nơi biệt-thự của ông Voltaire) có một tòa Hàn-lâm hợp những tay tài giỏi trong thiên-hạ. Ở đấy có những tay triết-học dịch sách ông Newton, có những tay thi-hào làm ra những bài anh-hùng-ca, có những tay diễn-kịch như Corneille, những tay làm thơ như

(1) Mạnh-đức-tư-cưu, tiếng quan-hoại đọc là Mong-te-tseu-kiou; — Lư-thoa = Lou-tso; Phúc-lộc-đặc-nhĩ = Fou-lou-te-cul.

Catulle, những tay chép sử như Thucydide, rồi sách vở của tòa Hàn-lâm ấy khi xuất-bản thời để vào tên ông VOLTAIRE, cũng như một đoàn quân đánh được trận là qui-công cho ông nguyên-sủy. — Nghĩa là hết sức khen cái tài học-vấn yêm-bác, văn-chương cao-hùng của tiên-sinh.

Cứ thực thời ông VOLTAIRE cũng không có tư-tưởng gì riêng, chẳng qua là gồm hết cả những tư-tưởng của người đương-thời mà diễn-xuất ra văn-chương. Cho nên có người đã nói rằng thế-kỷ thứ 17 gọi là đời vua Louis XIV, thời thế-kỷ thứ 18 cũng có thể gọi được là « thế-kỷ ông Voltaire » (*siècle de Voltaire*).

Đến ông ROUSSEAU thời cũng là diễn những lý-tưởng tự-do dân-chủ, mà diễn một cách mãnh-liệt vô-cùng, nên cái ảnh-hưởng của ông lại sâu mạnh lắm nữa. Cỗ-kim tưởng không có nhà làm sách nào xung-động cảm-kích người ta một cách hùng-hào như ông ROUSSEAU; văn ông thật là cuốn-cuộn mênh-mông như trường-giang đại-hải, ai đọc cũng không thể cầm lòng cảm-động được. Chủ-nghĩa của ông là người ta tính vốn lành, chỉ vì xã-hội làm hư người ta đi thôi; muốn cho người hay thời phải sửa lại xã-hội, sửa lại xã-hội thời phải bắt đầu sửa chính-trị trước. Cái tư-tưởng ấy, một nhà văn-sĩ đời bấy giờ là ông CHAMFORT đã tóm-lại một cách rất rõ-ràng như thế này: « *Les fléaux physiques et les calamités de la nature ont rendu la société nécessaire, la société a ajouté aux malheurs de la nature. Les inconvénients de la société ont amené la nécessité du gouvernement et le gouvernement a ajouté aux malheurs de la société. Voilà l'histoire de la nature humaine.* » Nghĩa là: « Người ta vì cực-khổ về những nỗi thiên-tai tật-bệnh, nên phải lập thành xã-hội. Xã-hội lập ra lại làm thêm cái khổ thiên-nhiên lên, Bởi xã-hội bất-tiện như thế, nên cần phải đặt ra chính-trị, chính-

trị đặt ra lại làm thêm cái khổ của xã-hội. Ấy lịch-sử loài người là thế. » — Như thế thời chỉ có một cách, là phá-hoại cả mà cải-tạo lại. Cho nên cái chủ-nghĩa của ông ROUSSEAU mà diễn đến cực-đoan thời chỉ gồm lại hai chữ « phá-hoại » mà thôi. Nhưng phá-hoại đã vậy, cải-tạo làm sao? Khó thay!

Tổng-luận về thế-kỷ thứ 18, thời thế-kỷ này là đời thịnh-hành những tư-tưởng về chính-trị, về xã-hội, và văn-chương chẳng qua là để diễn những tư-tưởng đó mà thôi; nhưng mà những tư-tưởng đó mãnh-liệt, nên văn-chương cũng hùng-hồn. Lỗi văn này là lỗi văn hoạt-động, chứ không phải là văn-chương thường nữa.

...

Đến thế-kỷ thứ 19, là về cận-dại rồi.

Trong khoảng 20 năm đầu, từ 1800 đến 1820, văn-chương hình như có ý suy. Là bởi những lẽ-lỗi cổ-diễn của văn-chương thế-kỷ thứ 17 đã thất-truyền rồi, và những tư-tưởng hùng-hào của văn-chương thế-kỷ thứ 18 đã phai-nhạt hết, mà bấy-giờ chưa có cái phong-trào nào kế lên thay, nên các nhà làm văn không biết lấy gì làm phương-châm, không biết lấy đâu làm phương-hướng. Tuy vậy cũng xuất-hiện được hai tay văn-sĩ có tài, là ông CHATEAUBRIAND và Bà DE STAËL.

Ông CHATEAUBRIAND dựng ra một lối văn-chương tả-cảnh tả-tình hay lắm. Đại-đề các nhà văn trước hay nghiên-cứu về nhân-tâm thế-sự và ít mô-tả đến những cảnh-vật thiên-nhiên của trời-đất cùng cái cảm-tình của người ta đối với những cảnh-vật ấy thế nào. Bắt đầu từ ông ROUSSEAU đã manh-nhà ra lối văn-chương đạo-tình tả-cảnh, nhưng đến ông CHATEAUBRIAND mới thật là thịnh-hành. Cảnh ông tả là những cảnh nên thơ của tạo-vật, tình ông tả là những tình sâu-muộn

của lòng người, nên văn-chương ông có cái vẻ diễm-lệ, mà lại có cái ý thiết-tha, đọc véo von dẻo-dắt lắm.

Bà DE STAEL thời giữ cái địa-vị như một người môi-giới đứng thâu-thái những văn-chương ngoại - quốc, như văn-chương nước Đức, văn-chương nước Ý, dễ sáp-nhập vào văn-chương Pháp. Trước kia thời các nhà làm văn Pháp chỉ biết những cổ-văn của Hi-lạp La-mã mà thôi, nhờ bà mà các văn-chương ngoài truyền - bá vào trong nước, thêm tài-liệu, thêm kiểu-mẫu cho nhà làm văn.

Đến thời-kỳ thứ nhì, từ năm 1820 đến năm 1848, thời văn-chương đã thấy hưng-thịnh lắm, chẳng kém gì các đời trước. Trong khoảng này thấy xuất-hiện được bốn bậc thi-nhân có tài: ông LAMARTINE, ông MUSSET, ông VIGNY và ông HUGO, mà trước - danh nhất là ông VICTOR HUGO.

Thơ ông LAMARTINE thời phảng-phất, êm-dềm, mát-mẻ, thanh-thú, vần-diệu êm như du, vui như hát, không khác gì tiếng đàn, thật là có cái vẻ « trong như tiếng hạc bay qua ». Thơ ông toàn là lối thơ đạo-tinh, nhã-thú lắm.

Thơ ông MUSSET thời cũng là thơ đạo-tinh mà có vẻ dĩnh-ngộ hơn. Ông thường ngấm-vịnh về cái phong-thú tuổi thiếu-niên, cái lạc-thú của ái-tình.

Thơ ông VIGNY lại ra một lối khác, là lối thơ triết-lý, trầm-trọng sâu-xa, người thường đọc khó hiểu.

Nhưng mà trong bọn đó, tay cự-phách quyết là ông VICTOR HUGO. Có lẽ không đời nào nước nào có một người làm thơ nhiều như ông; thật là một bậc thiên-tài. Ông bắt-đầu viết thơ từ 13, 14 tuổi, cho mãi đến ngoài 80 mới thôi. Trong khoảng đó, những hùng-thiên kiệt-tác cũng nhiều, nhưng cũng nhiều bài kém. Song ai cũng công-nhận ông là một bậc thi - hào

hùng-mạnh nhất cổ - kim. Thơ ông đủ lối, lối gì cũng hay. Ông đã tự nói rằng: « Tôi đặt tấm lòng tôi ở giữa khoảng trời-dất, để cho cái gì thoảng-quá cũng hưởng-dộng mà thành tiếng » (*Mon âme mise au centre de tout comme un écho sonore*). Ông SAINT-BEUVE đã ví ông như một cái « thanh-la » (*une cymbale retentissante*), hề khua lên thì vang-dộng cả một thửa.¹ Thơ ông thật là nhiều chữ, đọc lên như những vàng-ngọc loảng-soảng cả.

Nhưng ông VICTOR HUGO trước-danh nhất là ông đứng lĩnh-tụ một cái văn-phái mới gọi là phái « lãng-mạn » (*l'école romantique*). Vì tự thế-kỷ thứ 19 này, văn-học-giới nước Pháp bắt đầu lập ra môn-hộ, chia ra đảng-phái, tranh-dành nhau. Chủ-nghĩa của phái lãng - mạn là muốn phá đổ cả các khuôn-phép qui-cử về văn-chương đời trước, mà đặt ra một lối văn-chương tân-kỷ. Như đời trước chỉ biết trọng các kiểu-mẫu của Hi-lạp La-mã, đời nay không bắt - chước những kiểu ấy nữa, mà tự ý đặt ra kiểu mới; như đời trước cứ lấy sự nghiêm - trang đứng - đắn mới cho là hay là đẹp, không biết rằng trong sự hỗn-độn láo-náo cũng có cái vẻ đẹp. Đời trước cứ lấy hiền - nhân quân - tử mới là người hay, không biết rằng kẻ loạn-thần tặc-tử cũng có cái hay, và thứ nhất là kẻ ngông-cuồng lại có nhiều cái thú lắm, v. v.. Một cái chủ-nghĩa quá tự-do như thế, không khỏi có nguy-hiểm, vì cứ một nước đó mà đi thời đến không còn có trật-tự gì nữa. Song đó chẳng qua là cái tư-tưởng ngông-nghềng của một nhà thi-nhân có tài mà thôi, chờ kỳ-thực thời chủ - nghĩa « lãng - mạn » (lãng-mạn tức là lỏng-bóng) không có đầu đến cực-đoan như thế, chẳng qua là chỉ không muốn làm nô-lệ cổ-nhân, muốn đặt ra một lối văn-chương mới để diễn-tả ra những tình-cảm mới.

Về văn xuôi thời trong thời-kỳ này cũng có nhiều người trước-danh lắm. Như văn chếp sử có ông MICHELET, và văn tiểu-thuyết thời có ông BALZAC và bà GEORGE SAND. Hai người sau đó chính là hai tay sáng-tạo ra lối tiểu-thuyết đời nay.

Đến thời-kỳ thứ 3, từ năm 1848 đến năm 1900 thời đã gần về đời ta rồi. Các nhà làm sách trong khoảng này nhiều lắm, nhưng mà phải để cho lâu năm mới rõ hẳn cái giá-trị ra, bây giờ không thể phán-đoán cho chắc-bằng được. Cứ đại-khái mà nói, thời những nhà trước-tác về hồi này, về đường tư-tưởng thời trọng cái chủ-nghĩa khoa - học, và về đường văn - chương thời trọng cái chủ-nghĩa tả-thực. Hồi này là hồi các khoa - học cách-tri đương thịnh - hành, đương biến - hoá thể - giới bằng điện - khí hơi nước, người ta chỉ ưa sự thực-dụng, chỉ tin sự thực-nghiệm mà thôi. Văn-chương cũng phải quay về đường thực, không thể bóng-lông như phái « lãng-mạn » trên kia được. Nhân đó mà lập ra phái « tự-nhiên » (*l'école naturaliste*), phái « tả-thực » (*l'école réaliste*), chủ lấy văn - chương mà diễn-tả sự thực cho hết như thực, không có bịa đặt biến-hoá gì cả. Phái này có ông ZOLA đứng đầu, thịnh-hành được một hồi, rồi sau cũng làm quá mà thành ra hư-hồng; vì tả thực vẫn là hay, nhưng mà chỉ tả thực thôi, những sự thực xấu-xa cũng đem ra mà diễn-tả, thời thành ra một lối văn thô-bỉ tục-tân, sao gọi là văn-chương được? Kế phái « tả-thực », lại xuất-hiện ra nhiều môn-phái nữa, như *école symboliste*, *école parnassienne*, v. v. ; hiệu cớ có nhiều mà tương giới không có mấy. Văn-chương Pháp thật là đương qua một buổi giao-thời, chưa biết hiển-hóa ra đường nào vậy.

Trong thời-kỳ này có hai nhà triết-học kiêm văn - học, ảnh - hưởng về

đương-thời sâu - xa lắm, và tới ngày nay vẫn hầy còn : là ông TAINE và ông RENAN. Hai ông tư-tưởng khác nhau, tính-cách khác nhau, nên văn-chương cũng khác nhau. Ông TAINE thời tư-tưởng khúc-triết, nên văn - chương cứng-mạnh ; ông RENAN thời tư-tưởng uyển - chuyển, nên văn - chương êm-mềm ; mỗi người hay ra một vẻ, nhưng đều là tay làm văn có tài cả. Những văn - sĩ về sau phần nhiều là học - trò của hai ông.

Qua đến thế-kỷ thứ 20 này, thời đã là hiện-thời rồi, văn-chương thịnh suy, chưa có định-bình, không thể sao bình-luận cho được. Nhưng cứ xem những sách thi văn xuất - bản trong khoảng hai mươi năm nay thời biết rằng văn-học vẫn thịnh. Có nhiều nhà văn-sĩ đã nổi tiếng trong thế-giới, như ông ANATOLE FRANCE, ông PAUL BOURGET, ông PIERRE LOTI, là mấy người trước-danh hơn cả; mấy ông ấy vào văn-đàn từ cuối thế-kỷ trước, bây giờ đã có tuổi cả rồi, nên cái giá-trị thế nào cũng đã lược biết; như văn ông ANATOLE FRANCE thời tự - nhiên, bình - dị, mà hay; có người nói văn ông như cái cốc pha-lê trong suốt mà gõ vào thời kêu lên như tiếng chuông; thật thế, ai đọc cũng phải lấy làm khoái-trá. — Văn ông PAUL BOURGET thời nhiều tư-tưởng hơn và có ý thâm về đường tâm-lý, khiến cho người ta ngẫm-nghĩ nhiều về nhân-tâm thế đạo. — Văn ông LOTI mới lại tuyệt-bút nữa, dùng những lời những chữ rất tâm-thường mà khéo đặt làm sao, khiến cho người ta đọc lên như đem mình vào trong cõi mộng. Ông đi du-lịch khắp các nước trong hoàn - cầu, mỗi nơi một cảnh, mỗi chỗ một thú, cảnh-vật không đâu giống đâu, mà thấy tấm lòng mình bao giờ cũng chỉ bấy nhiêu nỗi sầu-khổ buồn-rầu, đem cái tâm-cảnh đối với ngoại-cảnh mới biết tạo-vật là vô-tình, bởi thế mà giọng văn ông có cái ý

ngậm-người thân - khóc, đọc lên nỗi nuột vô cùng.

Hiện bây giờ thời cứ theo các báo-chi bên Tây bình-phẩm, văn-chương Pháp có hai nhà trước-danh nhất : văn xuôi thời ông HENRI BERGSON, văn vần thời Bà COMTESSE DE NOAILLES. Ông BERGSON vốn là tay triết-học, có người nói là một tay triết-học sâu-sắc nhất đời nay, nên văn-chương ông là văn triết-học, dẫu hay mà không phải là văn phổ-thông ai đọc cũng được. Còn thơ của Bà DE NOAILLES cũng có nhiều điệu mới, ý lạ, chắc là một bậc thi-nhân biệt-lai.

Thưa các Ngài,

Tôi đã đưa các ngài đi du-lịch qua một lượt trong rừng văn của Đại-Pháp. Trong khi dương đi, tôi chỉ lo sợ lạc đường ; nay may cuộc du-lịch đã được hoàn-thành, tôi cũng mừng rằng đã làm hết cái trách-nhiệm người hướng-đạo, và mong rằng các ngài cho cuộc du-lịch này không đến nỗi là vô-vị. Trong rừng văn Đại-Pháp, những cây to gỗ quý thiếu chi, tôi mới gọi là chỉ qua chỗ các ngài biết giẫm mười thứ mà thôi, còn ngoại-giả những danh-hoa dị-thảo khác nhiều lắm, không thể nhất-nhĩ chỉ-dẫn cho hết được. Nhưng

mà xem qua một lượt như thế, tôi tưởng các ngài cũng đã biết đại-khái về lịch-sử văn-học Đại-Pháp từ xưa đến nay tiến-hóa thế nào.

Tôi có nói tưởng về hồi văn-chương Pháp mới thành-lập, nghĩa là vào khoảng thế-kỷ thứ 15, 16. vì rằng tôi thấy cái tình-trạng văn-chương Pháp bây giờ với văn-chương ta ngày nay cũng có chỗ tương-tợ như nhau. Về thế-kỷ thứ 15, 16, văn-chương Pháp chưa định-thể, cũng như văn quốc-ngữ ta bây giờ; vậy mà đến thế-kỷ sau, không đầy một trăm năm, được loàn-thình như thế! Như vậy thì ở ta đối với quốc-văn ta cũng chớ nên thất-vọng. Từ nay đến 20, 30 năm nữa, nếu thấy văn quốc-ngữ không tiến-tới, thì quả là tiếng An-nam mình vào cái địa-vị đào-thải rồi, không còn mong-mỏi gì nữa. Bây giờ chỉ nên ngậm đắng nuốt cay mà lại cầm đầu đi học mượn viết như xưa. Nhưng mà từ nay đến đây, ta nên cố công cùng sức mà tập luyện cái tiếng quốc-âm của ta, xem có thể thành quốc-văn được không. Trong khi luyện-lập ấy ta nên lấy văn-hương Pháp làm gương, làm mẫu. Các ngài đã xem, cái mẫu ấy cũng đủ đẹp cho ta bắt chước, cái gương ấy cũng đủ sáng cho ta soi chợp. Ta nên gắng sức mà noi theo cho bằng người !

PHẠM-QUYNH

Je n'ai jamais composé un livre, moi ; je n'ai jamais écrit que quand j'avais l'esprit hanté d'une chose, le cœur serré d'une souffrance, — et il y a toujours beaucoup trop de moi-même dans mes livres.

PIERRE LOTI

Tôi bình-sinh có « làm sách » bao giờ, tôi chỉ cầm bút viết là khi nào tri tôi băn-khoăn về một sự gì, lòng tôi đau-dớn vì một nỗi gì, — cho nên trong sách tôi thường hay nói về tôi nhiều quá.

Trích-dịch mấy câu tư-tưởng hay của ông Pascal

L'homme n'est qu'un roseau, le plus faible de la nature, mais c'est un roseau pensant. Il ne faut pas que l'univers entier s'arme pour l'écraser. Une vapeur, une goutte d'eau suffit pour le tuer. Mais quand l'univers l'écraserait, l'homme serait encore plus noble que ce qui le tue, parce qu'il sait qu'il meurt ; et l'avantage que l'univers a sur lui, l'univers n'en sait rien.

...

Qu'on s'imagine un nombre d'hommes dans les chaînes, et tous condamnés à mort, dont les uns étant chaque jour égorgés à la vue des autres, ceux qui restent voient leur propre condition dans celle de leurs semblables, et, se regardant les uns les autres avec douleur et sans espérance, attendent leur tour : c'est l'image de la condition des hommes.

...

La vanité est si ancrée dans le cœur de l'homme qu'un soldat, un goujat, un cuisinier, un crocheteur se vante et veut avoir ses admirateurs. Et les philosophes mêmes en veulent. Et ceux qui écrivent contre veulent avoir la gloire d'avoir bien écrit ; et ceux qui le lisent veulent avoir la gloire de l'avoir lu ; et moi, qui écris ceci, ai peut-être cette envie ; et peut-être que ceux qui le liront....

...

Pourquoi me tuez-vous ? Eh quoi ! ne demeurez-vous pas de l'autre côté de l'eau ? Mou ami, si vous demeuriez de ce côté, je serais un assassin, cela serait injuste de vous tuer de la sorte ; mais puisque vous demeurez de l'autre côté, je suis un brave et cela est juste.

PASCAL

Người ta chỉ là một cây sậy, cây sậy yếu ớt nhất trong trời-đất, nhưng là cây sậy biết tư-tưởng. Không cần phải cả vũ-trụ công-kích mới rập rẩy được. Một tí hơi, một giọt nước, cũng đủ làm cho chết. Nhưng mà dù vũ-trụ làm được người chết, mà người vẫn còn cao-thượng hơn vũ-trụ, vì người chết biết rằng mình chết, mà vũ-trụ hơn người, vũ-trụ có biết đâu.

...

Thử tưởng-tượng một số người nằm cùm trong ngục, đợi ra xử tử ; mỗi ngày đem chém mấy người ngay trước mặt những người kia, kẻ ở lại trông thấy thân-phận mình ở kẻ đã đi, quay lại nhìn nhau, thăm-sầu thất-vọng, đợi đến lượt mình : ấy hình-ảnh đời người là thế.

...

Cái thói hiếu-danh nó thâm-căn cố để ở trong lòng người, cho đến nỗi chủ-linh-lệ, cậu-phu - diễm, bác đầu bếp, anh «bất-tê», cũng vênh-vào khoe-khoang, muốn người khen đến. Mà ông-quân-tử cũng vậy. Mà những kẻ viết đề-chỉ - trích cái thói ấy cũng muốn được cái hư-danh rằng mình viết hay ; mà những kẻ đọc lời chỉ-trích ấy cũng muốn được cái hư-danh rằng mình đã đọc ; mà tôi đây viết câu này để cũng có bụng đó ; mà có lẽ người đọc tôi sau này cũng...

...

Làm sao bác lại giết tôi ? — Ấy ! bác chẳng phải là người bên bờ kia sao ? Nay, bác ạ, nếu bác cũng ở bên này mà tôi giết bác, thì tôi là thằng có tội, tôi làm sự không nên ; nhưng vì bác ở về bên kia thì tôi giết bác, tôi là người có công, tôi làm việc nên lắm.

聖賢格言

THÁNH-HIỂN CÁCH-NGÔN (1)

(Lời nói hay của thánh-hiền)

IV

第九章

齊家。— Tề gia

第三十八節

孔子作易家曰。家
Khổng-tử tác Dịch thoán viết: Gia
人。女正位乎內。男
nhân, nữ chính vị hồ nội, nam
正位乎外。男女正
chính vị hồ ngoại, nam nữ chính,
天地之大義也。家
thiên địa chi đại nghĩa dã. Gia
人有嚴君焉。父
nhân hữu nghiêm quân yêu, phụ mẫu
之謂也。父父子子。
chi vị dã, phụ tử tử, tử
兄兄弟弟。夫
huyh huynh đệ đệ, phu phu
婦。而家道正。正家
phu, nữ gia đạo chính, chính gia
而天下定矣。(此言
nhi thiên-hạ định hĩ. (Thử ngôn
父子兄弟夫婦各
phu tử huynh đệ phu phu các
盡其道。則家可齊。
tận kỳ đạo, tắc gia khả tề,
而其要則本於修身。
nhi kỳ yếu tắc bản ư tu thân.
下文所引亦只此
Hạ văn sở dẫn diệc chỉ thử
意)。

易曰。家人嗃嗃
Dịch viết: Gia nhân hắc hắc
(音擊。威嚴也) 悔厲
âm hắc, uy nghiêm dã) hối lệ
吉。婦子嘻嘻終吝。
cát, phu tử hi hi, chung lận.
(言治家過於威嚴,
(Ngôn trị gia quá ư uy nghiêm,

CHƯƠNG THỨ IX

Tề nhà

Tiết thứ 38

Đức thánh Khổng làm thoán truyện kinh Dịch rằng: « Quẻ Gia-nhân: Con gái chính ngôi ở trong, con trai chính ngôi ở ngoài, trai gái chính, ấy là nghĩa lớn ở trong trời đất vậy; trong nhà có đứng nghiêm-quân, ấy là cha mẹ vậy, cha hết đạo cha, con hết đạo con, anh hết đạo anh, em hết đạo em, chồng hết đạo chồng, vợ hết đạo vợ, thì đạo nhà chính, đạo nhà đã chính thì trong thiên-hạ định vậy ». (Nói cha con, anh em, vợ chồng ở với nhau đều hết đạo, thì đạo nhà được chỉnh-dốn, mà cốt-yếu thì gốc ở chủ nhà biết sửa mình, dưới này cũng chỉ có ý ấy).

Kinh Dịch rằng: « Dạy bảo người trong nhà nghiêm-ngặt, dấu phải hối và dữ, nhưng mà hay; vợ con hay chơi, sau ắt hối-lận ». (Nói trị nhà quá uy-nghiêm, thì dấu hối và dữ,

則 雖 悔 厲 而 終 吉。
tắc tuy hối lệ nhi chung cát.
若 喜 樂 無 節 則 其
nhược hỉ lạc vô tiết tắc kỳ
終 必 悔 吝。
chung tất hối lận).

第三十節

書 曰。克 明 峻 德。以
Thư viết: Khắc minh tuấn đức, dĩ
親 九 族。(言 堯 能 修
tuần cử tộc. (Ngôn Nghiêu năng tu
身 以 齊 家)。
thân dĩ tề gia).

書 曰。父 頑。母 嚚。象
Thư viết: Phụ ngoan, mẫu ngân. Tượng
傲。克 諧 以 孝。烝 烝 乂
ngạo, khắc hài dĩ hiếu, chưng chưng nghê
不 格 姦。(言 舜 能 盡 孝
bất cách gian. (Ngôn Thuần năng tận hiếu
道。而 一 家 化 之)。
đạo, nhi nhất gia hóa chi).

詩 云。刑 于 寡 妻。至
Thi vân: Hình vu quả thê, chí
于 兄 弟。以 御 于 家
vu huynh đệ, dĩ ngự vu gia
邦。(言 文 王 爲 法 於
ban. (Ngôn Văn - vương vi pháp ư
寡 妻 與 兄 弟。以 及
quả thê dữ huynh đệ, dĩ cập
于 家 邦)。
vu gia bang).

詩 云。夙 興 夜 寐。洒
Thi vân: Túc hưng dạ寐, sai
掃 庭 內。維 民 之 章。
tảo đình nội, duy dân chi chương.
(言 家 庭 修 飾 以 爲
(Ngôn gia đình tu sức dĩ vi
民 之 表)
dân chi biểu).

禮 曰。父 子 篤。兄 弟
Lễ viết: Phụ tử đốc, huynh đệ
睦。夫 婦 和。家 之 肥
mục, phu phụ hòa, gia chi phì
也。(言 一 家 和 睦 則
dã. (Ngôn nhất gia hòa mục tắc
家 道 美 矣。
gia đạo mỹ hĩ).

第四十節

孔 子 謂 公 子 荆 善
Khổng - tử vi công - tử Kinh thiện
居 室。始 有 曰。苟 (粗 略)
cư thất: Thủy hữu viết: Cầu (thô lược

nhưng sau hay, vì bằng vui chơi không
có tiết-dộ, thì về sau hẳn hối và lận).

TIẾT THƯ 39

Kinh Thư rằng: « Vua Nghiêu hay
sáng đức lớn để thân yêu chín họ ».
(Nói Vua Nghiêu hay sửa mình để trị
nhà).

Kinh Thư rằng: « Cha dữ, mẹ ghê
điều-bạc, em là người Tượng thì ngạo-
ngược, Vua Thuần hay hòa lấy đạo
hiếu, dần-dần tấn-tới, không đến nỗi
cản-dỡ ». (Nói vua Thuần hay hết
đạo biến, mà cả nhà hóa vậy).

Kinh Thư rằng: « Làm phép từ
vợ mình, đến cả anh em, rồi
khắp đến cả trong nước. » (Đây nói vua
Văn-vương làm phép từ vợ con đến
anh em, rồi đến nhà nước).

Kinh Thi rằng: « Dạy sớm thức
khuya, quét rửa trong sân, để làm
phép cho dân ». (Nói trong nhà cửa
sửa sang để làm tiêu-biểu cho dân).

Kinh Lễ rằng: « Cha con thương
yêu nhau, anh em êm đẹp, vợ chồng
hòa thuận, thì đạo nhà tốt vậy ». (Nói
trong một nhà hòa thuận, thì đạo nhà
tốt).

TIẾT THƯ 40

Đức Khổng-tử bảo ông công-tử
Kinh khéo trị việc trong nhà, lúc mới
có thì nói rằng mới tạm hợp mà thôi;

合 (聚) 矣。少 有 曰。苟 完
 hợp (lũ) hĩ; thiêu hữu viết: Cẩu hoàn
 矣。富 有 曰。苟 美 矣。 (言
 hĩ; phú hữu viết: Cẩu mĩ hĩ. (Ngôn
 不 敢 自 滿。治 家 善 矣。)
 bất cảm tự mãn. trị gia thiện hĩ).
 大 學 曰。所 謂 治 國
 Đại - học viết: Sở vị trị quốc
 必 先 齊 其 家 者。其
 tất tiên tề kỳ gia giả. kỳ
 家 不 可 教。而 能 教
 gia bất khả giáo. nhi năng giáo
 人 者 無 之。故 君 子
 nhân giả vô chi. cò quân - tử
 不 出 家 而 成 政 於
 bất xuất gia nhi thành giáo ư
 國。孝 者 所 以 事 君
 quốc. hiếu giả sở dĩ sự quân
 也。弟 者 所 以 事 長
 dã. đễ giả sở dĩ sự trưởng
 也。慈 者 所 以 使 衆
 dã. từ giả sở dĩ sử chúng
 也。 dã.

第 十 章

治 國。- Trị quốc

第 四 十 一 節

孔 子 曰。道 (治) 千 乘
 Khổng-tử viết: Đạo (trị) thiên thặng
 之 國。敬 事 而 信。節
 chi quốc. kính sự nhi tín. tiết
 用 而 愛 人。使 民 以
 dụng nhi ái nhân. sử dân dĩ
 時。 (言 治 國 當 先 存
 thời. (Ngôn trị quốc đương tiên tồn
 此 敬 信 節 愛 之 心。)
 thử kính tín tiết ái chi tâm).

孔 子 曰。能 以 禮 讓
 Khổng-tử viết: Năng dĩ lễ nhượng
 爲 國 乎 何 有。 (言 能
 vi quốc hồ hà hữu. (Ngôn năng
 以 禮 治 國 則 不 難
 dĩ lễ trị quốc tắc bất nan
 也。)
 dã).

孔 子 曰。有 國 有 家
 Khổng-tử viết: Hữu quốc hữu gia
 者。不 患 寡。 (民 少) 而 患
 giả. bất hoạn quả. (dân thiểu) nhi hoạn
 不 均。不 患 貧 而 患 不
 bất quân. bất hoạn bần nhi hoạn bất

lúc hơi có thì nói rằng tạm đủ mà thôi,
 lúc giàu có thì nói rằng tạm được tốt
 mà thôi ». (Nói ông công-tử Kinh
 không dám lấy thế làm mãn - túc,
 khéo trị nhà vậy).

Sách Đại-học rằng : « Bảo rằng trị
 nước phải trước sửa nhà mình ấy,
 nghĩa là nếu nhà mình chẳng dạy
 được, mà hay dạy người ấy hẳn không
 có lẽ thế, cho nên người quân-tử chẳng
 ra khỏi nhà mà dạy được cả nước.
 Điều hiếu suy ra đề mà thờ vua, điều
 đễ suy ra đề mà thờ bề trên, điều từ
 suy ra đề sai khiến kẻ chúng-nhân ».

CHƯƠNG THỨ X

Trị nước

Tiết thứ 41

Đức thánh Khổng rằng : « Trị nước
 chư-hầu nghìn cỗ xe, kính trọng việc
 làm mà sẵn lòng tin, tiêu dùng tiết-
 kiệm, mà thương yêu người, sai khiến
 dân về lúc làm ruộng đã xong ». (Nói
 trị nước trước hết phải có lòng kinh-
 tín tiết-kiệm và thương người).

Đức Khổng-tử rằng : « Hay lấy điều
 lễ phép nhún nhường, thì trị nước có
 khó gì ». (Nói hay lấy lễ mà trị nước
 thì chẳng khó gì).

Đức Khổng-tử rằng : « Có nước có
 nhà ấy chẳng lo ít dân mà lo phạm lớn
 nhỏ chẳng vừa phải ; chẳng lo hiểm

安。蓋 均 無 貧。和 無
an, cái quân vô bần, hòa vô
窮。安 無 傾。 (言 各 得
quá, an vô khuynh. (Ngôn các đắc
其 分。上 下 相 安。則
kỳ phần, thượng hạ tương an, tắc
國 可 治。雖 民 少 財
quốc khả trị, tuy dân thiếu tài
乏。亦 不 患 也。以 上
pháp, diệc bất hoạn dã. (Dĩ thượng
言 治 國 之 道。其 說
ngôn trị quốc chi đạo, kỳ thuyết
備 矣。下 文 所 引 經
bị hi, hạ văn sở dẫn kinh
傳。亦 不 外 此。)
truyền, diệc bất ngoại thử.

第四十二節

孔 子 繫 辭 傳 曰。古
Kông-tử Hê-tử truyền viết: Cổ
者 庖 犧 氏 之 王 天
giả Bào-hi - thị chi vương thiên -
下 也。作 結 繩 而 爲
hạ dã, tác kết thừng nhi vì
網 罟。以 佃 以 漁。庖
võng cổ, dĩ điền dĩ ngư. Bào -
犧 氏 沒。神 農 氏 作。
hi thị một, Thần - nông - thị tác,
斷 木 爲 耜。埴 木 爲
trác mộc vì chày, nhồi mộc vì
耒。耒 耜 之 利 以 教
lôi, lôi chày chi lợi dĩ giáo
天 下。
thiên - hạ.

日 中 爲 市。致 天 下
Nhật trung vì thị, trí thiên - hạ
之 民。聚 天 下 之 貨。交
cư dân, tụ thiên - hạ chi hóa, giao
易 而 退。各 得 其 所。
dịch nhi thoái, các đắc kỳ sở.

神 農 氏 沒。黃 帝 堯
Thần - nông - thị một, Hoàng-đế, Nghiêu,
舜 氏 作。通 其 變 使 民
Thuần thị tác, thông kỳ biến sử dân
不 倦。神 而 化 之。使
bất quỵên, thần nhi hóa chi, sử
民 宜 之。垂 衣 裳 而
dân nghi. chi, thùy y thường nhi
天 下 治。
thiên - hạ trị.

第四十三節

剡 木 爲 舟。剡 木 爲
liêu mộc vì chu. diêm mộc vì

củ, mà lo trên dưới chẳng yên. Bởi vì
vừa phải thì không nghèo, hòa thì
không ít dân, yên thì không nghiêng
đổ ». (Nói phận nào có phận nấy, trên
dưới cùng yên thì nước mới trị, dầu
người hiểm của kiếm cũng không lo
gì vậy. Từ đây trở lên nói đạo trị
nước đến thế là đủ vậy, bài dưới dẫn
kinh truyện cũng chẳng qua thế).

Tiết thứ 42

Đức Khổng - tử làm truyện Hê-tử
rằng: « Ngày xưa họ Bào-hi trị trong
thiên-hạ, dạy xe dây mà làm chài lưới,
để đi săn đánh cá; họ Bào-hi mất, họ
Thần-nông nổi lên, dẻo gỗ làm bừa,
uốn gỗ làm cày, cái lợi cây bừa để
dạy trong thiên-hạ.

« Giữa ngày họp chợ, họp dân trong
thiên-hạ, góp của trong thiên-hạ, đổi-
chác xong tan về, đều được yên sở
cả.

« Họ Thần-nông mất, họ vua Hoàng-
đế, vua Nghiêu vua Thuần nổi lên,
biến đổi theo thời, khiến cho dân
không chán mỏi, lấy trí thần - thông
mà biến-hóa dần lên, khiến cho dân
được thuận - tiện, mặc áo rũ siêm
không phải khó nhọc mà trong thiên-
hạ trị ».

Tiết thứ 43

Dẻo gỗ làm thuyền, dẻo gỗ làm mái

楫。舟。楫。之。利。以。濟。
tiếp, chu tiếp chi lợi dĩ tế
不。通。
bất thông.

服。牛。乘。馬。引。重。
Phục ngưu thừa mã, dẫn trọng

致。遠。以。利。天。下。
tri viễn, dĩ lợi thiên-hạ.

重。門。擊。柝。以。待。
Trùng môn kích thác, dĩ đãi

暴。客。斷。木。爲。杵。掘。
bạo khách, đoạn mộc vi chử, quật

地。爲。臼。臼。杵。之。利。
địa vi cữu, cữu chử chi lợi

萬。民。以。濟。
vạn dân dĩ tế.

紃。木。爲。弧。剡。木。
Huyền mộc vi hồ, diêm mộc

爲。矢。弧。矢。之。利。以。
vi thi, hồ thi chi lợi, dĩ

威。天。下。
uy thiên-hạ.

第 四 十 四 節

上。古。穴。居。而。野。處。
Thượng cổ huyệt cư nhi dã xử,

後。世。聖。人。易。之。以。
hậu thế thánh-nhân dịch chi dĩ

宮。室。上。棟。下。宇。以。
cung thất, thượng đông hạ vũ, dĩ

待。風。雨。
dãi phong vũ.

古。之。葬。者。厚。衣。之。
Cổ chi táng giả, hậu ý chi

以。薪。葬。之。中。野。不。
dĩ tảo, táng chi trung dã, bất

封。不。樹。後。世。聖。人。
phong bất thụ, hậu thế thánh-nhân

易。之。以。棺。槨。
dịch chi dĩ quan-quách.

上。古。結。繩。而。爲。治。
Thượng cổ kết thừng nhi vi trị.

後。世。聖。人。易。之。以。
hậu-thế thánh-nhân dịch chi dĩ

書。契。百。官。以。治。萬。
thư khế, bách quan dĩ trị, vạn

民。以。察。
dân dĩ sát.

易。曰。節。以。制。度。不。
Dịch viết: Tiết dĩ chế độ, bất

傷。財。不。害。民。(言。謹。
thương tài, bất hại dân. (Ngôn cần

chèo, để chở đi chỗ không thông.

Bắt trâu kéo xe và cưỡi ngựa để
chở đồ nặng đi xa, để tiện lợi cho trong
thiên-hạ.

Đặt hai lần cửa, đánh mõ cầm canh,
để cự kẻ gian-bạo; đào gỗ làm chày,
khoét đất làm cối, sự tiện lợi về chày
cối, muôn dân được nhờ.

Uốn gỗ làm cung, xẻ gỗ làm tên,
sự tiện lợi về cung tên, để làm oai
cho trong thiên-hạ sợ.

Tiết thứ 44

Đời thượng-cổ núp trong hang mà
ở ngoài đồng, đời sau dựng thánh-
nhân dời ra làm nhà cửa, trên lợp
dưới che, để phòng khi gió mưa.

Đời xưa chôn người chết lấy củi
mà bọc, chôn ở giữa đồng, chẳng đắp
mồ chẳng trồng cây, đời sau dựng
thánh-nhân dời cái tục ấy đi, làm ra
cái quan cái quách để chôn.

Đời thượng - cổ thắt nút dây
làm tin để trị dân, đời sau
dựng thánh-nhân dời ra làm chữ viết
và văn-khế, bởi thế trăm quan được
trị, muôn dân được soi xét.

Kinh Dịch rằng: « Theo phép-tắc
mà tiêu có chừng-mực, chẳng phí của,

制 度 以 節 之。 不 可
chế độ dĩ tiết chi, bất khả
縱 侈。 (言
tòng sữ. (Nói

第 四 十 五 節

書 曰。 若 昔 大 猷 (大
Thư viết: Nhược tích đại du (đại
道 之 世)。 制 治 于 未
đạo chi thế. chế trị vu vi
亂。 保 邦 于 未 危。 (言
loạn, bảo bang vu vi nguy. (Ngôn
能 預 防 之 則 無 危
năng dự phòng chi tắc vô nguy
亂)。 (言
loạn. (Nói

詩 云。 民 亦 勞 止。 汔
Thi vân: Dân diệc lao chỉ, bất
可 少 安。 惠 此 中 國。
khả thiểu an, huệ thử trung quốc.
國 無 有 殘。 (言 民 既
quốc vô hữu tàn. (Ngôn dân ký
勞 當 撫 安 之。 則 不
lao đương phủ an chi, tắc bất
至 於 殘。 切 不 可 復
chí ư tàn, thiết bất khả phục
擾 之。 也)。 (言
nhiều chi dã. (Nói

禮 曰。 治 國 不 以 禮。
Lễ viết: trị quốc bất dĩ lễ,
猶 無 相 而 耕 也。 (言
do vô chi nhi canh dã. (Ngôn
治 國 必 以 禮)。
trị quốc tất dĩ lễ.

禮 曰。 大 臣 法。 小 臣
Lễ viết: Đại thần pháp, tiểu thần
廉。 官 職 相 序。 君 臣
liêm, quan chức tương tự. quân thần
相 正。 國 之 肥 也。 (言
tương chính, quốc chi phì dã. (Ngôn
君 臣 上 下 各 得 其
quân thần thượng hạ các đắc kỳ
道。 則 國 俗 美 矣)。
đạo, tắc quốc - tục mỹ hĩ).

第 四 十 六 節

禮 曰。 君 子 如 欲 化
Lễ viết: Quân - tử như dục hóa
民 成 俗。 其 必 由 學
dân thành tục, kỳ tất do học
乎。 玉 不 琢 不 成 器。
hồ, ngọc bất trác bất thành khí.
人 不 學 不 知 道。 建
nhân bất học bất tri đạo, kiến

chẳng hại dân ». (Nói theo phép-tắc
mà tiết-kiệm không nên hoang-phí).

TIẾT THỨ 45

Kinh Thư nói rằng: « Xem như
ngày xưa về đời rất thịnh, đặt phép
trị dân, từ lúc chưa có loạn, giữ gìn
trong nước từ lúc chưa có sự nguy ».
(Nói hay phòng sẵn thời không nguy
loạn).

Kinh Thi nói rằng: « Dân cũng khó
nhọc vậy, mới khá chút yên, làm ơn
cho trong nước, nước không đến nỗi
tàn-hại ». (Nói dân đã khó nhọc, nếu
vô-về yên-ôn, thì không đến nỗi tàn
hại, rất không nên lại nhiều dân vậy).

Kinh Lễ rằng: « Trị nước chẳng
lấy lễ, cũng như không có cái cày để
mà cày ruộng vậy ». (Nói trị nước
phải lấy lễ).

Kinh Lễ rằng: « Kẻ đại-thần giữ
phép, kẻ tiểu-thần thanh-liêm, quan-
chức đều có thứ-lự, vua tôi cùng ngay
thẳng, thời thái nước tốt vậy », (Nói
vua tôi trên dưới đều ở cho phải đạo
thời tục nước được tốt vậy).

TIẾT THỨ 46

Kinh Lễ rằng: « Người quân-tử
muốn dạy dân nên thói tốt, thì tất phải
bởi việc học vậy; hạt ngọc kia chẳng
rũa, chẳng nên đồ dùng, người ta
chẳng học chẳng biết lẽ phải, dựng

國君民。教學爲先。
quốc quân dân, giáo học vi tiên.
(言治國以教學爲先)。
(Ngôn trị quốc dĩ giáo học vi tiên).

禮曰。有國家者。章善癉惡。以示民厚。則民情不貳。(言賞罰善惡。則民皆歸於善)。
lễ viết: Hữu quốc gia giả chương thiện dân ác, dĩ thị dân hậu. tắc dân tình bất nhị. (Ngôn thưởng phạt thiện phạt ác, tắc dân giai qui ư thiện).

禮曰。用民之力。歲不過三日。(言重民力也)。
lễ viết: Dụng dân chi lực, tuế bất quá tam nhật. (Ngôn trọng dân lực dã).

禮曰。瘠髀跛躄。斷者(支節脫絕)。侏儒(身體短小)百工。各以其器(才能)食之。(言聖人無棄人)。
lễ viết: Âm lung bì tích đoạn giả (chi tiết thoát tuyệt), thù nho (thân thể đoản tiểu) bách công, các dĩ kỳ khí (tài năng) thực chi. (Ngôn thánh nhân vô khí nhàn).

第四十七節

大學曰。所謂平天下在治其國者。上老老而民興孝。上長長而民興悌。上恤孤而民不倍。是以君子有絮(度)矩(方尺)之道也。(言本於人君一心。以推之則平治也)。
Đại-học viết: Sở vị bình thiên hạ tại trị kỳ quốc giả, thượng lão lão nhi dân hưng hiếu; thượng trưởng trưởng nhi dân hưng đệ; thượng恤孤 nhi dân bất bội; thị dĩ quân-tử hữu hiệt (đặc) củ (phương xích) chi đạo dã. (Ngôn bản ư nhân quân nhất tâm, dĩ suy chi tắc bình trị dã).

中庸曰。凡爲天下國家有九經。曰修國
quốc gia hữu cửu kinh, viết tu

nước trị dân, phải lấy sự học làm trước. » (Nói trị nước lấy việc dạy học làm trước).

Kinh Lễ rằng: « Có nhà nước ấy khen kẻ lành, phạt kẻ ác, bảo dân lấy sự trung - hậu, thời tình dân chẳng ở hai lòng ». (Nói thưởng kẻ lành phạt kẻ dữ, thời dân đều tuân theo làm điều lành).

Kinh Lễ rằng: « Dùng sức dân trong một năm chẳng dùng hơn ba ngày ». (Nói biết trọng sức dân).

Kinh Lễ rằng: « Kẻ còm, kẻ diếc, kẻ khấp-khiềng, kẻ què, kẻ mất chân tay, kẻ lùn-nhỏ, và trăm nghề thợ đều dùng cái tài-năng nó mà nuôi cho nó ăn ». (Nói đấng thánh-nhân không bỏ ai).

TIẾT THỨ 47

Sách Đại-học rằng: « Thừa bảo rằng trị thiên-hạ ở trị nước mình ấy, nghĩa là kẻ trên biết kính kẻ già, thì dân nức lòng về đạo hiếu; kẻ trên biết trọng người hơn tuổi, thì dân nức lòng về đạo đệ, kẻ trên thương đến người bỏ côi, thì dân chẳng dám trái phép, thế cho nên người quân-tử có đạo công bằng như là cầm thước vuông đều đo ». (Nói trị trong thiên-hạ gốc ở trong lòng vua suy ra thì bình trị vậy).

Sách Trung-dụng rằng: « Hết thầy trị thiên-hạ nhà nước có chín phép

thân 也。尊 賢 也。親 親
 thân 也。dĩ, tôn hiên dã. thân
 dã, kính đại thần dã. thể
 thân 也。子 庶 民 也。來
 thân 也。dĩ, tử thừ dân dã, lai
 bách công 也。柔 遠 人 也。dĩ,
 bách công dã, nhu viễn nhân dã,
 懷 諸 侯 也。 (言 能 行
 hoài chư hầu dã. (Ngôn năng hành
 此 九 經 則 可 以 致
 thử cửu kinh tắc khả dĩ tri
 治)。
 trị)。

第四十八節

孟子曰。易 (治) 其 田
 Mạnh - tử viết: Dị (trị) kỳ điền
 時。薄 其 稅 歛。民 可
 trù, bạc kỳ thuế liễm, dân khả
 使 富 也。dĩ.
 sử phú dã.

孟子曰。明 君 制 民
 Mạnh - tử viết: Minh quân chế dân
 之 產。必 使 仰 足 以
 chi sản, tất sử ngưỡng túc dĩ
 事 父 母。俯 足 以 畜
 sự phụ mẫu, phủ túc dĩ súc
 妻 子。樂 歲 終 身 飽。
 thê tử, lạc tuế chung thân bão.
 凶 年 免 於 死 亡。然
 hung niên miễn tử vong, n' iên
 後 驅 而 之 善。則 民
 hậu khu nhi chi thiện, tắc dân
 之 從 之 也 輕 (易)。
 chi tông chi dã khinh (dị).

孟子曰。得 其 民 有
 Mạnh - tử viết: Đắc kỳ dân hữu
 道。得 其 心 斯 得 民
 đạo, đắc kỳ tâm tư đắc dân
 矣。得 其 心 有 道。所
 dĩ; đắc kỳ tâm hữu đạo, sở
 欲 與 之 聚 之。所 惡
 dục dĩ chi tụ chi, sở ố
 勿 施 爾 也。dĩ.
 vật thí nhĩ dã.

第四十九節

孟子曰。不 違 農 辰。
 Mạnh - tử viết: Bất vi nông thời,
 穀 不 可 勝 食 也。數 罟
 cốc bất khả thắng thực dã, số cồ

thường: 1° sửa mình; 2° trọng kẻ có
 đức hiên; 3° yêu kẻ thân-thuộc; 4°
 kính kẻ đại-thần; 5° thề-tất những
 bầy tôi nhỏ; 6° coi kẻ thù-dân như
 con; 7° nhủ bảo trăm nghề thợ lại
 làm; 8° khoan-tiếp người phương xa;
 9° võ-về các nước chư-hầu ». (Nói
 hay làm chín phép thường ấy thì
 được thịnh-trị),

TIỆT THỨ 48

Thầy Mạnh rằng: « Khẩn trị ruộng
 đất, đánh nhẹ thuế má, thì hay khiến
 dân được giàu có ».

Thầy Mạnh rằng: « Đấng minh-
 quân gây-dựng của thường cho dân,
 tất phải cho nó trên đủ nuôi cha mẹ,
 dưới đủ nuôi vợ con, năm được mùa
 thì được no suốt năm, năm mất mùa
 không đến nỗi chết đói, rồi sau bảo nó
 làm sự phải, thì dân theo làm dễ lắm ».

Thầy Mạnh rằng: « Được dân về
 với mình phải có lễ, hễ ở cho dân
 được lòng, thì được dân về; được
 lòng dân có lễ, hễ cái sự gì dân muốn
 làm thì vì dân vun-vén cho nó, cái sự
 gì dân ghét, thì đừng đem thi-hành
 cho dân ».

TIỆT THỨ 49

Thầy Mạnh rằng: « Đương trái mùa
 làm ruộng, thì thóc ăn chẳng xiết;

不 入 洿 池。 魚 鼈
bất nhập ô trì, ngư miết
不 可 勝 食 也。 斧 斤
bất khả thắng thực dã; phủ cân
以 晨 入 山 林。 材 木
dĩ thời nhập sơn lâm, tài mộc
不 可 勝 用 也。 穀 與
bất khả thắng dụng dã; cốc dĩ
魚 鼈 不 可 勝 食。 樹 木
ngư miết bất khả thắng thực, thụ
木 不 可 勝 用。 是 使
mộc bất khả thắng dụng, thị sử
民 養 生 葬 死 無 憾
dân dưỡng sinh táng tử vô hám
也。 養 生 葬 死 無 憾。
dã, dưỡng sinh táng tử vô hám,
王 道 之 始 也。
vương đạo chi thủy dã.

第五十節

孟子曰。五畝之宅。

Mạch - tử viết: Ngũ mẫu chi trạch,
樹 之 以 桑。 五 十 者
thụ chi dĩ tang, ngũ thập giả
可 以 衣 帛 矣。 鵠 豚
khả dĩ dĩ bạch hĩ; kê đồn
狗 彘 之 畜。 無 失 其
cẩu trệ chi súc, vô thất kỳ
辰。 七 十 者 可 以 食
thời, thất thập giả khả dĩ thực
肉 矣。 百 畝 之 田。 勿
nhục hĩ; bách mẫu chi điền, vớ
簞 其 辰。 數 口 之 家。
đoạt kỳ thời, số khẩu chi gia
可 以 無 饑 矣。 謹 庠
khả dĩ vô cơ hĩ; cần trường
序 之 教。 申 之 以 孝
lự chi giáo, thân chi dĩ hiếu
弟 之 義。 頒 白 者 不
đế chi nghĩa, ban bạch giả bất
負 戴 於 道 路 矣。 七
phụ đai ư đạo lộ hĩ; thất
十 者 衣 帛 食 肉。 黎 皀
thập giả dĩ bạch thực nhục, lệ
民 不 饑 寒。 然 而
dân bất cơ hàn, nhi
(不 王 者, 未 之 有 也。
bất vương giả, vị chi hữu dã,
(言 爲 治 不 外 教 養
Ngôn vi trị bất ngoại giáo dưỡng

dùng đem lưới mau vào ao chuôm,
thì cá vờ ba-ba ăn chẳng xiết; riu búa
cứ đến mùa thu đông mới được vào
rừng núi đẵn, thì gỗ chẳng xiết dùng.
Thóc vờ cá ăn chẳng xiết, gỗ dùng
chẳng xiết, thế là khiến dân nuôi kẻ
sống, chôn kẻ chết, không ân-hận gì
vậy; nuôi kẻ sống chôn kẻ chết, không
ân-hận gì, đạo trị thiên-hạ trước từ đó. »

Tiết thứ 50

Thầy Mạnh rằng : « Chỗ đất ở năm
mẫu trồng dâu, thì kẻ năm mươi tuổi
có đủ lụa mà mặc ; những giống gà,
lợn-con, chó-cái, lợn-sẻ dùng lỏi thời
sinh đẻ của nó, thì kẻ bảy mươi tuổi có
đủ thịt mà ăn ; ruộng trăm mẫu dùng
trái mùa làm ruộng, thì nhà và miệng
ăn không đến nỗi đói ; chăm sự dạy
học nhà Trường nhà Tự, bảo lấy nghĩa
hiếu-đễ, thì kẻ già hai thứ tóc ấy không
phải mang đôi gì nặng ở ngoài đường.
Kẻ bảy-mươi mặc lụa ăn thịt, kẻ lè-
dân chẳng đói chẳng rét, thế mà chẳng
thịnh-trị, không có lẽ nào vậy ». (Nói
trị dân chẳng qua hai việc dạy và nuôi

二者而已。
nhị giả nhị dĩ).

第五十一節

孟子曰：昔者文王
Mạnh-tử viết: Tịch giả Văn-vương
之治岐也。耕者九
chí trị Kỳ dã, Canh giả cửu
一(九分稅其一)仕
nhất (cửu phần thuế kỳ nhất), sĩ
者世祿。(世祿而無
giả thế lộc, (thế lộc nhi vô
世官) 關市譏察其
thế quan, quan thị cơ (sát kỳ
異言異服) 而不征。
dị ngôn dị phục, nhi bất chinh.
澤梁無禁。罪人
trạch lương vô cấm, tội nhân
孥(妻子)老而無妻
noa (thê tử), lão nhi vô thê
曰：寡。老而無夫曰
viết quan, lão nhi vô phu viết
寡。老而無子曰獨。
qua, lão nhi vô tử viết độc.
幼而無父曰孤。此
ấu nhi vô phụ viết cô, thử
四者天下之窮民
tứ giả thiên-hạ chi cùng - dân
而無告者。文王
nhi vô cổ giả, Văn-vương phải
政施仁。必先斯
chính thi nhân, tất tiên tư
者。(言文王治岐能
giả, (Ngôn Văn-vương trị Kỳ năng
發政施仁。治國者
phát chính thi nhân, trị quốc giả
當以文王爲法)。
đương dĩ Văn-vương vi pháp).

mà thôi).

TIỆT THỨ 51

Thầy Mạnh rằng : « Ngày xưa vua Văn-vương trị đất Kỳ-sơn, kẻ làm ruộng ấy chia phần đánh thuế một phần ; kẻ làm quan ấy nối đời ăn lộc (nối đời ăn lộc không phải nối đời làm quan) ; chốn cửa-ô và kẻ chợ xét hỏi, chứ không đánh thuế (xét những kẻ ăn-mặc nói-năng lạ) ; chỗ bờ chằm không ngăn cấm, bắt tội ai chẳng bắt tội đến vợ con; kẻ nào già không có vợ gọi là kẻ quan (góa vợ), kẻ nào già không có chồng gọi là kẻ quả (góa chồng), già mà không con gọi là kẻ độc (một mình), kẻ nào bé mà không cha gọi là kẻ cô (bỏ con), bốn kẻ ấy là kẻ cùng-dân trong thiên-hạ, không kêu vào dẫu được, vua Văn-vương phát chính-lệnh, ra ân-huệ, tất trước hết làm ơn cho bốn kẻ ấy ». (Nói vua Văn-vương trị đất Kỳ-sơn, sửa sang chính-trị, làm ơn cho dân, những người có quyền trị nước ấy nên bắt chước vua Văn-vương).

Hết

Tiến-sĩ NGUYỄN VĂN-BÀN

Tuần phủ Vĩnh-gén

KỶ-HỌC LƯỢC-KHẢO

棋學略考

(Khảo về nghề đánh cờ)

Cổ nhân bày ra bốn cái: cầm琴, kỳ棋, thi詩, họa畫, là bốn cái nghề chơi rất thanh-cao nhã-nhận để cho những hạng người có cái tư-cách thanh-nhã, mà phải có cái tài đặc-biệt, thích chơi mà chơi, không tất mọi người cùng chơi được.

Người có cái thiên-tư riêng mới cầm được ngòi bút tờ giấy dùng để

tư-phủ thi-ca mà diễn ra hết ý mình một cách khéo tuyệt vời dễ đọc lên nghe, tiếng trong như tiếng hạc, tiếng đục như tiếng suối, giọng buồn như u-sầu thâm-dạm, giọng vui như hoa nở bướm rờn, khi êm-dềm khi réo-rắt.

Cùng thì một cây đàn, người gảy thì nghe như tiếng vịt kêu, hầu gấu, người gảy thì nghe như tiếng vượn

hót, phụng reo, cái đó cũng là tùy người có tài-hoa, ôm cây đàn gảy mới ra giọng cao, giọng thấp, tiếng bổng, tiếng trầm, khi vui, khi oán, khi náo, khi sầu.

Nhà danh-họa tốt cũng phải có cái tài riêng mới mac được bức tranh sơn-thủy như vẽ thiên-nhiên, có xa có gần, mung-lung phiêu-diêu.

Ba cách chơi ấy, ba cái cầm, thi, họa ấy, người nào được trời phú-bẩm cho tài riêng chơi mới thú, còn người nào không có thời dù cố công cũng sức luyện-tập cũng khó thành hay.

Cờ tuy nói cao thấp cũng tùy tài riêng, song nếu có luyện thời cũng có thể hay được.

Nay tôi khảo trong sách « Thịch-tĩnh nhĩ - thú 適情雅趣 của ta làm và « Khuất-trung-bí » 樞中秘 của Tàu soạn, mà viết bài này hiễn các ngài dễ những khi trà-du tửu-hân, những lúc trước gió dưới trăng, cùng và ba bạn cũ đánh ván cờ mà di-duỡng tinh-thần, tưởng còn hơn dưới ngọn đèn, trên chiến bạc, chơi cuộc rủi ro, vừa hại cho nền kinh-tế nhà mình, vừa hại cho sức mạnh khỏe của mình.

...

Cứ theo như sách tây chép thì đời xưa vua Tàu đưa quân đi đánh nước lân - bang. Trong khi cùng địch - quốc đình chiến, quân lính không có công việc làm sinh ra buồn rầu, nhớ nhà nhớ cửa. Một ông quan Tàu thấy thế liền phát-minh ra cách chơi cờ để quân lính giải trí. Thế cũng là một cách bài-binh bố-trận để hai ông chúa tướng hai bên cùng nhau phá trận. Nhờ cách ấy, quân lính hưng-khởi tấm lòng, hết sức tảo-trù quân giặc mà khải-hoàn hồi-hương.

Từ đây cờ truyền sang A-lập-bá (Arabie), rồi từ A-lập-bá trong thời « Thập-tư-biến-tranh » (Croisades) lại truyền sang Âu-châu, biến thành mỗi thứ cờ riêng, tuy bàn cờ cũng chia

ra làm 64 ô (cases) và dùng 32 quân cờ (pièces des échecs) nhưng quân cờ thay hình khác : tướng hình ông tướng, mã hình con ngựa, ván ván...

Tuy vậy lại có sách chép rằng trong trận Ti-lôi (Troie) vua Ba-la-mịch (Palamède) xứ Âu-bi (Eubée) nước Hi-lạp (Grèce) đặt ra cho quân sĩ giải trí, nhưng cái đó cũng không lấy gì làm chắc.

Nay nói về cờ ta và Tàu. Cờ từ khi phát-minh ra dùng trong việc chiến-tranh, sau dần sáp-nhập vào bốn nghề : cầm, kỳ, thi, họa, mà dùng vào bậc nhĩ.

Nói đến kỳ thi người hay xem tiêu-thuyết Tàu đã tưởng-tượng ra một quả núi có tùng-bá, có trúc-tre, có hoa-cỏ, có gió mát, có suối chảy, có chim kêu, có bàn cờ đá tả-hữu hai vị tiên-ông ngồi, gần đấy vài cậu tiểu-dồng chơi nhõn.

Tả thế dù rõ ràng cờ là một cuộc chơi của những người rất nhân-hạ, chỉ hình-tĩnh mà bụng khoáng-dạt. Người ngoài công việc bộn-bề phần-tập, rắc-rối nhọc-nhân, có đặt mình vào cảnh chơi, cờ chắc cũng hưởng được ít nhiều đặc-thù vậy.

Ở Á-dông ta, người cờ có tiếng là vua Đế-thích. Hà-thành cũng có đền thờ ngài ở lối xe điện xuống cửa ở Bạch-mai. Đế-niên đến ngày hội ngài, tài-tử giai - nhân xuống xem cuộc cờ người, dồng không biết bao nhiêu mà kể.

Trong bài Cầm - học - làm - nguyên 琴學考源 của quan huyện Hoàng-Yến có câu :

« Nước Nam có bốn mã-miền,

« Ngạn cờ, Thiệu vẽ, Tam tiêu, Dững đồn. »

Nghĩa là : ông Ngạn đánh cờ cao, ông Thiệu vẽ khéo, ông Tam thổi ống tiêu giỏi, ông Dững đồn hay. Như vậy người cao cờ ở nước Nam ta là ông Ngạn vậy.

Đàn bà nước ta cũng nhiều người

hay cờ lăm. Tục truyền rằng một ông huyện thấy trong huyện có người con gái tuổi chạp mười tám, nhan-sắc tuyệt vời, liền muốn cưới làm tiểu-tình, mới sai người đến hỏi. Người con gái không thuận, nói :

— Quan lớn đã có lòng yên thời xin đánh một ván cờ, nếu quan lớn được sẽ xin vâng lời.

Quan huyện thuận. Lúc đánh được ít lâu thời thế cờ người con gái rất bĩ. Người chị ra xem thấy nói :

— Thôi em cứ yên lòng, dù em có thua quan lớn thời em lấy quan lớn cũng được lên xe xuống ngựa, cho can gì mà bần lòng.

Người em xem thế cờ, nghe lời chị, biết chị nhắc, liền tiến con xe, rồi thoái con mã, nghiêm-nhiên đương bị xoay ra nước cờ thắng. Như vậy dù nguy đến đâu, chỉ cao một nước là kéo lại như không.

Bàn cờ. — Bàn cờ hình vuông, mỗi

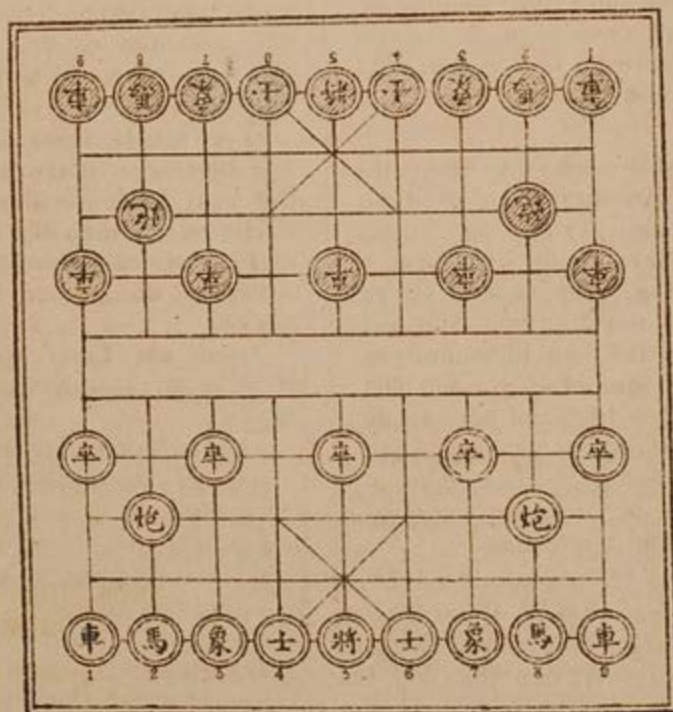
bề do chừng nửa thước trường chia ra làm chín phần bình hành với nhau. Phần giữa gọi là " sông " thì đề trắng, còn trong tám phần hai bên mỗi phần lại chỉ ra làm 8 phần nhỏ, thành 64 phần nhỏ, tức là 64 ô vậy.

Quân cờ. — Quân cờ do chừng 0m015 bề trục-kính và 0m010 bề cao. Thường làm bằng gỗ, cũng có khi làm bằng ngà, mỗi bên đen trắng dùng 16 quân là :

Tướng	將	một quân
Sĩ	士	hai "
Tượng	象	" "
Xe	車	" "
Pháo	炮	" "
Mã	馬	" "
Tốt	卒	năm "

Cách bày. — Tướng 將 hay vào giữa (5) đứng hàng đầu

Hai bên hai quân sĩ 士 (4) và (6).
Cạnh sĩ đến Tượng 象 (3) và (7).



Canh tượng đến Mã 馬 (2) và (8).
Canh Mã đến Xe 車 (1) và (9).

Trước hai quân Mã và cách một hàng bày hai quân Pháo 炮 (2) và (8).

Hàng trên hai quân pháo bày năm quân Tốt một quân đứng trước Tượng (5), hai quân trước Tượng (3) và (7) và hai quân trước Xe (1) và (9).

Trong bàn cờ mỗi bên có một cung 宮. Cung là bốn ô chỗ tượng và sĩ không ra khỏi ngoài. Bốn ô ấy có một chữ thập 十 vạch chéo.

Mười-sáu quân cờ cử theo tên riêng mà đi một cách riêng, cách ấy là theo luật họ buộc phải đi thế, không đi ra ngoài được. Trần Hi-Di tiên-sinh 陳希夷先生 có làm một bài thơ sau này để dạy cách đi quân cờ :

Tướng-quân bất ly cửu cung nội.

將軍不離九宮內。

Sĩ chỉ tương tùy bất xuất cung.

士止相隨不出宮。

Tướng hành diên phương doanh tứ giác.

象行田方營四角。

Mã hành nhất bộ nhất tiêm sung.

馬行一步一尖衝。

Pháo tu quan tử dã nhất tử.

炮須關子打一子。

Xa hành trực lộ nhậm tây đông.

車行直路任西東。

Tốt binh chỉ năng hành nhất bộ.

卒兵止能行一步。

Quá hà hoành tiến thoái vô tung.

過河橫進退無踪。

Như thế thì: Tướng chỉ đi được chín nước trong cung, hoặc bình, hoặc tiến, hoặc thoái, mà không ra ngoài cung được. Sĩ cũng thế, cũng cùng Tượng ở trong cung, hoặc vào trung-cung, hoặc ra bốn góc cung, mà theo đường chữ thập 十 chéo. Tượng đi hình diên-phương đóng bốn góc, nghĩa là chỉ từ (3) tiến lên (5), lên

(3) rồi thoái xuống (1) xuống (3); từ (7) lên (9), lên (7) rồi lùi xuống (5), xuống (7), và trái lại, vân vân. Mã mỗi bước đi chéo hai ô. Pháo đi đường thẳng, khi ăn thì phải cách ngôi Xe cứ thẳng đường mà lên xuống và đi ngay. Tốt khi còn ở bên mình chỉ được tiến, sang bên người mới được biah, nhưng không được lùi và chỉ được đi bước một.

Biết đi quân cờ, biết ăn quân cờ, chưa tất đã là biết đánh cờ. Người đánh cờ, cũng như một người tướng đem quân đi đánh giặc, phải biết lúc nên tiến thì tiến, lúc nên thoái thì thoái, nào khi nên xua quân ra vây-phủ, nào khi phải thu quân để phục-binh, nào lúc ở nhà thì giữ được thế thủ, đi ra hoa được thế công cần suy xét, cần biến-hóa, thiên-hình vân-trang, không thể kể xiết được. Người đánh cờ phải khôn khéo lắm, phải suy tính nhiều, chớ không bạ đâu đi đấy, tiện nước là ăn.

Người đã hay cờ thường hay bày cờ nước để người khác đánh, nếu hai người cùng biết nước thì dù thế có nguy đến đâu, hai người ngồi đánh rồi cũng đến hoà, như vậy chắc không có thù. Nhưng bọn ta, nếu muốn biết đánh cờ, muốn được cờ cao thời tất phải xem nước cờ của người rồi nhìn đấy suy ra nước khác, như vậy chắc chông biết và chông giỏi vậy.

Cờ nước, các cụ thường lấy những nhan chuyện xưa, tương-xưng với thế cờ mà đặt cho nước cờ, như gọi nước « Song long hi châu » 雙龍戲珠 là đề chỉ ván cờ trong có hai quân Tốt giờn quân Tượng, v. v. — Sau đây in mười bài cờ.

Song long hi châu.

雙龍戲珠

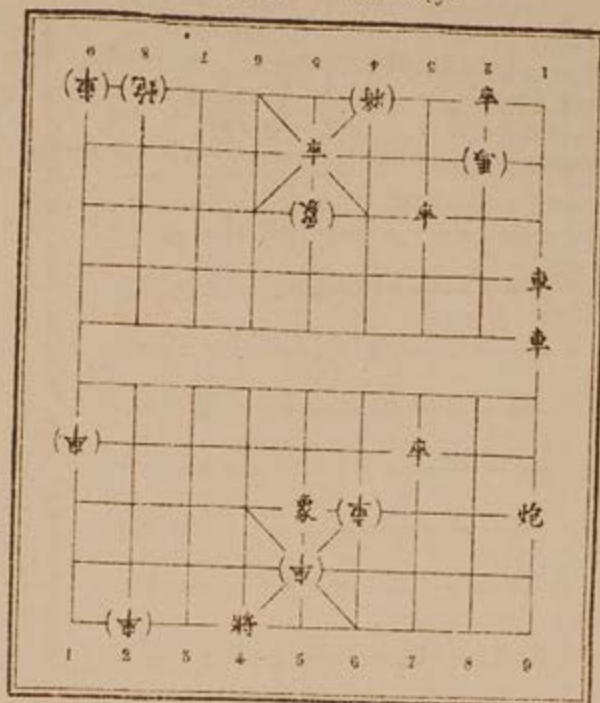
Sách « Phong-kiểm xuân-thu » 鋒劍

Tam khí Chu Du

三氣周瑜

Truyện Tam-quốc-chi 三國誌 nói rằng : Chu Du 周瑜 là tướng nước Ngô 吳 đem quân sang đánh nước Thục 蜀.

Đánh đã không được lại bị tướng Thục là Khổng-minh 孔明 trọc tức ba lần phải ba lần tức uất lên mà thổ-huyết, nên gọi là : Tam khí Chu Du. Thế cờ sau này cũng gọi là : « Tam khí Chu-Du » vậy.



Nước đánh như sau này :

- 車 (9) bình (6)
- 車 (9) bình (3)
- 車 (3) lùi sáu nước (ăn tốt)
- 卒 (5) bình (6)
- 炮 (9) lên bảy nước
- 車 (6) lùi ba nước (ăn xe)
- 卒 (6) lên một nước
- 車 (6) lên năm nước (ăn mã)
- 車 (3) lên chín nước
- 炮 (9) bình (3) (ăn tượng)
- 卒 (7) bình (6) (ăn xe)
- 炮 (3) lùi bốn nước
- 象 (5) lên (3)
- 卒 (7) lên một nước
- 象 (3) xuống (5)
- 炮 (3) bình (5)
- 卒 (7) lên một nước
- 卒 (7) bình (6)

- (馬) (2) lên (4)
- (卒) (8) bình (7)
- (炮) (8) bình (2) (ăn tốt)
- (將) (4) bình (5)
- (炮) (2) lên chín nước
- (車) (9) lên hai nước
- (將) (5) bình (4) (ăn tốt)
- (將) (4) bình (5)
- (象) (5) lùi (7) (ăn xe)
- (車) (9) bình (4) (ăn xe)
- (將) (5) lên một nước
- (卒) (9) bình (8)
- (炮) (2) lùi ba nước
- (炮) (2) bình (7)
- (炮) (7) lên một nước
- (卒) (5) bình (4)
- (卒) (8) bình (7)
- (卒) (7) bình (6)

(Thế cờ hòa)

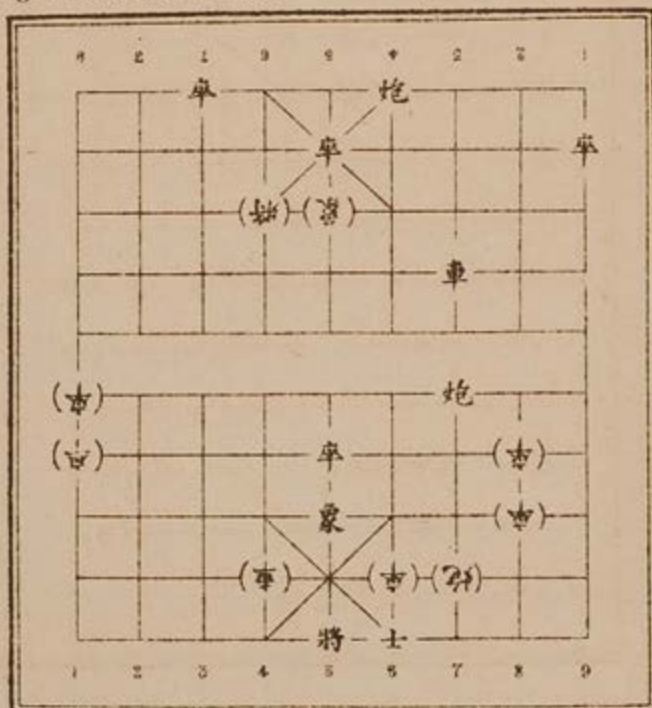
Đăng đàn bát tướng

登壇拜將

Sự tích này trích trong truyện *Phong-thần* 封神 nói Khương Tử-Nhà 姜子牙, khi chưa gặp thời thì làm việc gì cũng hỏng, sau đi cầu cá được vua đón về dùng đi đánh giặc. bấy giờ

mời tổ tài anh-hùng cái-thể, được vua cho đăng-dàn bát-tướng.

Nước cờ sau này ta thử nhìn mà xem : rõ ra quân tướng ngồi chính giữa đàn, hai bên đàn quân thì tiến lên một cách rất nghiêm-trang trông hình như phục trước một vị tướng rất thiêng liêng vậy.



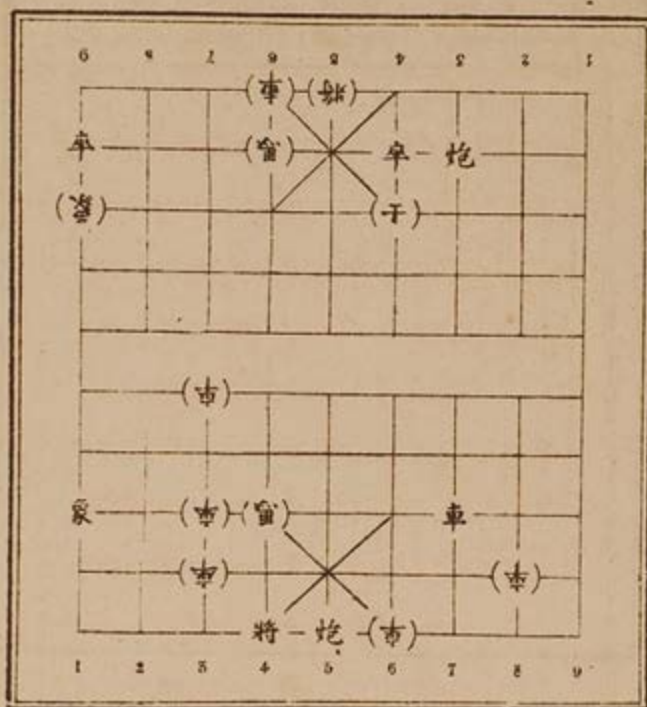
- 炮 (7) bình (4)
- 車 (7) lùi sáu nước (ăn pháo)
- 炮 (6) bình (4)
- 卒 (5) bình (4)
- 車 (8) tiến 6 nước
- 車 (7) bình (3)
- 車 (7) lùi 7 nước
- 將 (5) bình (6) (ăn tốt)
- 卒 (5) tiến 1 nước
- 卒 (5) tiến 1 nước
- 車 (3) bình (4)
- 卒 (5) tiến 1 nước
- 車 (4) bình (7)
- 炮 (4) lùi 6 nước
- 炮 (4) bình (5)
- 炮 (5) tiến 4 nước (ăn tượng)
- 將 (6) bình (5)
- 車 (7) tiến 1 nước (ăn tốt)

- (炮) (3) tiến 1 nước
- (車) (6) lùi 3 nước (ăn pháo)
- (車) (6) bình (8)
- (將) (6) lùi 1 nước (ăn tốt)
- (將) (6) tiến 1 nước
- (象) (5) xuống (7)
- (卒) (2) tiến 1 nước (ăn sĩ)
- (卒) (2) bình (3)
- (卒) (3) bình (4)
- (車) (8) bình (3)
- (將) (6) bình (5)
- (將) (5) lùi 1 nước
- (車) (4) lùi 4 nước (ăn tốt)
- (卒) (4) bình 5 (ăn tốt)
- (象) (3) lên 5
- (卒) (5) bình 4
- (卒) (2) bình 3
- (卒) (4) tiến 1 nước

Thất quốc chiêu hiền

七國招賢

Nước cờ sau này gọi là : « Thất quốc chiêu hiền :



Cách đánh

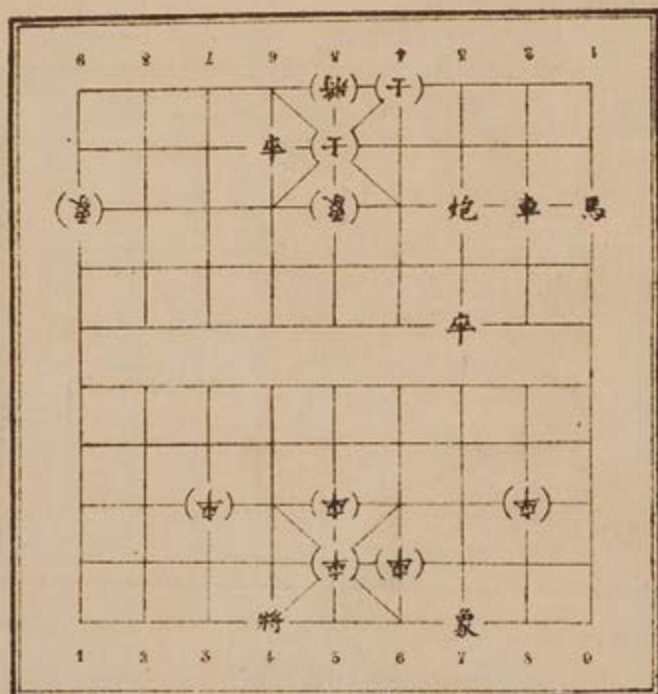
- 車 (7) bình (5)
- 車 (5) lùi một nước (ăn xe)
- 炮 (5) tiến 4 nước (ăn mã)
- 炮 (5) bình (4)
- 車 (5) tiến ba nước (ăn mã)
- 卒 (4) bình (2)
- 車 (5) lùi 5 nước
- 車 (5) bình (6) (ăn tốt)
- 將 (4) tiến 1 nước (ăn tốt)
- 炮 (7) bình (2) (ăn xe)
- 炮 (2) lùi 7 nước

- (車) (6) bình (5)
- (馬) (6) xuống (5)
- (車) (6) bình (9)
- (馬) (6) tiến tiến (5)
- (將) (5) bình (6)
- (卒) (7) bình (6)
- (卒) (6) tiến 1 nước
- (卒) (7) bình (6) (ăn xe)
- (車) (8) tiến 1 nước (ăn tốt)
- (卒) (7) bình (6) (ăn pháo)
- (卒) (2) tiến một nước

Ngũ tử tranh khôi

五子爭魁

Nước cờ sau này, bên đen năm tốt đã biến cả sang bên trắng, chỉ chờ tranh nhau chiếu tướng



炮 (7) tiến 2 bước
車 (8) bình (1) (ăn tương)
將 (4) tiến 1 nước (ăn tốt)
將 (4) lùi 1 nước
將 (4) tiến 1 nước

(象) (5) xuống (7) (ăn pháo)
(卒) (5) bình (6)
(卒) (7) tiến 1 nước
(卒) (7) tiến 1 nước
(卒) (4) bình (5). — Thắng!

Bát tiên quá hải

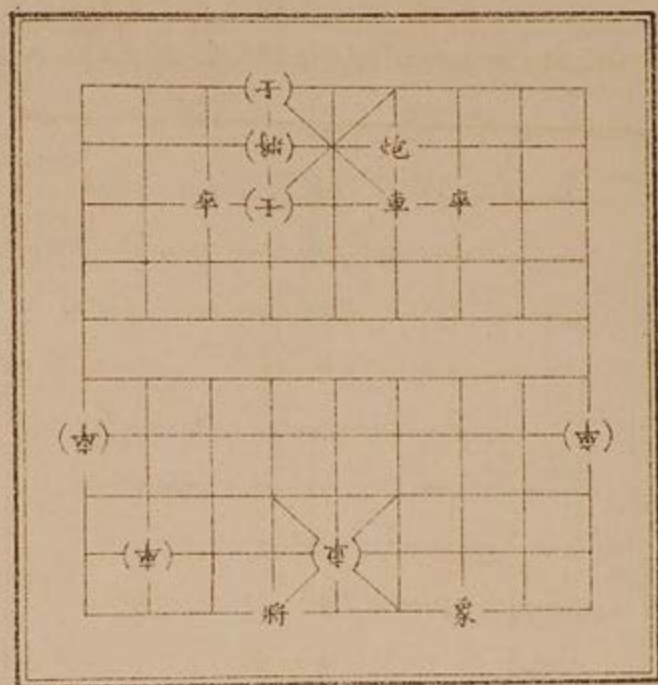
八仙過海

Truyện trích trong Đông-du bát-tiên 東遊八仙. Tám vị tiên là :

Hà-tiên cô
Lý Thiết-Quái
Lam Thái-Hòa
Tào Quốc-cửu

Chung ly Quyền
Hàn Tương
Trương-Quả
Lã Đông-Tân

Nước cờ sau này vì mỗi bên 4 quân đã qua sông sang bên người, hai bên thành tám nên gọi là bát tiễn quả hải.



Nước đi

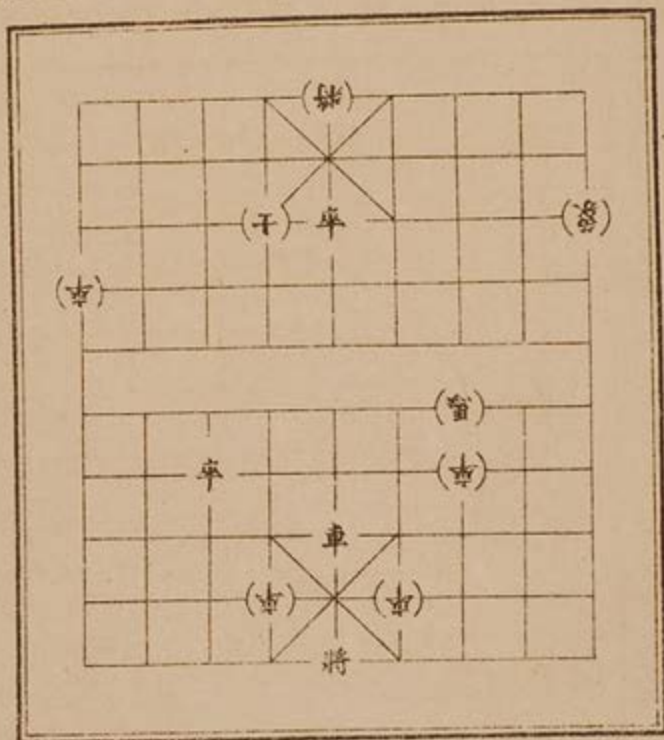
車 (6) lùi 6 nước
車 (6) bình (2) (ăn tốt)
車 (2) tiến 7 nước
炮 (6) bình (4)
卒 (3) bình (4) (ăn sĩ)
卒 (7) bình (6)
將 (4) tiến 1 nước
將 (4) lùi 1 nước
卒 (6) bình (5)
象 (7) lên (5)
炮 (4) bình (3)
炮 (3) tiến 1 nước
卒 (5) tiến 1 nước (ăn sĩ)
卒 (5) bình (6)
車 (2) bình (5)
卒 (6) bình (5) (ăn xe)
卒 (4) bình (3)
將 (4) tiến 1 nước

(車) (5) lùi 2 nước
將 (6) bình (5)
將 (5) lùi 1 nước
(卒) (9) bình (8)
(卒) (8) bình (7)
(車) (5) tiến 3 nước
(車) (5) lùi 1 nước
(卒) (7) tiến 1 nước
(卒) (7) nền 1 nước
(車) (5) lùi 1 nước (ăn tượng)
(車) (5) tiến 1 nước
(士) (6) lên (5)
(將) (3) bình (4)
(將) (4) bình (5)
(車) (5) lùi 7 nước (ăn xe)
(將) (5) tiến 1 nước (ăn tốt)
(卒) (7) bình (8)
(卒) (2) bình (3)

Thiên lý độc hành

千里獨行

Nghìn dặm một mình đi chỉ quân Tốt trắng 卒 đơn-thân sang bên người.



Nước đi:

- 車 (5) bình (8)
- 車 (8) tiến 7 nước
- 將 (5) bình (4)
- 車 (8) bình (7) (ăn tượng)
- 卒 (5) tiến 1 nước
- 車 (7) lùi 5 nước (ăn mã)
- 車 (7) bình (5)
- 車 (5) bình (6)
- 車 (6) tiến 1 nước (ăn sĩ)
- 車 (6) lùi 5 nước
- 車 (6) bình (5)
- 車 (5) lùi 1 nước
- 車 (5) bình (7)
- 車 (7) lùi 1 nước
- 車 (7) bình (6)
- 車 (6) lùi 1 nước (ăn tốt)
- 將 (4) tiến 1 nước

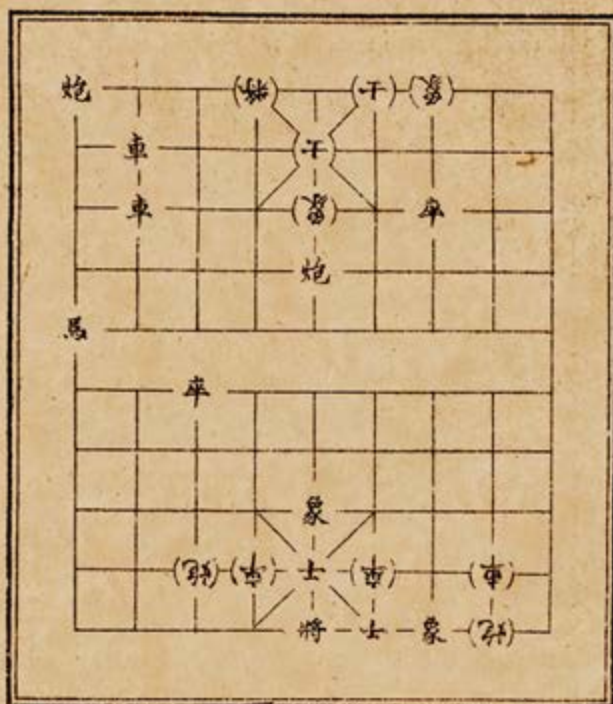
- (象) (9) lùi xuống (7)
- (卒) (6) bình (5)
- (士) (6) xuống (5)
- (士) (5) tiến (6)
- (將) (5) tiến 1 nước (ăn tốt)
- (卒) (9) tiến một nước
- (將) (5) bình (4)
- (將) (4) bình (5)
- (卒) (5) tiến 1 nước
- (卒) (9) tiến 1 nước
- (將) (5) bình (6)
- (卒) (9) bình (8)
- (卒) (8) tiến 1 nước
- (卒) (9) tiến 1 nước
- (將) (4) bình (5)
- (卒) (5) bình (4) (ăn xe)

Hòa!

Thất hiên quá quan

七賢過關

Bảy người hiền qua quan-ải tức là bảy quân trắng sang bên đen vậy.



- 車 (2) bình (4)
 車 (2) tiến 1 nước
 車 (2) bình (3) (ăn tượng)
 馬 (1) tiến lên (2)
 車 (3) bình (5)
 卒 (7) tiến 1 nước
 馬 (2) xuống (4)
 車 (5) lùi 1 nước (ăn sĩ)
 炮 (4) bình (5)
 炮 (5) tiến 2 nước

- (士) (5) tiến (6) (ăn xe)
 (象) (5) xuống (3)
 (將) (6) tiến (4) nước
 (將) (6) bình (5)
 (將) (5) bình (4)
 (將) (4) tiến 1 nước
 (士) (6) lùi xuống (5)
 (士) (4) tiến lên (5) (ăn xe)
 (士) (5) tiến lên (6)

Thắng !

Đây là tạm in mười bài trích dịch trong sách *Tịch-tĩnh-nhã-thu* 適情雅趣 để bầu ngài nào muốn tập đánh cờ xem cho biết nước đi cao, những khi nhàn-hạ viên bản cờ ra đánh, cùng thú vậy.

SÚ'-HOA NHÂN-VỊNH (1)

(Dịch thơ Triều Lê)

VI

52. — Cảnh đẹp khe Ngô-khê

Khe Ngô-khê thuộc về châu Đường, là nơi ông Nguyễn-Kết dời nhà Đường làm nhà ở đấy, ông có làm bài tụng Đại-Đường trung-hưng, nghĩa là bài ca-tụng công-dức khi nhà Đường trung-hưng, lối chữ triện ông Nhan Chân-Khanh khắc vào vách đá rất tốt. Bài tụng và lối chữ ấy dời kuen là hai tay tuyệt-diệu, bên núi lại có một mảnh đá sáng như gương, trên có một nóc đình là nơi ông Nguyễn-Công nhà Đường tạc chén đá ở đấy, bên cạnh núi có bên đồ cổ, nhà cửa đình chùa các dân-thôn mập mờ khuất trong hồng cây, đường quanh khe tối, thực là một nơi thắng-cảnh ở châu Tương. Khi chơi đấy có vịnh một bài :

Khói quang mây tạnh, gió thanh-thời.
Phong-cảnh khen ai khéo vẽ-vời.
Tiếng nước quanh ngòi hàn rỏi ngọc.
Sắc cây tựa núi bích liên trời.
Đường hoa về lục cung-ly (2) thăm,
Đình nguyệt mẫu thanh kính đá phơi.
Quét sạch rêu xanh tìm dấu thăng,
Hàng son (3) chữ khắc (4) bấy nhiêu lời

53. — Đẽ gương đá khe Ngô-khê

Ở khe Ngô-khê có một mảnh đá cao một thước rưỡi, khoét hai thước, sắc

đen như mực, người ta soi vào rất sáng, thực là một mảnh gương thiên-tạo của thợ trời tạc ra.

Ai đem mảnh đá tạc nên đen,
Rửa sạch gương trần mấy vạn niên.
Muôn tượng ngăm chung thu có bóng,
Một trời soi khắp nước không quền.
Ganh đua sắc vẽ gương thêm lộn,
Mê mất mẫu thanh cảnh hạc chen.
Thần phát sà cho tay thợ mượn,
Trần-tàng để đợi khách cung tiền.

54. — Qua sông Bạch-thủy

Thuyền đi đến huyện Ninh-hoàn, thuộc về châu Vĩnh, ở đấy nhiều núi lắm sông, thế núi ngất mây, nước trong hay khói, trong có thành Thung-lũng về thôn Bạch-thủy, thôn ấy là nơi phát-tích của vua Quang-Vũ nhà Hán, sớm ngày đi từ huyện An-dương tới đến cửa sông Bạch-thủy, trong khi buồm giương thuyền sông nhẹ trông ra từ-phía, có vịnh một bài :

Khi tốt huân-trung mặt nước đầy.
Hân Quang phát-tích (5) nhậ sông này.
Hàng nhang (6) đóng bến bờ êm sóng.
Ngon bãi (7) qua đò núi tản mây.
Giếng lửa (8) lán soi sơn-trĩ (9) cháy,
Hào sôi (10) mắt hiểm thủy-long (11) bay

(1) Xem Nam-Phong, từ số 48

(2) Cung bóng như ngọc lưu-ly.

(3) Bài tụng của ông Nguyễn-Kết.

(4) Lối chữ của ông Nhan-Chân-Khanh.

(5) Phát-tích = vua Quang-vũ được đất từ đấy.

(6) Hàng nhang = đội lính.

(7) Ngon bãi = ngon cỏ.

(8) Giếng lửa = chảy vào đồng lửa mà chết.

(9) Sơn-trĩ = phượng-hoàng già, vì như người già hiện xưng vương bấy giờ.

(10) Hào sôi = nước hào nóng như sôi, vì nơi đất hiểm.

(11) Thủy-long = rồng nép dưới đáy nước, vì như người châu-nhân hãy còn ẩn-tích.

Tràng-sa (1) dẫn được nguồn dòng mãi,
Há ở sông Đà (2) lúc gặp mây.

55. — Cầm hoà đầu mùa hạ

Sớm ngày đi tự địa - giới huyện
Hành-dương, bấy giờ cuối mùa xuân
đầu mùa hạ, khi trời sáng-sủa, non
nước trong xanh, đương lúc buổi chiều,
cá sông phun sóng, luồng gió đưa còi,
năm ba người thuyền chài chèo thuyền
đánh cá ở dưới chân núi, rõ như một
bức tranh truyền-thần của ông Vương-
Duy nhà Đường.

Đầu hè còn có khí xuân dư,
Mây khói lơ-mờ vẽ chẳng như.
Là mắt chán xem màu Sở-sắc (3),
Thích tình vui có vợ Châu-thư (4).
Tỉn nghe tiếng giốc (5) hơi dài vắng,
Cười lựa dây huân (6) khúc nhất thừa.
Tuất thoảng xa trông trên mặt nước,
Chèo chèo hát hát mấy thuyền ngư (7).

56. — Vịnh cảnh trăng gió dưới sông khi ban đêm

Lúc đêm thu thuyền đậu dưới thành
Tràng-sa, bấy giờ gió đông quạt mát,
bầu trời trong xanh, trăng ánh sóng
vàng, cá phun nước bạc, cảnh-tượng
xinh đẹp biết là bao nhiêu. Bên

đi thuyền vào bến sông, cảm sảo trông
ngắm, mừng vui xuân-tinh xuân-cảnh,
nên động xuân-tử xuân-hoái mà vịnh
một bài.

Bóng mây thấp-thoảng bóng cây xanh,
Vầng-hạg trời không khí thái-thanh (8).
Gợn nước long-lanh gieo trước mái (9)
Mẫu yên (10) thấp-thoảng lẫn bên thành.
Chim phoi cánh tuyết sa thêm nhạt,
Cá lượn vây sương sóng chẳng kinh.
Đôi cánh côi thơ trong mắt rộng,
Bờ trắng ngăm gió lúc tung hoành.

57. — Đề miếu ông Giã-Nghị

Miếu này ở cửa tây thành phủ Tràng-
sa trong phường Trạc-cầm, nhà tuy
đồ nát, nền cũ hãy còn. Nay dựng làm
ba tòa đền, cùng với mã ông Khuất-
Nguyễn đối-ngạn, thuyền đến đó,
vào yết niếu và có đề một bài.

Tuổi trẻ tài cao nhất chúng-nhân (11)
Cũng toan giúp Hán dựng công-huân.
Thẹn lòng tiếng cũ mưu trừ-cự (12),
Trái ý vua lành cách đình-tân (13).
Nước chảy sông Tương vào ái-quốc (14),
Cây cao non Lặc (15) khi lừng-vân (16).
Đầu phường giắt găm thương chàng
Khuất (17),
Cổ biếc nghĩa thu bóng tịch-huân (18).

(1) Tràng-sa = Sông tổ-tích nhà Hán vua Quang-vũ.

(2) Sông Đà = sông Ô-đá, khi ông Quang-vũ bị Vương-Lang đuổi, chạy qua sông ấy tự-
nhiên nước đóng thành băng.

(3) Sở-sắc = bóng núi sông hoa cỏ nước Sở.

(4) Châu-thư = sách của ông Mạnh-tử.

(5) Tiếng giốc = tiếng tù-và.

(6) Dây huân = dây đàn nam-huân của vua Thuấn.

(7) Thuyền ngư = thuyền đánh cá.

(8) Thái-thanh = khí trời trong xanh.

(9) Trước mái = trước mái chèo.

(10) Mẫu yên = hơi khói.

(11) Nhất chúng-nhân = hơn hết mọi người.

(12) Mưu trừ-cự = mưu thay đổi phép cũ.

(13) Cách đình-tân = triều-chính mới.

(14) Vào ái-quốc = bái văn yên nước, như ba bài sách trị-an.

(15) Non Lặc = núi Nha-lặc.

(16) Lừng-vân = khí kháng-khai xông lên mây.

(17) Chàng Khuất = ông Khuất-Nguyễn.

(18) Tịch-huân = Bóng về chiều.

58. — Đề thư viện núi Nhạc-lộc

Núi này cách thành ba dặm, ở dưới chân núi Nam-nhạc, ông Châu-Mạo là người nhà Tống, ẩn trong núi ấy, sau ông Trương Nam-Hiến đắp một cái đài Đạo-hương, đằng sau có lầu ngự thư, hai bên có vài mươi gian buồng học, trong có hai cái đèn thờ ông Chu-phu-tử và ông Trương - phu - tử. Khi vào chơi đây, học-trò vào xin thơ đề quạt rất nhiều, cho thơ rồi lại vịnh một bài đưa cho ông thực-sư ở đây rồi mới đi chốn khác.

Len-lỏi đường mây tới cảnh nhân,
Đầu xưa thi-lễ cửa hiền-quan.
Nhưần thêm bề học dòng Tương-thủy,
Ánh suối láng vầy dáng Sở-sơn.
Thĩ-hội (1) rõ ràng thư bí-sắc,
Ngư-duyên (2) vui thú khách từ-dân.
Lông người mới biết không hai lẽ,
Đạo thánh-hiền xưa vẫn chiếu-nhan.

59. — Lên lầu Cung-bực

Khi lên chơi núi Nhạc-lộc rồi, đến trưa lại sang miếu thờ Xã-thần ở bãi giữa sông; miếu này dang trước có nhà tiền-đường, giữa có nhà chính-tâm, có lầu chung-lâu, trang-sức nhiều đồ vàng bạc, tường và thềm xây toàn đá hoa, trông đẹp lắm, sau đền có lầu Cung-bực, cao vài mươi thước, sà trạm cột vế, tường găm thềm hoa, tức là một lầu ở trong ba lầu có danh tiếng của nước Sở, học trò ở từng gian buồng trọ học, rất là tịch-mịch. Bước lên lầu trông ra tứ-phía, nước nhả khói, núi phun mây, bốn bên vòng lại sơn-thủy theo nhau trùng-trùng, trông như một cảnh Bồng-lai.

Thang mây lần bước bước lên lầu,
Ba Sở (3) non sông trước mặt thâu,
Hàng nhạ xa xa về cuối phố,
Thuyền ngư nhỏ nhỏ lượn vòng châu.
Nửa vườn hoa trước nhà tầng (4) mẹn,
Bầu vách đồ thư viện-đạo (5) u.
Tạ-Điều (6) có thơ trắng đã cõ,
Kính-nhân (7) ai nổi một đôi câu.

60. — Họa theo văn bài trên.

Khi mới đề xong, bấy giờ có một người tú-tại nước Tàu tên là Đặng Đình-Tùng, tuổi độ 20, di du-ngoan ở trên sông, người ấy mặt mũi khôi-ngô, bóng dáng nhàn-nhã, đi qua đây thấy đương đề thơ cũng vào họa theo một bài ngẫu-ên-văn.

Tạm nghỉ hành-tinh (8) lên một lầu,
Giang-sơn trong quất bốn bên thâu.
Khí mây núi Lộc quang tường-diện,
Mầu khói sông Tương lộn bãi châu.
Tạ-Điều làm thơ trắng-g ó cõ,
Lưn-linh (9) bầu rượu bề non u.
Hỏi ai Xích-bích (10) tài hay phú,
Gặp gỡ ngày nay họa mấy câu.

61. — Sớm trông phong-cảnh Kinh-nam

Đến hạ-tuần tháng giêng, thuyền từ phủ Tràng-sa tiến lên, trông ra núi non san-sát, sông nước mông-mênh, dưới nước trên trời, mờ tằm con mắt, xa xa thấy buồm thuyền chằng dầy, chài cá thấp-tho, phía tây lại có dải bát-cảnh, biết bao nhiêu là cảnh-sắc sinh tình, có vịnh một bài.

Sớm tan làn khói khí mênh-mông,
Văng nhát phủ-tang bóng chiếu hồng.

- (1) Thĩ-hội = Chữ viết không làm chữ Thĩ ra chữ Hội.
(2) Ngư-duyên = Cá và con diều-hầu, là loài vật bay lặn, có cảnh thú vui.
(3) Ba Sở = ba lầu của nước Sở.
(4) Nhà tầng = nhà đề sư tăng ở.
(5) Viện-đạo = nơi phụng thờ.
(6) Tạ-Điều = người hay thơ đời xưa.
(7) Kính-nhân = thơ hay người xem phải kính.
(8) Hành-tinh = là cờ số.
(9) Lưn-linh = người hay rượu đời xưa.
(10) Xích-bích = ông Tô Đồ (g-Pha làm bài phú « Tiên Xích-bích, Hậu-Xích-bích. »

Sắc Sở bình-phân màu nộn-liều (1),
 Dòng Tương tiên-iếp thể tròng-không.
 Lưỡi ngư phơi gió kinh hồn nhạn,
 Buồm ich (2) đan mây loạn cánh hồng.
 Bát-cảnh bến dãi trời đất muôn,
 Cách bờ chuông diêm tiếm đình-dông (3).

62. — Viếng quan Tam-lư Đại-phu

Thuyền từ sông Tương-âm tiến lên,
 đi qua lưng núi Ô-long là con đường
 cũ vào sông Mịch-la. Nguyên quan
 Tam-lư đại-phu tên là Khuất-Nguyên,
 thờ vua Hoài-vương nước Sở, ôm lòng
 trung-liệt, bị phải đũa nịnh-thần Ngạn-
 Thượng ghen ghét, đem lòng gièm
 chê với vua Sở. Vậy ông Khuất-Nguyên
 phải dấy ra Tương-âm, ông mang lòng
 trung-phần, mới ôm hòn đá nhảy
 xuống sông Mịch-la tự-lử. Bây giờ chỉ
 còn mồ không có miếu, cách sông độ
 hơn ba dặm, người nước Sở cứ năm
 năm đến ngày đoan-ngộ (mồng năm
 tháng năm) tranh nhau chèo thuyền
 sang sông để tảo-mộ và thăm viếng...
 Thuyền qua đây có vịnh một bãi.

Tương-âm đất khách tuyết sương đôn,
 Một khúe thu-lan (4) tiếng nước non.
 Người Sở then trông coa mắt trắng,
 Sợ g la cam gửi tấm lòng son.
 Âm-ào khí liệt cơn giông nổi,
 Bớt-rút gan trung lức sóng cồn.
 Nịnh-Thượng (5) mây hơi tro kiếp lạnh,
 Đại-phu (6) sao nữ đã gieo hồn.

63. — Vào Hồ-nam gặp gió to

Khi thuyền từ hồ Thanh-thảo sắp vào
 hồ Động-dinh, bỗng gặp trận phong-

ba dùng-dùng từ tây-bắc nổi lên, cát
 bay từng đám, sóng vỗ như cồn,
 chẳng-dã phải ngã tay chèo men hồ
 Thanh-thảo, cầm sào đợi nước, mà
 ngậm-vĩnh một bãi.

Thanh-thảo hồ qua tới Động-dinh,
 Phong-ba bỗng nổi thể tung-hoanh.
 Cát mù bóng nhạt trông như nước,
 Sóng lộn tăng mây nhấc ngỗ ghênh.
 Khoan nhạt dịp chèo thơ túy-tử (7),
 Thấp cao lũng gió sáo u-nhân (8).
 Cảnh buồn đã thấy hiu-hiu nhẹ,
 Diêm tử nam-phong khéo hiệu-lianh.

64. — Lên núi Quân-sơn

Thuyền vào hồ Động-dinh, giữa hồ có
 quả núi đá, gọi là Quân-sơn, là chỗ phân
 địa-giới nước Ngô nước Sở, trên đỉnh
 núi có đền thờ bà Tương-Quân là con
 gái vua Nghiêu, là vợ vua Thuấn, thấy
 cảnh xinh đẹp, lên ở đây để di-dưỡng
 tinh-tinh. Lưng đeo thi đá nhuộm màu
 rêu, hoa in sắc gấm, dưới hồ thì nước
 tuôn róc-rách, sóng lộn lưng-chứng,
 lại còn nhiều cây lạ như là chè tước-
 thiết, cây giàng-quất, trúc đôi-mỗi,
 bóng tỏa khói mây, hương bay ngào-
 ngạt, biết bao nhiêu cảnh-vật lạ-lùng,
 nhất là khi trời mưa mới tạnh, trông
 ra vẻ lộn xanh vàng trắng lục, hình
 như sắc khảm ốc lóng-lánh đủ màu,
 ngấm cảnh sinh tình, mà vịnh một bãi.

Khói mây lỏ - tỏa nước mênh-mang,
 Ai khéo xây thành quả ngọc-san.
 Cát đá chửa sâu miền Sở-quốc (9),
 Thành vông xây vững ải Ngô-quan (10).

(1) Nộn-liều = liều non.

(2) Buồm ich = đầu thuyền vẽ chim ich.

(3) Đình-dông = tiếng chuông kêu.

(4) Thu-lan = bãi phủ Thu-lan.

(5) Nịnh-Thượng = kẻ nịnh-thần tên là Ngạn-Thượng.

(6) Đại-phu = chức quan của ông Khuất-Nguyên.

(7) Thơ túy-tử = ông Lã Đồng-Tân say rượu qua chơi hồ này có ngâm một bài thơ.

(8) Sáo u-nhân = ông Lã-quân qua chơi hồ này thời ba tiếng sáo mà sóng gió nổi lên năm âm.

(9) Sở-quốc = địa-giới nước Sở.

(10) Ngô-quan = địa-giới nước Ngô.

Quất bao tiên-dịch (1) cảnh cảnh biếc,
 Trước lầu Tương-linh khóm khóm vàng.
 Thứ nhất là khi mưa mới tạnh,
 Đủ màu tranh vẽ nét thanh-dan (2).

65. — Ngắm cảnh hồ Động - đình.

Hồ này rộng lắm, nước biếc non xanh, gió cao sóng vỗ, lạ-lùng thay, vòng quanh 800 dặm, núi Quân núi Lộc, đôi ngọn song-song, sông Quảng sông Kiềm, hai dòng hợp một, đôi vòng nhật nguyệt buổi sáng buổi chiều, khi mọc khi lặn, hình như chui ở đây mà ra vào. Khi thuyền mới tới hồ, người lái đò chỉ lên quả núi Quân-sơn, nói có nền cũ vua Hiền-Viên hóa-tích đời xưa, bây giờ hãy còn, lại trở lên ngọn núi Lộc-phụng bảo là nơi ông Phạm-Lãi lánh ẩn khi xưa. Trông ra cây cối um-thùm, khói mây mờ-mịt, liền ngắm một bài :

Gió trắng không phía nước không bờ,
 Bốn mặt mệnh-mông cá lượn lờ.
 Sông chực qua đèo cơn nả gió,
 Trời nằm trong nước lúc tan mưa.
 Bướm xưa cụ Phạm (3) hình lơ-lững,
 Dấu cũ vua Hiền (4) bóng mập-mờ.
 Cảnh-sắc một màu trông mỗi mắt,
 Bể tai cao trạo hợp thành thơ.

66. — Lên chơi lầu Nhạc - dương.

Buổi theo ngọn gió, sóng rất men bờ, trông lên bờ hồ phía tây cửa thành có một cái lầu gọi là Nhạc-dương, dọc ngang tám thước, trên dưới ba tầng, cửa dô hiên xanh, sà trạm cột vẽ, tường xây vôi phấn, nền lát đá hoa, kiềncách rất là sa lệ lắm, chính là một

chốn lầu-đài mà ông Lã Đồng - Tân vẫn thường cưỡi hạc xuống chơi, uống rượu ngắm thơ ở đấy.

Mấy tầng xanh ngắt mấy tầng mây,
 Lầu Nhạc-dương này chính phía tây.
 Bóng dãi sà-quang hàng cột trạm,
 Gương chia hồ-sắc vách song xây.
 Bầu trời xa trở mây tan hợp,
 Rốn bề lần trông nước cạn đầy.
 Văng-vẳng bên tai còn tiếng hạc,
 Lưng hồ thủy-nguyệt một bầu xanh.

67. — Đền đài Cầu-phong của ông Gia-Cát Lượng.

Từ lầu Nhạc-dương qua dòng Xích-bích đến núi Nam-bình, ở đấy có đài Cầu-phong của ông Gia-Cát Lượng, nền cũ hãy còn y-nguyên, trên có đèn thờ, hương-hoa ngào-ngạt, khói-lửa tâng-bâng, bước lên ngắm cảnh có vịnh một bài.

Một túi kiên khóa ngọn núi này,
 Thất-tinh đàn nọ hãy còn đây.
 Mắt gan Công-Cận (5) cơn buồn cuốn,
 Đốt ruột Tào-man (6) trận cát bay.
 Lửa đỏ nóng âm dòng Xích-bích,
 Tro tàn thổi lại nghiệp Ba-tây (7).
 Nam-bình (8) xa ngắm bên đàn nọ,
 Phe-phẩy còn ngờ quạt ở tay.

68. — Xích-bích hoài-cổ.

Khi ở đền Cầu-phong xuống thuyền, quanh núi Xích-bích trông xuống dòng sông, nghĩ về đời Tam-quốc nước Ngụy Thục và Ngô đánh nhau ở sông này, rồi hồi-tưởng những lúc tiếng trống vang trời, bóng cờ rợp đất, biết bao nhiêu anh - hùng nghĩa - khí, liệt-sĩ trung-thần, sông đỏ huyết, núi

- (1) Tiên-dịch = rượu tiên.
- (2) Thanh-dan = tranh vẽ bằng thuốc.
- (3) Cụ Phạm = ông Phạm-Lãi.
- (4) Vua Hiền = ông Hiền-Viên đời thượng-eb.
- (5) Công-Cận = tên Chu-Du.
- (6) Tào-Man = tên Tào-Tháo.
- (7) Ba-tây = nghiệp nhà Hán.
- (8) Nam-bình = tên núi.

phơi xương, da ngựa bọc thây, đầu
gươm bạc-mệnh, ngấm chốn sa-trường
mà động lòng hoài-cổ, nhân cảm-hứng
mà có thơ sau này.

Sông Ngô này chỗ hội anh-hùng,
Kính ngạc (1) chen đua sóng lộn bông
Mây cuốn Bân-nam lồng tịch-ảnh (2),
Lau bay ngàn bắc thổi đông-phong.
Ba chia vũ-tru trên đài vẽ,
Một dải giang-hà dưới mắt trông.
Nửa cuộc hơ thua còn chuyện cũ,
Thẹn mình tài thiếu phú Nhiêm-ông (3).

69. — Lên chơi chùa Quý-sơn

Chùa này đối-ngạn với thành Vũ-xương, ở phủ Hán-dương. Đây là cái
đồi đất ở cửa Hán-khẩu nổi lên hình
như lưng con rùa, ngang dọc vài
mươi dặm, xếp-dặt có thứ-tự lắm,
trong chùa lại lắm cảnh đẹp, đứng xa
trông như một khu tiên-cảnh ở giữa
trời. Dưới cửa Hán-khẩu là nơi dó-hội,
lúc nào cũng có người đông nghìn-
nghị ở xung quanh bên chùa, thuyền
bè san-sát, ghềnh thác nhấp-nhô, trông
chẳng khác gì bức tranh sơn - thủy
lâu-dài.

Cảnh rừng khi trước cảnh chùa nay,
Ai khéo xây lên bên nước này.
Đuốc tuệ (4) gương lồng gợn-gợn sóng.
Hoa đàm (5) bóng tỏa chớp-chớp mây.
Khua nao khách-tứ hồi chuông tối,
Quét sạch trần-tâm tiếng khánh ngày.
Phải khách thập-phương đi lại đó,
Dưới thuyền trên bến khói hương đây.

70. — Giữa đường nhớ con

Khi thuyền đỗ ở cửa Hán-khẩu, bấy

giờ vào hạ-tuần tháng mười nhuận,
thuyền vừa đến bến, tiếp được thư
của các con ở nhà gửi trạm sang,
trước vãn-an, sau giải tổ sự nhà binh-
an, mừng-rỡ vô - cùng, như bắt
được châu-báu, không gì quý bằng, xem
thư xong, nghĩ đến tình muốn dậm
xa nhà, động lòng nhớ con, mới tự-
thuật một bài.

Tháng nhuận ngoài đời tuyết đã-dầm,
Thuyền vừa đến bến tiếp thư thăm.
Mong luôn dưới gối đàn con bé,
Thơ vịnh trong khoang mấy khúc trầm.
Muôn dặm dậm quên cầu mệnh nhục (8),
Nghìn vàng nên giá chữ tình thâm (9).
Binh-an mừng-rỡ tin nhà đến,
Mong gửi ai về tiếng hảo-âm.

71. — Thơ thuật-hoài chỗ đậu thuyền

Khi thuyền đến thành Vũ-xương,
mới có thuyền nhỏ đổi sang một
chiếc thuyền lớn, đóng tạm ở cửa Hán-
khẩu, để sửa chữa những đồ phòng-bị
mùa rét, lúc bấy giờ lái đò đương đáp
những thương-khách xuống đò, phải
kiêng những hàng-hóa xuống đò suốt
ngày hôm chưa xong, quan sô-tại địa-
phương ấy, đã cho người giục-giã nó
phải đi ngay, mà phải tên lái đò
ngang-tàng, cứ chùng - chình không
chịu nhả sào ngay. Gặp lúc nước lụt
lên to lắm, thế không đi được, thuyền
lại phải đóng lại đấy mấy bữa.

Trong khi lạ cảnh lạ nhà có ý
buồn rầu, mới vịnh một bài thơ tự-
thuật rằng.

(1) Kính ngạc = tên hai loại cá to dữ, nói ý các tướng tranh đánh nhau.

(2) Tịch-ảnh = bóng mặt trời buổi chiều.

(3) Phú Nhiêm-ông = bài phú Xích-bích của ông Tô Đông-Pha.

(4) Đuốc tuệ = hào-quang Phật.

(5) Hoa đàm = đèn hoa sen.

(6) Khách-tứ = ý từ người.

(7) Trần-tâm = lòng trần-tục.

(8) Mệnh-nhục = người đi sứ không chịu dậm mệnh vua.

(9) Tình-thâm = tình cha con thương nhớ.

Chú lái sao mà khéo khắt-khiu,
Thuyền đi thối lại ngã tay chèo.
Mặt mờ Hán Miện (1) mây vùn-lùn,
Tránh lạng Kinh Tương (2) nước thủy-triều.
Mưa bề mây tuần mờ khác-từ,
Gió nam một giấc mông xuân-thiều.

Khi vẽ vẽ bức tranh sơn-thủy,
Gọi chút đàn-tám để nhập-triều.

(Còn nữa)

Lương-ngọc Vũ-Bica dịch

CÁC BẬC DANH-NHO NƯỚC TA (3)

II

10. — Võ Quỳnh 武陵

Ông Võ Quỳnh tên tự là Thủ-phác 守璞, hiệu là Đốc-trai 篤齋, người làng Mộ-trạch huyện Đường-an, đỗ tiến-sĩ khoa Mậu-thìn năm Hồng-dức thứ chín. Khi ngài làm quan Ngự-sử, đàn-hạc không nề gì kể quyền-yếu; khi cầm quyền-chính ở xứ Đông, ân-tin lại thiệp-phục cả nhân-dân. Ngài lúc bình-sinh học rộng mà tính hay hiếu-cổ, thực là một bậc tôn-sư ở đời. Ngài từng kiêm chức Sử-quán-lông-tài, soạn ra bộ sử Đại-Việt-thông-giám; làm quan đến Binh-bộ Thượng-thư. Ông Lê Quang-Bí có làm bài thơ truy-vịnh đề ngợi khen ngài rằng:

Đứng giữa trong đời bậc đại-nho,

堂堂聖世一鴻儒。

Tôi lui tùy lúc chẳng bo-bo.

仕止隨辰任自由。

Cù-tiền-tướng rõ người thanh-lịch,

天上翬仙開骨相。

Hoạt-phật tâm in về nhiệm-mầu,

人間活佛見心頭。

Ngôn-hạnh làm gương treo bậc nhất,

嘉言善行諸賢冠。

Văn-chương đề tiếng đời ngàn thâu.

大對雄文萬古留。

Đầu-sơn còn đó còn ngô-đạo,

斯道巍巍山斗在。

Kia bậc tiên-tu đề phạm-mô.

後人無不企前修。

Chuyện Truyền-ký chép rằng ở huyện Đường-an có họ Võ chính là tổ họ Võ nhà ngài vậy.

Con ngài tên là Cán 幹, lúc bé đã dĩnh-ngộ, học khắp cả mọi sách, đỗ tiến-sĩ khoa canh-thìn năm Canh-thống thứ hai; làm quan Lễ-bộ Thượng-thư, chương viện Hàn-lâm, đời bấy giờ đều suy-tôn đức-hạnh văn-chương lắm.

Nhà ngài vốn thanh bần, mà ngài vẫn cứ vui-vẻ tự-nhiên, gặp cảnh-vật gì hứng-thú thời lại làm thơ ngâm-vịnh để tự-thích, có làm ra tập Tùng-hiên.

11. — Nguyễn Bình-Khiêm 阮秉謙

Nguyễn Bình-khiêm tiên-sinh, tên tự là Hanh-phủ 亨甫, người làng Trung-am, huyện Vĩnh-lại, tỉnh Hải-dương. Khi ngài mới sinh ra dùng mạo khôi-vĩ, đầy tuổi tôi đã biết nói. Khi lên bốn tuổi, mẹ dạy cho học những câu chính-văn trong kinh-truyện, thời đọc qua là thuộc lâu

(1) Hán Miện = tên hai sông.

(2) Kinh Tương = tên hai châu.

(3) Dịch Lịch-triều hiển-chương. — Xem Nam-Phong số 52.

ngay; ngài học khi nhỏ toàn là số-đắc ở gia-đình - giáo-dục; đến khi lớn theo học ông Bảng-nhân Lương Đắc-Bằng 梁得朋 (người làng Hội-triều, Thanh-hóa). Ông Lương Đắc-Bằng khi trước có sang sứ nhà Minh, gặp một người cùng họ là Lương Nhữ-Hốt, cho một quyển « Thái-ất thần-kinh », ngài đem về học tập, cho nên tinh về nghề lý-số, nay ngài lại đem dạy cho ông Bình-Khiêm, nên ông Bình-Khiêm lại càng tinh về lý-số-học. Ông Đắc-Bằng có phó-thần người con là Lương Hữu-Khánh cho ông Bình-Khiêm, ông trông nom chu-chí, dạy bảo cho đến thành-danh.

Trong khoảng năm Quang-thiệu, Thống-nguyên (Lê Chiêu-Tôn) dời nhà Lê, Trịnh Tuy với Mạc Đăng-Dung đều có ý muốn tranh-quyền, đánh-nhau luôn mấy năm, trong nước rối loạn. Ngài tinh số Thái-ất biết rằng nhà Lê sau còn trung-hưng, có bài thơ cảm-hứng rằng:

Thái-hoà nào phải buổi Ngu Chu,
太和宇宙不虞周。
Đánh lẫn nhau chỉ mấy kẻ thù?
互戰交爭笑兩讎。
Sông huyết núi xương đời chốn thẳm,
川血山骸隨處有。
Chìm rừng cá vược vị ai xưa?
淵魚叢雀爲誰驅。
Ngựa phi hân có hồi quay lại (1),
重興已卜渡江馬。
Muống dữ nên phòng buổi nhấp-nhò (2),
後患須防入室讎。
Ngán ngẫm sự đời chỉ nói nửa
世事到頭休說著
Bên đầm mặc thích thú nhân-du
醉吟澤畔任閒遊

Về sau, nhà Mạc chiếm giữ kinh-thành làm vua, bốn phương đã hơi yên-ôn, các bạn bè nhiều người

khuyến ngài ra làm quan, ngài tính số Thái-ất biết nhà Lê độ và mười năm nữa mới trung-hưng được, bất-đắc-dĩ phải ra thi, đỗ trạng-nguyên năm Đại-chính thứ sáu nhà Mạc, khi ấy ngài đã 44 tuổi.

Vua nhà Mạc cử ngài làm Lại-bộ Tả-thị-lang kiêm Đông-các đại-học-sĩ. Ngài làm quan tại-triều được 8 năm, trước sau dâng sớ hặc mười tám người lộng-tuần, xin đem giết bỏ đi. Chỉ ngài to-tát lắm, muốn làm cho muôn vật đều thỏa-thuê yên chốn, dân người mù kẻ lòa cũng dạy cho nghề bói nghề hát kiếm ăn. Song bấy giờ nhân có chàng rể là Phạm-Dao cây thế kiên-hoành, ngài sợ phải vạ lây, bèn từ quan về dưỡng-lão.

Khi ngài tri-sĩ rồi, làm nhà chơi mát ở mé dưới làng, gọi là am Bạch-vân, tự hiệu là Bạch-vân cư-sĩ 白雲居士. Lại bắc hai nhịp cầu gọi là cầu Nghênh-phong 迎風 và cầu Tráng-xuân 壯春, thường thường ra chơi hóng mát. Lại làm một cái quán Trung-tân 中津 ở bên sông Tuyết-giang, có soạn bài bi-văn đề kỷ sự-thực. Khi thi ngài bơi thuyền ở cửa bể Đồ-sơn Văn-úc để xem đánh cá. Khi thời đi với một vài nhà sư chơi ở các núi An-tử, núi Ngọa-vân, núi Kinh-chủ, núi Đồ-sơn. Đi đến đâu làm thơ ngâm-vịnh đến đấy, hoặc gặp chỗ nào có cây cao bóng mát, chim kêu riu-riú, thời suốt ngày chơi nhõn, lấy làm khoái chí lắm.

Ngài tuy ở nhà, nhưng vua nhà Mạc vẫn coi ngài qui-trọng, lấy sự-lễ mà đãi ngài, nhà nước có công việc gì to, thời sai sứ đến hỏi tận nhà, hoặc mời về kinh-đô mà hỏi, xong rồi lại trở về quê ngay, chớ không thể lưn được. Ngài bàn định nhiều việc có ích lợi cho nước, nhà Mạc bèn thăng cho

(1) Ưng về sau nhà Lê lại khôi-phục được nước.

(2) Ưng về sau họ Trịnh lại vào chiếm quyền nhà Lê.

ngài chức Lại-bộ Thượng-thư, Thái-phó Trịnh quốc-công, nên ta thường gọi là « Cự trượng Trịnh ».

Năm Ất-dậu, ngài phải bệnh, Mạc Mậu-Hợp, sai sứ đến thăm và hỏi việc hậu-sự. Ngài bảo rằng :

— Sau này có sự gì biến-cổ, xứ Cao-bình dầu nhỏ, nhưng cũng có thể hưởng-phúc được vài đời.

Đến sau nhà Mạc mất nước, chạy lên Cao-bình, quả-nhiên còn giữ được 4 đời gần 70 năm rồi mới tuyệt.

Ngày 28 tháng một năm Ất-dậu, ngài mất, thọ 95 tuổi. Học trò gọi ngài là Tuyết-giang-phu-tử 雪江夫子.

Ngài học rộng khắp các sách, lý-số kinh *Định* lại càng thâm - hiểu lắm, phàm các việc tai, tương, họa, phúc, cũng là ngày mưa ngày nắng, việc gì cũng biết trước cả.

Năm Thuận-bình thứ tám (1556) nhà Lê, vua Trung-tôn mất không có con, bấy giờ Trịnh Kiểm đang cầm quyền, trong bụng hồ nghi không biết nghĩ ra thế nào. Hỏi Phùng Khắc-Khoan, Khắc-Khoan cũng không biết thế nào cho phải, bèn sai người đi lên ra Hải-dương để hỏi ngài, ngài chẳng nói câu gì chỉ ngoảnh lại bảo đầy tớ rằng :

— Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng bay nên tìm giống cũ mà gieo mạ.

Nói rồi, lại sai bảo chủ tiểu quét dọn đốt hương, để ngài ra chơi chùa, và bảo tiểu rằng :

— Giữ chùa thờ phật thời được ăn oản.

Đó là có ý khuyên Trịnh Kiểm tìm lấy dòng-dối nhà Lê mà lập lên, mà phải cứ giữ đạo làm tôi ăn mảy phạt thời được hưởng phúc.

Sứ-giã về nói với Trịnh Kiểm, Trịnh Kiểm hiểu ý, bèn đón lập vua Anh-tôn,

quả-nhiên dựng lại được cơ-dở nhà Lê, mà họ Trịnh cũng đời đời được hưởng-phúc.

Khi ấy đức Gia-Dụ triều Nguyễn là (Đức Đoan quốc-công Nguyễn-Hoàng) đang phải Trịnh Kiểm nghi ngờ, có ý muốn âm-hại, đức Gia-Dụ lo sợ không biết nghĩ mưu gì cho tránh được nạn, mới sai người ra hỏi ngài. Bấy giờ ngài đang chống gậy chơi trong vườn cảnh. Trong vườn có vài ngọn núi non-bộ, lại chổng-chất đá làm một dãy núi ngang ; trên núi có cây cối rườm rà, có đàn kiến đang bò trên tảng đá. Ngài nhìn xem đàn kiến, rồi tìm-tìm, cười mà rằng :

— Một dải núi Hoàng-sơn (núi Đèo ngang) kia, có thể yên thân được muôn đời.

Người kia thấy nói vậy, về nói với đức Gia-Dụ. Đức Gia-Dụ hiểu ý, xin vào trấn-thủ xứ Thuận Quảng (Trong ấy có dải núi Hoàng-sơn), quả-nhiên mỗi ngày một thịnh, mở ra cơ-nghiệp Nguyễn-triều.

Học trò ngài rất nhiều người thành-đạt, nhưng chỉ có ông Phùng Khắc-Khoan 馮克寬, Lương Hữu-Khánh 梁有慶, Nguyễn Dữ 阮曠, Trương Thời-Cử 張辰舉, là làm nên to mà có danh-vọng hơn cả.

Khi trước ông Phùng Khắc-Khoan đến trọ để học ngài, lúc học giỏi rồi, ngài đang đêm đến chơi nhà trọ, gõ cửa mà bảo rằng :

— Gà đã gáy rồi, sao không trở dậy mà thôi cơm ăn, còn nằm mãi đấy ư !

Đó là có ý giục ông Khắc-Khoan vào Thanh-hóa giúp nhà Lê. Khắc-Khoan hiểu ý bèn cùng với ông Nguyễn Dữ lên vào Thanh-hóa để phủ Lê. Khắc-Khoan, Lương Hữu-Khánh đều thâm-thủy về lý-học, cùng làm danh-thần về đời Lê trung-hưng.

Ông Nguyễn Dữ có làm ra truyện *truyền-ký-lục*, ngài có nhuận-chính

lại, nên thành ra một áng văn-chương kỳ-bút.

Ngài thiên - tư cực - kỳ cao - thượng, hung-hoài sái-lạc, mà tính rất thuần - nhĩ, hồn - nhiên không lộ khuê-giác, không hay nói mà nói ra câu nào thì là đích-đáng. Ngài tuy ưu-du nhân-tân hơn 40 năm, mà trong bụng ngài vẫn không quên đời, phát ra thơ văn vẫn có ý ưu-thời mẫn-tục. Văn - chương cực-kỳ tự - nhiên, cứ miệng đọc ra là thành văn, không phải sửa-sang trạm-chuốt gì cả. Lời văn giản dị mà lại sảng-khoái, thanh-dạm mà có thú-vị, đều có quan-hệ với phong-hóa cả. Những lời sấm-ký của ngài bây giờ hãy còn truyền. Ngài có làm ra thơ phú bằng chữ nôm rất nhiều, gọi là tập *Bạch-vân-am* hãy còn truyền ở đời, xem đó có thể tưởng thấy được cái khí-tượng ngài như trăng trong gió mát. Ngài thường có câu thơ rằng :

Gầm trời cao-si là ai đó ?

高潔誰爲天下士。

Trong cõi nhân-tiên dễ lẫn đây !

安閑我是地中仙。

Xem câu đó thời đủ biết chí ngài vậy. Trong năm Vĩnh-hựu đời nhà Lê, người làng nhớ ân-đức ngài, lập miếu thờ ngài ở nơi nhà cũ của ngài, bốn mùa cúng tế. Ông Võ Ôn-dinh soạn bài bi-ký ở đền thờ ngài có câu rằng : « *Sinh ở đời nhà Mạc mà phải ra thi-sĩ, cũng như cái ý ông Không-tử muốn ra làm quan với họ Cống-sơn.* 生於莫地而試仕。欲公山往之心。 *Biết là không nên làm mà lại trở về ngay, cũng như cái trí ông Tử-Phong giả cách theo chơi với Xích-Tùng-lữ.* 知其不可而亟歸。從赤松遊之智。 » Sứ nhà Thanh là Chu Sán-Nhiên cũng có câu khen rằng : « *Lĩnh-nam lý-học hữu Trình-toàn 嶺南理學*

有程泉。 » Xem đó thời biết khắp cả người Tàu người ta đều hâm-mộ ngài cả.

12. — Phạm Trấn 范鎮

Ông Phạm Trấn người làng Lam-kiều huyện Gia-phúc (nay là Gia-lộc) tỉnh Hải-dương, khi nhỏ cùng học với ông Đỗ Uông 杜汪 là người làng Đoàn-tùng ở gần đó. Ông Đỗ Uông vì thấy con yếu tinh bảo ông chỉ đỗ Bảng-nhãn thôi, mà ông Phạm Trấn đỗ Trạng-nguyên ; ông Uông có ý tức, cố sức học-hành để tranh-chiếm bảng nhất. Đến khoa thi hội năm Quang-bảo nhà Mạc, hai ông cùng đỗ hội, đến hôm đình-thi, Đỗ Uông trông thấy đầu bài, toàn chỗ nhớ cả, chắc là nắm Trạng-nguyên trong tay. Bấy giờ Phạm Trấn ngồi trong lều làm văn, phăng-phất như có hai người giúp đỡ : một người là Đông-phương Sóc, một người là Hàn-Kỳ, hai người đứng cạnh đọc lên cho Phạm Trấn viết, thao-thao bất-tuyệt. Đường lúc ấy, thời nghe tiếng Đỗ Uông ngồi lều bên kia kêu đau bụng không viết được. Đến lúc Phạm Trấn viết hơn một đoạn, thời Đỗ Uông mới bớt đau bụng, làm được văn, cho nên đầu nhớ nhiều mà sức văn hơi kém.

Khi truyền-lô xướng danh, quả-nhiên Phạm Trấn đỗ Trạng-nguyên, mà Đỗ-Uông thời đỗ Bảng-nhãn. Phạm Trấn nói rằng :

— Phen này ta mới đề nỗi được Đỗ Uông !

Đỗ Uông lấy làm tức lắm. Đến lúc về vinh-quì, Trạng Bảng cùng về một đường, Bảng nhất-dịnh không chịu nhường Trạng đi trước, cứ dõng-cương ngựa đi ngang hàng với nhau. Đi mãi đến chợ Bồng-khê làng Hoạch-trạch, người làng ấy vốn biết tiếng hai ông hay chữ, nay cùng vinh-quì về qua cầu làng, mới ra xin hai ông cho một

bài thơ đề vào cầu. Hai ông bảo nhau rằng :

— Cầu ngói này hơn mười gian, hạn đi qua bảy gian, thời phải vịnh xong một bài thơ, hễ ai làm xong trước thời được đi trước, không được tranh nhau.

Phạm Trấn ước, ngồi trên ngựa vừa đi vừa vịnh, đi khỏi bảy gian, thời vừa xong tám câu thơ. Ai cũng chịu là tài, chỉ Đỗ Uông không chịu, nói rằng :

— Bài ấy chẳng qua làm sẵn tự bao giờ, không phải mới làm, tài gì mà khen.

Nói thế rồi lại cứ đi ngang hàng. Đi đến làng Minh-luân, lại gặp người mới làm nhà xong, đón đường xin một bài thơ mừng nhà mới.

Phạm Trấn ứng-khẩu đọc một bài rằng :

Năm năm thêm phú quý,

年年增富貴。

Ngày ngày hưởng vinh hoa.

日日享榮華。

Xưa có câu như thế,

古人有此語。

Nay mừng mới làm nhà

今以賀新家。

Đỗ Uông nghe câu thơ ấy nghĩ thầm rằng : Lời tán-tụng nhà mới, câu này cũng đã đủ ý lắm rồi. Song là câu cò-ngừ có sẵn, ta cũng chưa chịu.

Khi qua đến cầu làng Đoàn-lâm, tục gọi là cầu Cốc; trong có người con gái bán hàng, tên là cô Loan. Hai ông mới thách nhau làm bài thơ nôm, đầu bài là « Cô Loan bán hàng cầu Cốc ». Hạn phải mỗi câu dụng hai tiếng thuộc về giống cầm, qua cầu phải xong bài thơ,

hễ ai xong thời được đi trước, không được tranh nhau nữa. Phạm Trấn ngồi trên ngựa lại ngâm xong trước.

Thơ rằng :

Quai Vạc đôi bên cánh phụng phong,
Dở-dang bán chác tựa đồ công.

Xanh le mở khếp nem hồng mới,
Bạc ác phò phang rượu vệt nồng.

vân vân (1).

Đỗ Uông bấy giờ mới thân-phục mà rằng :

— Thò đọc ra là thành thơ, nếu không có qui-ngâm thân-trợ sao được thế !

Từ đó, Bàng mới chịu nhường Trang đi trước.

Phạm Trấn tính trầm-lĩnh không hay tranh - đánh, tháo-thủ lại vững-vàng chắc-chắn lắm. Đỗ Uông tính hay hiếu-thắng, sau cũng phải khuất-phục. Hai ông có khi ngồi uống rượu với nhau cùng bốn làm bài tán rượu. Ông Uông rằng :

Rượu vàng dụng vàng,

有黃用黃。

Không vàng dụng hoả.

無黃用火。

Dụng gì cũng nên,

有用咸宜。

Làm gì chẳng khá.

無施不可。

Ông Trấn rằng :

Rượu vàng thời uống,

有黃則飲。

Rượu hoả thời thôi.

火酒則絕。

Trái lời nói ấy,

有違此言。

Có đất có trời !

天地日月。

(1) Bài thơ đủ 8 câu, nhưng, tác truyền mất bốn câu dưới.

Người thứ-giã xem đó biết hai ông chí-thù mỗi người một khác. Đến sau nhà Mạc mất, Uông lại theo về làm quan nhà Lê, làm đến Thượng-thư, phong tước Quận-công. Ông Trần làm đến Thừa-chánh-sứ, khi nhà Mạc mất rồi, ông Trần về ở ẩn không ra làm quan nữa.

13. — Nguyễn Phong 阮豐 (1)

Ông Nguyễn Phong người Đông-thôn làng Kiệt-dặc huyện Chí-linh. Ông thân-sinh ra ngài đồ hương-cống. Ông có ba anh em : Anh cả làm Tri-huyện, em út làm Vệ-úy, ông là thứ hai. Ông là người thiên-tư dĩnh-ngộ, khi lên bốn tuổi, thấy anh học, cũng nghe lỏm học thuộc lòng cả, cha thấy có ý thông-minh, bèn dạy cho học ; khi lên bảy tuổi đã biết làm văn, cha sai thử làm bài văn tế thổ-thần, thời ngài làm xong ngay (2), cha không phải sửa đổi một chữ nào cả. Khi 14 tuổi, thi đồ hương-cống, đồng-khoa với cha, mà tên ngài đồ trên, lúc vào dự-yến, ngài đứng không dám ngồi. Quan trường thấy lạ mới hỏi, ngài bèn thưa thực là có cha đồ ngồi ở hàng dưới, nên không dám ngồi trên. Quan trường truyền cho đổi chỗ ngồi.

Tính ngài hay chơi sơn-thủy, chốn quê hương có 72 ngọn núi, ngài đi du-lịch khắp cả, thường có vịnh bài thơ rằng :

Ta yêu gì, yêu núi thôi,
吾何愛愛惟山。
Chẳng xa mây khói, xa cõi đời.
不遠烟霞遠世間。
Bừng mắt thấy trời mây sắc biếc,
舉目有天雲色五。

Ngủ đầu xem đất cỏ hoa tươi.
擡頭滿地草花開。
Xuân về buổi sớm mai chào thoảng,
梅嘲曉日知春暖。
Gió tát trời đông bách đưng phơi.
栢立冬風識歲寒。
Chỉ cả chẳng xôn vì sấm chớp,
雷雨不迷填海志。
Giữa dòng chiếc lá thử rong chơi.
葉舟爭待泛長淵。

Năm 21 tuổi, ngài đồ tiến-sĩ khoa Mậu-thìn niên-hiệu Thuần-phúc triều nhà Mạc, rồi lại thi đồ Đông-các truhạng, làm quan đến Tả-thị-lang. Khi nhà Mạc mất, ông cùng với Nghiêm-son-hầu Nguyễn Doãn-Khâm vào ẩn ở núi Huyền - đằng, dân ở đấy sợ phải can-lộ đến chằng, vậy ông có câu thơ than rằng :

Ta muốn yên-thân lánh chốn nghèo,
Chỉ là ăn-dật há rằng xiêu.

Năm Quang-hưng thứ 16, Mạc Mậu-Hợp còn chiếm giữ ở thành Phao-son, chúa Trịnh thân-chính diệt được nhà Mạc, ông còn ẩn ở nơi cũ, có quan Thượng-thư Nguyễn-Thực người Văn-diêm la học trò ngài, tiến ngài về triều, và sai người vào trong núi khuyên ngài ra ứng-triệu, ngài bắt - đắc-dĩ phải ra, triều-dinh lại lực-dụng cho nhương theo chức cũ. Năm Thận-đức thứ sáu, ngài làm đến Thượng - thư bộ Hình, đứng đầu triều-ban. Khi ấy ông Nguyễn : Thực chức tước ở trên ngài, chối từ không dám nhận, vua bèn cho ngài đứng đầu triều-ban. Người ta khen ngài là người có hiến, khi đồ biết nhương cha, nên lại dạy được học trò biết kính nhương thầy.

(1) Sự-tích ông Nguyễn Phong đã đăng ở bản-chí số 24 về mục Tồn-cổ dịch theo bản Tang-thương ngẫu-lục và bản sự-tích các bậc tiên-hiền huyện Chí-linh. Song lại dịch tên là Nguyễn Lễ 阮禮, chưa biết có đúng không, nên nay theo bản Lịch-triều hiến-chương mà dịch ra đây.

(2) Bài văn còn chép ở Lịch-triều hiến-chương.

Khi ngài về tri-sĩ, đào hồ ở sau vườn, giữa hồ đắp gò trồng cây, dựng một cái am nhỏ để làm nơi thưởng-ngoạn, ngắm-vịnh tự-thích, có thơ ngự-hứng rằng :

Một bầu non nước một am nhà,

一壺山水一茅庵。

Nào cá nào cây độ một và.

草木魚龍一二三。

Trời dưới gầm trời xuân trẻ mãi,

天下有天春不老。

Trước song ta giảng sách cùng ta.

窗前尚記講河南。

Ngài thọ 83 tuổi, làm quan đến Thượng-thư Đông-các học-sĩ, Tế-tử, Thiếu-bảo, Toàn-quận-công. Ngài là người văn-học rất giỏi, đỗ rồi mà vẫn còn học mãi không thôi. Người thời ấy có câu rằng : « Ông Chiền ông Dục, còn học làm chi ? » Chiền là ông Đồng Hăng người làng Chiền-dương ; Dục tức là ông, người làng Dục (Kiệt đặc).

14. — Nguyễn Văn-Nghị 阮文沂

Ông Nguyễn Văn-Nghị người làng Ngọc-bôi huyện Đông-sơn, đỗ nhất-giáp chế-khoa năm Thuận-bình thứ sáu đời vua Lê Trung-tôn. Tính ngài cẩn-thận, cử-động có phép tắc ; ông Lượng quốc-công lấy làm tín-trọng lắm, cử ngài làm quan Hàn-lâm-viện hiệu-lý. Năm bình-thin, vua Anh-tôn nối ngôi, Lượng quốc-công thấy ngài học-hành thuần-chính, cử ngài làm Thị-dục, ngài giảng sách giải bày nghĩa-lý, bổ-ích cho vua rất nhiều, vua lấy làm tôn-trọng lắm. Năm Thiên-hựu định-tị, ngài thăng chức Hộ khoa cấp-sự, kiêm-lý việc tài-chính. Năm Gia-thái, ngài cải-bổ làm Binh-bộ Tả-thị-lang, rồi thiên-lâm Lại-bộ Tả-thị-lang, vào hầu tòa kinh-diên, kiêm chức Đông-các Đại-học-sĩ.

Khi vua Lê Thế-tôn còn trẻ tuổi, ngài ở bên tả-hữu giảng-học cho vua, ngầm-nghĩa hun - đúc làm cho vua

thành một đấng hiền-quân đời trung-hưng, thực là nhờ về công ngài đào-tạo nhiều lắm.

Khi ngài mất, được tặng Công-bộ Thượng-thư, gia hàm Thái bảo. Ngài là đầu bậc danh-nho, trái giúp ba triều, đức-nghiệp thanh-danh, thực là đầu bậc nho-thần đời Lê trung-hưng vậy. Sau được phong làm phúc-thần.

15. — Nguyễn Đăng 阮登

Ông Nguyễn Đăng người làng Đại-toán huyện Quế-dương, học-văn uyên-thâm, sở-trường nhất về nghề thơ-phú, hề làm bài nào ra là người ta truyền-tụng lấy làm căng-thức, có người bỏ tiền ra để mua chuốc lấy. Thời bấy giờ có câu nói : « Phú ông Tỏi hỏi làm chi » nghĩa là ông ở làng Đại-toán (Tỏi) nên gọi là ông Tỏi, mà ông hay nhất về nghề phú. Ông lại tề-danh với ông Nguyễn Quang - Trạch 阮光宅 người làng Kiệt-đặc, mà ông Trạch cũng sở-trường về nghề phú, nên khi ấy lại có câu rằng : « Phú ông Trạch, sách ông Đăng ».

Ông đỗ giải-nguyên khoa hương-thí, khi 26 tuổi đỗ hội-nguyên khoa nhâm-thin năm Hoàng-dịh, bốn kỳ đều ưu-phân cả ; dinh-thí đỗ hoàng-giáp dinh-nguyên. Khi làm văn ứng-chế, lại được đệ-nhất.

Văn chương của ngài hơn cả đồng-bồi, triều-dinh lấy làm tôn-trọng, nên thăng-trạc ngài lên chức hiền-dại. Năm qui-sử, ngài cùng với ông Lưu Nhân - lĩnh (Đinh - Chắt) Nguyễn Đường-xuyên phụng mệnh sang sà Tầu, ngài ngắm-vịnh đối đáp với người Tầu và sứ Triều-tiên, nhiều bài tuyệt-tác. Khi qua chùa Phi-lai, ngài có làm bài phú tả cảnh chùa Phi-lai, hay lắm, người ta tranh nhau truyền-tụng, nay còn chép ở tập *Lịch-triều hiền-chương*. Khi ngài đi sứ về, được thăng Hộ-bộ Hữu thị-lang, Phúc-nham hầu. Khi mất rồi, ngài làm phúc-thần ở xã Mạc-dạ.

ĐÔNG-CHÂU dịch

AI LÀM RA BỘ TIỂU-THUYẾT

« LĨNH-NAM DẬT-SỬ ? »

Sự khảo-cổ xưa nay rất là khó. Khó về sự sách-vở không đủ, biên chép không tường, sự ấy vẫn đành là khó. Song lại còn một điều khó nữa, là các nhà trước-thuật khi xưa ghi chép năm tháng thời chỉ chép can-chi, như chỉ chép là năm giáp-ti, thời còn biết năm ấy mới đây hay là đã lâu ? Sách của người nào làm ra thời chỉ ký tên hiệu, như chỉ chép hiệu là Mỗ tiên-sinh, thời còn biết đích là tên ai nữa. Và lại chép các tên sông tên núi thuộc về địa-dư, thời chỉ dùng những tên - hiệu đẹp, còn những tên đích thực quan-hệ về lịch-sử thời lại không chép. Thế ra hình như những sách của cổ-nhân truyền lại, chỉ để làm cái tài-liệu cho người đời sau ngắm-nga thơ-phú, chứ còn những sự quan-hệ về lịch-sử khảo-cứu, không có can-
gì đến hay sao ?

Bởi vậy bây giờ ai muốn lặn-đắm khảo-cổ, xét trong các bài thi-ca, các bài tiểu-dẫn, hoặc trong các câu đối, mà tìm được một cái chữ-g-cứ còn con gì về thời-đại, về nhân-vật, hay là về sự-tích, về địa-dư, thời thực là lao-thần khổ-tứ tìm-xét mãi mới ra ; nếu gặp chỗ nào vướng-vấp còn ngờ, thời đành phải bỏ quyền sách đó mà thờ dài vậy. Ôi ! Cổ-nhân không phải là dối ta mà cũng không phải là giấu ta đâu, nhưng không ngờ rằng chúng ta bây giờ khảo-cổ lại gặp phải cái nỗi khó-khăn như thế. Ấy đây, cổ-nhân để cho chúng ta cái nỗi khó-khăn đã rõ ra trước mắt như thế, mà bây giờ còn có người bất-chước cổ-nhân, để làm khó cho người đời

sau, và làm khó cho người đời bây giờ nữa, như là tên tỉnh gọi là « Hà-nội » tên kinh-thành gọi là « Thừa-thiên », hai tên đó là tự Nguyễn-triều ta mới đặt ra, thế mà lại có người chép truyện đời bây giờ, tỉnh Hà-nội lại cứ gọi là thành Thăng-long, kinh Thừa-thiên lại cứ gọi là kinh Phú-xuân ; hay là chép sự-trạng một người nào không cần phải kiêng tên húy, mà cũng cứ kiêng, chỉ chép tên hiệu là Mỗ đại-nhân, Mỗ tiên-sinh mà thôi, chứ không có nói rõ đích thực tên họ. Ôi ! Những thói kiêng tên vô-vị ấy chỉ làm khó cho việc học khảo-cứu mà thôi, song cái thói quen đó hoặc bởi là hậu-y người mình hay yếu cò, hay kính người hiền, cứ theo thói quen mà không biết là không phải, cũng còn có thể lượng-thứ cho được. Chớ còn như giả-mạo sách của người khác mà đem biến đổi tên họ đi để đánh lừa người ta, cái tội giả-mạo đánh lừa ấy thời không thể dung tha được.

Mới rồi tôi có tiếp người bạn đưa cho xem bộ tiểu-thuyết *Lĩnh-nam dật-sử*, đề là bản-dịch của ông Chiêu-văn-vương đời nhà Trần, tôi mừng là được một bản sách cũ của cổ-nhân nước Nam ta, cứ đề cả nguyên-văn đăng vào báo, không sửa đổi một chữ nào cả. (1) Và lại những văn-pháp chép trong bộ dật-sử ấy lại có nhiều tiếng quan-hoại Quảng-tây, nên tôi nghĩ rằng ông Chiêu-văn-vương có thông-hiểu cả tiếng Mán, mà tiếng các Mán đều là tiếng người Thổ ở trên thượng-du ; tiếng người Thổ-mán trên thượng-du với tiếng thổ-âm Quảng-

(1) Bản dật-sử này nghe đâu cũng có lưu ở trường Bảo-cổ thư-viện Hanoi.

tây cũng không phân-biệt gì mấy, thế thời Chiêu-văn-vương giỏi về lối văn-pháp dùng tiếng quan-hoại Quảng-tây, cũng là có lẽ, nên tôi tin ngay rằng bộ đặt-sử này chính của Chiêu-văn-vương dịch ra cũng không còn ngờ gì nữa.

Người nước ta hề ai lưu-tâm khảo-cổ, nếu tìm được một quyển sách cổ từ sáu trăm năm về trước, mà không đem ra phô với đời, thời thực là ngu mà có ý hiểm; huống chi lại tìm được quyển sách cổ của Chiêu-văn-vương đời trước, thời người ta ai chẳng lấy làm thích. Nên khi được bộ đặt-sử này không kể chi nội-dung trong sách ấy chép sự gì và văn-pháp thế nào, vội đem đăng báo ngay, bắt đầu từ số báo 48, nay vẫn còn đăng nối theo.

Mới rồi tôi đến một cửa hiệu khách kia lại mua được một quyển đề nhan là: *Hội-dồ Lĩnh-nam đặt-sử*, tôi đem về xem thời cũng giống như bộ đặt-sử đương đăng trong bản-báo không khác gì mấy; chỉ có trong bài tựa ở bộ thạch-bản Tàu thời bỏ bớt mất một đoạn tự-sự của Chiêu-văn-vương đi, và đổi cả họ tên người tác-giả, cũng là năm với ngày tháng về thời-dại trong truyện ấy cũng khác nhau cả. Tôi có cái phần trách-nhiệm về sự biên-tập, chỉ vì không đọc qua những sách tiểu-thuyết thạch-bản của người Tàu, nên khi đăng bộ đặt-sử này không có so-sánh chứng-thực trước, cũng tự biết là lỗ-mổ. Song xét cả hai bộ đặt-sử ấy đều có chỗ trùng-diệp, hoặc có chỗ sai khác nhau, thế thời tất có một đáng giã-trá mạo-nhận, vậy xin kể những chỗ ngờ ở trong hai bộ sách ấy để nhờ các bậc bác-học quân-tử xét đoán cho.

Trước khi xét những chỗ ngờ ở trong hai bộ sách ấy, thời xin kể mấy điều tệ-đoan có quan-hệ đến việc khảo-cổ như sau này: Một là cái tệ những người sao-lục hay làm giả-trá: Từ khi nhà khảo-cổ cho đi sưu-lâm các sách

cổ, bìa cổ, để làm cái nền khảo-cứ, thời phạm sách đã sử di-bị, tàn-biến đoạn-giản, đều thu-thập lấy cả, và lại có huyền-thường để mua những bản cổ-thư, bởi vậy nên có kẻ bày mưu biện-trá để cầu lợi, hoặc nhân những bài bi-ký, hoặc các truyện các sách gì, thời hay làm xuyên-tạc đem đổi ra niên-hiệu thời cổ; hoặc giả làm giấy thời cổ đã cũ rách, hoặc phỏng theo chữ lối cổ tự mấy đời triều, mạo là truyện cổ-tích mới tìm thấy, hay là sách cổ-thư của gia-truyền, để bán cho nhà khảo-cổ lấy lợi. Thường thấy trong một tập văn hay một tập thơ, đề là của di-cảo một ông nào, mà trụ-trung thời sao-lục lầm-nhầm cả. Những kẻ làm càn giả dối để kiếm lợi, sở-đắc có được là bao nhiêu, mà làm điên-đảo cả phải trái, hỗn-tạp cả trắng đen, làm vu cho cổ-nhân để lừa hậu-thế, cái vạ ấy không biết là chừng nào! Vậy chúng ta muốn khảo-cứ sách cổ-nhân phải nên chú-ý lắm, thế cho nên bộ *Lĩnh-nam đặt-sử* này ngờ là của người Tàu làm ra, cũng là vì có ấy vậy.

Hai là cái tệ sách cổ nước Nam ta thất-lạc đi mất nhiều: Nước ta từ khi thuộc nhà Hán, học theo chữ Tàu, tiền-nhân ta trước-thuật há lại không có bản sách hay để truyền về sau. Song trải mấy mươi phen người Tàu sang lấn cướp, phạm những sử sách cũ của ta di-truyền, phải người Tàu vơ-vét lấy đi mất cả. Và lại khi trước ta chưa có hoạt-bản để in sách, nên có trước-thuật ra bộ sách nào, muốn truyền-bá cho rộng ra cũng rất khó; mà người ta lại hay có cái tính thích Tàu, hề quỵa sách quyền truyện gì không phải của người Tàu làm ra, thời coi khinh-thường ngay; ít người biết trọng cái sách cũ của cổ-nhân ta, giữ gìn lấy để truyền làm gia-bảo. Và nước ta khi trước biến-loạn mấy phen, cũng có người văn-học trốn sang ở bên Tàu,

đem cả sách của nước mình sang bên đó, hoặc là cho người nước ngoài xuất bản in ra, hoặc là tặng cả bản thảo cho người nước ngoài, như là ông Lê Chấn có làm bộ *Việt-Nam sử-lược*, mà lại về tay người Nhật-bản in để phát hành ra, chớ trong nước ta thời không thấy một quyển nào. Lại như quyển *Việt-sử-khảo* của tiên-nho nước ta làm ra, nói về việc đời Trần đời Lý rất là tường-tận, mà bây giờ chỉ thấy chép ở trong một bộ tùng-thư của Tàu, cho người Việt-nam ta ít có người biết đến. Xem đó thời biết sách cũ của nước Nam tan mất sang bên Tàu rất nhiều, thế thời sách *Lĩnh-nam đất-sử* này ngờ là của người nước ta làm ra, cũng không phải là vô-cớ vậy.

Thế thời muốn xét bộ *Lĩnh-nam đất-sử* này của người Tàu hay là của người ta, thực là một cái vấn-đề khó giải-quyết. Nay xin kể hai bộ sách ấy ký tên khác nhau như sau này.

Bộ *đất-sử* của ta truyền lại thời đời Trần-triều Chiêu-văn-vương Nhật Duật dịch-bản, mà lại có ông Hoài-văn-hầu Quốc-Toản hiệu-chính, Trương Hán-Siêu Thảng-am phê-bình, mà nguyên-di-cảo là của Ma Văn-Cao người đồng-Dịch-sơn thuộc về Đà-giang. Bộ *đất-sử* thạch-bản của Tàu thời đời Tây-viên lão-nhân sang phương Nam chơi Vĩnh-an bắt được quyển *đất-sử* này, mà không nói là ai làm ra cả. Xét trong bộ *đất-sử* bản viết của ta thời trong bài tựa có một đoạn là lời ông Chiêu-văn-vương tự-thuật lúc đi dụ quân Thổ-Mán về năm nào tháng nào ngày nào, được người Thổ-Mán tặng bộ *đất-sử* ấy là nguyên của Ma Văn-Cao làm ra, mà ông mới phiên-dịch ra chữ Hán v. v. Bộ *đất-sử* thạch-bản của Tàu thời trong bài tựa không có cái đoạn Chiêu-văn-vương tự-thuật, chỉ có đoạn Tây-viên lão-nhân tự-thuật rằng: « Ta sang phía Nam chơi Vĩnh-an... lấy làm thích bộ *đất-sử*

tả sự-tích họ Hoàng này lắm v. v. » Còn chỗ phạm-lệ thời bản ta đoạn trên đầu bảo rằng: « Sách này cứ theo như bộ cũ mà dịch ra. » Đoạn thứ ba bảo rằng: « Cứ theo như *Son-nam-chi* thời dùng nhiều tiếng thổ-mán... những tiếng gì khó hiểu thời dịch ra chữ Hán... » Đoạn cuối cùng thời bảo rằng: « Có khảo xét các việc tân-mát ở các sách, mà biên-tập ra, trái ba tháng mới xong. » Bộ thạch-bản của Tàu thời đoạn đầu bảo rằng: « Sách này y theo các sách truyện - chỉ mà khảo-định. » Đoạn thứ ba lại rằng: « Theo *Thanh-sơn-chi* thời dùng nhiều tiếng thổ-mán... Những chỗ nào dễ hiểu thời cứ để vậy, chỗ nào không hiểu được thời mới dịch ra chữ Hán v. v. » Còn đến như năm với ngày tháng thời bản viết của ta đề là: « Hoàng Việt Hưng-long ngũ niên » (1297); mà thạch-bản Tàu thời đề là: « Thanh-Kiên-long-giáp-dần niên » (1794).

Xem thế thời bản của ta nói rõ tên người trước-thuật như là Ma Văn-Cao, mà tên người dịch là Trần-triều Chiêu-văn-vương. Thạch-bản của Tàu thời tựa hồ như tay một người làm ra, mà đề là: « *Tây-viên lão-nhân* », thế thời xét đến họ tên người làm sách và chứng-cứ cũng chưa đủ. Vả lại bản *đất-sử* của ta ra đời trước bộ *đất-sử* thạch-bản của Tàu 497 năm, mà nguyên làm ra bộ *đất-sử* ấy là Ma Văn-Cao lại là ông tổ năm đời trước thời ấy, ước chừng trước Tây-viên lão-nhân hơn sáu trăm năm, quyết-nhiên không có lẽ nào mà ông Ma Văn-Cao với Chiêu-văn-vương lại đạo-tập của Tây-viên lão-nhân, nếu bộ *đất-sử* này mà không phải của Chiêu-văn-vương chẳng nữa, thời Chiêu-văn-vương cũng không có can-thiệp gì đến vậy.

⑤ Bản *đất-sử* của ta thuật sự-tích trong truyện phát-sinh ra từ đời Lý Nhân-tôn niên-hiệu Thái-ninh thứ hai, ngang với đời Tống Thần-tôn bên Tàu

niên-hiệu Hi-minh thứ sáu (1073). Bộ thạch-bản của Tàu thuật sự-tích trong truyện phát-sinh ra về khoảng năm Vạn-lich (1573 - 1619) đời nhà Minh, hai mảng cạnh nhau hơn 500 năm. Song xét ra người Tàu đến triều Minh mà trong cõi Quảng-dông sao hãy còn nhiều quân giặc Mãn bà-cử các sơn-trại như thế, việc đó cũng đáng ngờ là sự-tích ấy không phải ở về triều Minh, nhưng lại xét cái tình-trạng quân thổ-phủ bên Tàu xưa nay thời cũng không lấy gì làm lạ. Xét về bản đặt-sử của ta, thời nước ta mới đến triều Lý mà đã có một cậu học trò mười sáu tuổi hay chữ như Hoàng Phùng - Ngọc, việc đó cũng đáng ngờ, song xem như ông Lê Văn-Thịnh cũng ở triều Lý, tuổi trẻ mà thi đã đỗ đầu, thế thì Phùng-Ngọc cũng chẳng lấy gì làm lạ. Chỉ có những tên làng tên đất gọi là Trinh-hương, Hải-phong, Qui-thiện, thời nay không biết là ở chỗ nào, như bộ đặt-sử của ta thời bảo rằng : Hoàng Phùng-Ngọc là người Trinh-hương, Trinh-hương ở đâu, thời kỳ-giả cũng không được biết, chỉ biết rằng ở huyện Sơn-vi thuộc Phú-thọ còn có làng Trinh-xá, mà cứ như trong truyện thời bảo rằng Trinh-hương thuộc về Phong-châu, thời bây giờ là địa-phận Sơn-tây, Phú-thọ, thế thời Hoàng Phùng-Ngọc là người nước Nam ta.

Sách thạch-bản của Tàu thời bảo là huyện Trinh-hương thuộc phủ Trào-châu, thế thời Phùng-Ngọc là người Trào-châu thuộc về Tàu. Song xét đến địa-dư lịch-sử nước Tàu thời Trào-châu kiêm-lý có chín huyện là : Hải-dương, Phong-thuận, Trào - dương, Yết-dương, Nhiều-linh, Huệ-lai, Đại-dũng, Chưng-hải, Phồ-minh ; chứ không thấy huyện nào gọi là huyện Trinh-hương cả. Còn như huyện Hải-phong, huyện Qui-thiện, thời đều thuộc về phủ Huệ-châu tỉnh Quảng-dông ; huyện Tùng-hóa tức là Hoa-huyện tỉnh Quảng-dông, bây giờ thuộc

về đạo Lĩnh-nam Quảng-dông.

Trong đặt-sử lại chép rằng : Núi Dương-dề ngăn cách huyện Hải-phong với huyện Qui-thiện, nếu bảo hai huyện ấy là đất nước Tàu, thời chính ở vào trong địa-giới Huệ-châu. Phong-châu ở nước ta cách Huệ-châu ở Quảng - đông biết là mấy nghìn dặm, thế mà trong truyện chép rằng Phùng-Ngọc đi một ngày từ Phong-châu đến Huệ-châu, dẫn xe hỏa cũng chẳng chóng được như thế, nữa là đi đường bộ. Hay là bảo huyện Hải-phong huyện Qui-thiện là đất nước Nam ta, thế thời cơ sao tự Phong-châu tới các huyện đó lại còn phải đi vòng quanh sang Tráng-sa nữa ?

Lại cứ bộ thạch-bản của Tàu, thời bảo Phùng-Ngọc ở Trào-châu đến Huệ-châu, cũng phải đi đến năm sáu trăm dặm đường trở lên, không phải là một ngày đường đã đi tới được. Và lại cứ như bộ thạch-bản chép thời là Phùng-Ngọc tự Trào-châu đến Huệ-châu là tự phía đông đến phía tây, chỉ đi xung quanh trong địa - giới tỉnh Quảng-dông, hà-tất lại phải đi vòng quanh qua Tráng-sa (tỉnh Hồ-nam) nữa ? Thế thời hai bộ đặt-sử chép đều không đúng sự-thực cả. Song cái vấn đề ấy là quan-hệ về cái giá-trị bộ đặt-sử, xưa nay các nhà làm tiền-thuyết thường hay bịa-dặt ra để cho thích ý người xem, không cần phải biện-hạch làm chi nữa.

Chúng ta chỉ xét những điều ngờ là : Bộ thạch-bản Tàu bảo Phùng-Ngọc là người Quảng-dông, tự phía đông mà sang phía tây là chỉ đi quanh trong địa-giới tỉnh Quảng-dông. Bộ đặt-sử ta bảo Phùng-Ngọc là người châu Phong nước ta, tự phía nam mà sang phía bắc là tự Phong-châu sang Quảng-dông. Còn như Tây-viên - lão-nhân thời không biết là người tỉnh nào, không thấy nói rõ ; chỉ ở trong bài tựa sách thạch-bản nói rằng lão-nhân sang phía nam chơi Vĩnh-an được bộ

dật-sử này, thế thời là chơi huyện Vĩnh-an thuộc về Huệ - châu tỉnh Quảng-dông, hay là huyện Vĩnh - an thuộc về phủ Bình-lạc tỉnh Quảng-tây đó mà thôi. Và trong đặt-sử chép nhiều tiếng quan-hoại, mà tiếng quan-hoại là tiếng thường dùng ở nước Tàu, chính lão-nhân là người Tàu ở phương Bắc mà sang chơi tỉnh phương Nam, đã là người Tàu thời chép sách dùng quan-hoại cũng là sự thường, không phải chủ-thích chỉ nữa, cần gì trong phạm-lệ lại còn phải chưa rằng chữ « vô » chép là « mậu », chữ « như thử hảo » chép là « như cảm hảo », chữ « huy nh » gọi là « biểu » làm gì nữa. Và lại trong hồi thứ IV có bài thơ tán rằng: « Dừng như Trung Nhị », có lẽ nào người Tàu chép sách làm thơ mà lại xưng-tụng hai bà Trung nước ta, thời thực là không đúng-khẩu-vấn. Còn đến như bộ đặt-sử của ta bảo là bản dịch của Chiêu-văn-vương, nhưng không biết bản nguyên-văn là chữ gì, bảo là chữ thô-mán chẳng? Thời những từ-khúc thi-ca ở trong bộ ấy, không biết đó chính là

nguyên-văn, hay là Chiêu-văn-vương tự lấy ý mình mà làm ra cho đủ, để cho thành ra vẻ đại-quan chẳng? điều ấy cũng khả-nghi lắm.

Nói rút lại thời không biết bộ đặt-sử này là tự ai làm ra trước, chưa có thể xét được chứng-cớ cho đích-xác. Ký-giả kiến-văn hẹp-hòi, không dám giải-quyết sao cho phải, mong các ngài bác-học phán-đoán giùm cho, nếu thực là dịch-bản của Trần-triều Chiêu-văn-vương, thời chính là của báu của tiên-nhân ta để lại, ta nên công-nhận lấy, đừng để cho người Tàu nhận mất. Nếu không phải là dịch-bản của Chiêu-văn-vương, mà chính là của Tây-viên lão-nhân kỹ-thuật ra, thời ta mặc quách họ, dẫn hay đến đâu ta cũng không thêm mạo-nhận làm gì; xin các ngài bác-học quân-tử xét đoán mà khám-phá cái nghi-án ấy cho, chúng tôi lấy làm mong lắm.

ĐÔNG-CHÂU

Dịch bên hán-văn của ông
NGUYỄN BÁ-TRÁC

CÁC NHÀ THI-SĨ

(Dịch Pháp-văn)

Nước Nam-Việt ta cũng khả-dĩ gọi là một nước cổ ở bên Á-châu, lập-quốc đã được hơn bốn nghìn năm nay, đã từng có một cuộc lịch-sử vẻ - vang hiển - hách ở cõi Viễn-đông này, chính-trị, quân-sự, đạo-đức, cương-thường xưa kia đều được tổ-rạng rõ-rệt cùng người. Duy có văn-chương thì hãy còn khiêm-khuyết lắm, vì trong vòng bốn ngàn thu-sương thế mà mới sản-xuất được một quyển *Kim-Văn-Kiều*, một quyển *Cung-Oán*, một quyển *Hoa-Tiên* là những áng văn-chương tuyệt-bút trong nền quốc-âm, còn lắm sách hay khác đều chép bằng chữ nước ngoài thì không kể làm gì. Trong ngàn ấy năm trời mà mới phát-hiện được ba quyển sách có giá-trị, thật hiếm lắm thay! đem so-sánh với văn-chương phong-phú của các nước văn-minh cường-thịnh đời nay thì xa cách biết bao, thực là một vực một trời! Ta thử vào một nhà thư-viện của người ngoại-quốc thì ta thấy bề-bộn chồng-chất biết bao nhiêu là sách, từng từng lớp lớp, vạm-quyề; thiên-kinh, nào là sách văn-thi, nào là sách triết-học, nào là sách khoa-học. Ta lại đoán trông đếp sách quốc-văn của ta thì ta chỉ thấy lơ-lơ giảm bấy quyển, nghĩ có buồn không, cực không? Cái lỗi ấy là tại thừa xưa các cụ ta chỉ dùi-mài mài-miết về văn Tàu và không chịu trông-nom săn-sóc đến văn ta, cho là nôm-na chưa mách quế.

Cách đây ít lâu, các nhà hữu-tâm với thời-thế, với quốc-gia, đã từng công-nhận rằng văn chương nước ta là hay và nhiệt-thành cổ-dộng cho nó được chóng tiến-bộ. Từ bấy đến nay sách quốc-ngữ xuất-bản ra nhan-nhân, tính ra cũng được một số khá nhiều; nào là sách văn vần, nào là sách tản-văn. Cái thịnh-ý ấy cũng đáng khen thay! Nhưng chỉ hiềm một nỗi rằng trong từng ấy quyển hồ-dễ đã có được mấy quyển là thực có giá-trị, hay lại phần nhiều là những sách phong-tình sầu-tĩnh, ngâm-hoa vịnh-nguyệt, như thế phỏng có bổ-ích chi cho đời không? Trong buổi bán-khai thời-dại này, quốc-dân ta liệu có thể trông mong vào những sách ấy để mở-mang tri-thức không? Hay là lại cùng nhau điu-dắt vào chốn thành sâu bể đục, nơi chim chim nổi biết ngày nào xong! Thôi bi-nhân hà-tất phải nói nhiều lời, các nhà văn-sĩ nước ta đã bị các báo-chương công-kích lắm rồi, cái phẩm-giá cùng cái tài-hoa của các ngài ấy thế nào thì các nhà phê-bình đã bực-bạch tường-lập ra cả, quốc-dân ta chắc đã nhận kỹ, đã biết phân-biệt người hay kẻ dở, chứ không còn đến nỗi mơ-hồ mờ-mịt như trước kia mà ta phải ngại. Vậy bi-nhân xin tặng một bài thuốc rất hay để chỉnh-ngộ cho các nhà thi-văn nước ta đời nay, bài thuốc ấy tức là một đoạn Pháp-văn sau này của cụ linh-mục Bossuet soạn ra về thập-thất thế-kỷ. Trong bài này, cụ có ý chê các nhà thơ-sĩ không biết phụng-sự hai vị thần rất thiêng-liêng mẫu-nhiệm, rất quan-liệ ảnh-hưởng đến người đời, là thần « Đạo-đức » (*la Vertu*) và thần « Chân-lý » (*la Vérité*), chỉ cứ say hoa đắm nguyệt, ham mê chiều chuộng hai vị là thần « Ái-tình » (*l'Amour*) và thần « Kiêu-cường » (*l'Orgueil*). Bi-nhân tưởng dịch ra đây cũng không phải là vô-ích vậy. Mong rằng các nhà thi-sĩ sẽ lưu-ý đến cho.

Dịch-giả chi

..... Parlois d'une autre espèce d'orgueil, c'est-à-dire d'une autre espèce de faiblesse. On en voit qui passent leur vie à tourner un vers, à arrondir une période ; en un mot à rendre agréables des choses, non seulement inutiles, mais encore dangereuses, comme à chanter un amour feint ou agréable, et à remplir l'univers des folies de leur jeunesse égarée.

Aveugles admirateurs de leurs ouvrages, ils ne peuvent souffrir ceux des autres ; ils tachent, parmi les grands dont ils flattent les erreurs et les faiblesses, de gager des suffrages pour leurs vers. S'ils remportent ou qu'ils s'imaginent remporter l'applaudissement du public, enflés de ces succès, ou vain ou imaginaire, ils apprennent à mettre leur félicité dans des voix confuses, dans un bruit qui se fait dans l'air, et prennent rang parmi ceux à qui le prophète adresse ce reproche : « Vous qui vous réjouissez dans le néant. »

Nay hãy nói đến một thứ kiêu-cường khác, tức là một cái nhược-diểm khác. Người ta thấy lắm kẻ suốt đời chỉ tỉ mỉ làm thơ, gọt rửa từng câu, nắn-nót từng đoạn ; nói tóm lại, họ tô-diềm cho các sự-vật được thêm vẻ diễm-lệ để ưa, những sự-vật ấy không những là vô-ích mà thôi, lại còn có hại nữa, như họ ngâm-vịnh cuộc tình - duyên hoặc hững-hờ hoặc đắm-thắm, như họ phô-bày cho khắp thiên-hạ biết cái ngồng cuồng trong tuổi thanh-xuân du-dăng của họ.

Họ làm được thế thì họ tưởng là hay lắm tài lắm, họ thấy sách của người thì họ không thể chịu được ; họ cố tán-nịnh cái làm cái vụng của những kẻ tài mất thế-thần để cho người ta công-nhận những bài thơ của họ. Hoặc họ thật được công-chúng hoan-ngheh hoặc họ mơ-tưởng như thế chẳng, thấy cái hiệu-quả hảo-huỳnh hư-tưởng ấy thì họ tự-dại mà lấy làm vinh-hạnh được tiếng-lâm-lừng-lấy vang trời, họ tự đặt vào cái địa-vị của những kẻ mà đã bị một bậc tiên-tri trách rằng : « Các người tự lấy làm vui thú trong cõi hư-vô. »

Que si quelque critique vient à leurs oreilles, avec un dédain apparent et une douleur véritable, ils se font justice à eux-mêmes : de peur de les affliger, il faut bien qu'une troupe d'amis flatteurs prononce pour eux, et les assure du public. Attentifs à son jugement, où le goût, c'est-à-dire la fantaisie et l'humeur, a plus de part que la raison, ils ne songent pas à ce sévère jugement, où la vérité condamnera l'inutilité de leur vie, la vanité de leurs travaux, la bassesse de leurs flatteries, et à la fois le venin de leurs mordantes satires, ou de leurs épigrammes piquantes, plus que tout cela les douceurs et les agréments qu'ils auront versés sur le poison de leurs écrits ennemis de la piété et de la pudeur. Si leur siècle ne leur paraît pas assez favorable à leurs folies, ils attendront la justice de la postérité, c'est-à-dire qu'ils trouveront beau et heureux d'être loués parmi les hommes pour des ouvrages que leur conscience aura condamnés avec Dieu même, et qui auront allumé autour d'eux un feu vengeur. O tromperie ! O aveuglement ! O vain triomphe de l'orgueil !

.... Ils n'ont, c'est le discours de Platon, aucun égard à la vérité : pourvu qu'ils disent des choses qui plaisent, ils sont contents : c'est pourquoi on trouvera dans leurs vers le pour et le contre, des sentences admirables pour la vertu et contre elle ; les vices y seront blâmés et loués également ; et pourvu qu'ils le fassent en de beaux vers, leur ouvrage est accompli. On trouvera dans ce philosophe un

Hễ họ thấy ai chỉ-trích đến tai thì họ dùng cái giọng khinh-miệt thống-thiết để cãi lại lấy được. Sợ họ phát phiền, nên phải có ngay một tụi bạn bình hót đến bênh họ để cho công-chúng khỏi nghi ngại. Họ chỉ chủ - ý về cái dư - luận của công-chúng, mà cái dư-luận ấy có mấy khi được sác-lý phân-minh đâu, phần nhiều chỉ vì cái lòng sở-thích, nghĩa là theo cái thói ưa mỗi lúc, cái tính riêng từng người. Nào họ có nghĩ đâu đến lời phẩm-bình nghiêm-khắc, vì cứ thật mà nói thì không sao dung-thứ được cái cuộc đời vô-ích, cái công - phu hão-huynh, cái xiêm - nịnh dề - tiện của họ ; cho đến cái nọc gớm-ghe của họ là những bài trâm-trích chua-cay kia, lại độc nữa là những cái quang-cảnh êm - dềm lạc-thú mà họ tả trong văn thơ, thật là trái hẳn với đạo - lý và liêm - sỉ. Nếu đồng - thời ít người ưa cái thói cuồng - phóng của họ thì họ mong rằng kẻ hậu - sinh sẽ phân-giải cho họ, nghĩa là họ lấy làm hay làm sướng được người ta ngợi khen những sách của họ, sách ấy đến ngay lương-tâm họ cùng lòng Trời cũng không dung được, sách ấy truyền đến đâu thì ngọn lửa tà-dục bén lan đến đấy để báo cho được cái thù kia. Ôi ! thật là một cái lầm to, một cách huynh - diệu, một cách kiêu - căng không phải đường.

.... Ông Platon có nói rằng những nhà thi - sĩ không hề quan-tâm đến chân-lý bao giờ, miễn là họ ngâm-vịnh những sự-vật nó làm cho người ta thích, thế là họ khoái-trí : vì vậy người ta thấy trong những bài thơ ấy lắm điều tương-phản ; lắm câu rất hợp đạo-dức, lắm câu trái hẳn ; những thói hư nết xấu cũng vừa chê vừa khen, miễn là câu thơ hay, thế là thành quyền sách. Người ta thấy ông có dẫn một tập thơ Homère, thơ ấy có chỗ

recueil de vers d'H mère pour et contre la vérité et la vertu : le poète ne paraît pas se soucier de ce qu'on suivra ; et pourvu qu'il arrache à son lecteur le témoignage que son oreille a été agréablement flattée, il croit avoir satisfait aux règles de son art ; comme un peintre qui, sans se mettre en peine d'avoir peint des objets qui portent au vice ou qui représentent la vertu, croit avoir accompli ce qu'on attend de son pinceau, lorsqu'il a parfaitement imité la nature. C'est pourquoi, ceci est encore le raisonnement de Platon sous le nom de Socrate, lorsqu'on trouve dans les poètes de grandes et admirables sentences, on n'a qu'à approfondir et à les faire raisonner dessus, on trouvera qu'ils ne les entendent pas. Pourquoi ? dit ce philosophe. Parceque songeant seulement à plaire, ils ne se sont mis en aucune peine de chercher la vérité.

Ainsi voit-on dans Virgile le vrai et le faux également étalés.... Il a contenté l'oreille ; il a étalé le beau tour de son esprit, le beau son de ses vers, et la vivacité de ses expressions ; c'est assez à la poésie, il ne croit pas que la vérité lui soit nécessaire.

BOSSUET

(*Traité de la Concupiscence*)

hợp chân-lý đạo-đức, có chỗ trái ngược : nhà thi-sĩ hình như không lo gì đến thể-đạo ; miễn là họ khiến sao cho độc-giả lấy vậy làm êm tai, họ tưởng thế là họ đã theo đủ luật thơ rồi ; giống như người thợ vẽ kia chẳng hề bận lòng vì đã vẽ những sự-vật hoặc nó khiến cho người sinh ra tà-tâm, hay là hình-dung cái lòng đạo-đức, hẳn tưởng rằng khi hẳn vẽ giống hệt được sự-thực, thế là hẳn đã làm thỏa được tấm lòng kỳ-vọng của công-chúng đối với tay bút - họa. Đây hẳn còn là đoạn lý - luận của ông Platon, đề tên là của ông Socrate, vì thế khi người ta thấy những câu cách-ngôn đích-dàng của các nhà thi-sĩ, hẳn người ta chịu ngẫm - nghĩ suy xét đến cùng thì người ta nhận ra rằng các nhà thi-sĩ không hiểu những câu cách - ngôn ấy. Tại làm sao ? bởi vì khi họ chỉ một niềm chiều ý người xem, thế thì họ còn chịu tìm tòi gì cho thấu chân-lý.

Bởi vậy người ta thấy trong thơ ông Virgile điều thực điều hư biểu-lộ cả ra.... Ông đã khiến cho thiên-ha được vui tai, ông đã phô-trương được cái ngôn tài hoa của ông ra, cái câu thơ của ông đọc lên êm - ái dịu - dàng như ru, cái giọng của ông dõng-dã hùng-tráng xiết bao ; thời thơ thế là đủ rồi, nào ông có tưởng đâu đến rằng chân-lý là cần.

Thanh-Lưu NGUYỄN VĂN-LUẬN diễn nôm

THỂ-GIỚI TIỀN-BỘ SỬ (1)

III

4. — Nói về mỹ-thuật

Xét về lịch-sử mỹ-thuật, thấy sự tiến-bộ cũng hiển-nhiên chẳng kém gì các nghệ-thuật khác của loài người. Về cở-

dại có mấy thời-kỳ đã sinh-sản được một nền mỹ-thuật kè tinh - xảo chẳng kém gì mỹ - thuật đời nay, và tưởng cũng có thể cho là đã gần tới cõi đẹp

(1) Xem Nam-Phong từ số 51.

tuyệt-dịch. Nhưng mà mỹ-thuật cận-dại thời có ý phiền-phức hơn, hợp với sự yển-cần trong dân-gian và cái mục-diệu của sự đẹp hơn. Đời xưa tuy mỹ-thuật có khéo về đường hình-thức mà không được rộng trong sự phát-biểu; ấy là không nói cách cấu-tạo còn đơn-sơ quá, mà cái sức bành-trướng cũng hẹp không được như bây giờ.

A. — *Mỹ-thuật đời cổ - sơ.* — Xét những cái di-tích của đời thượng-cổ còn lại đến giờ thấy các nghệ-bằng tay người vẽ nặn ra có rõ-ràng mỗi ngày một khéo hơn lên. Bây giờ còn thấy trong các hang các hầm người thượng-cổ ở, có những hình vẽ các giống vật vạch vào đá, như những hình con hươu, con gấu, con «ma-mù» khắc vào những miếng đá hay mảnh xương, mảnh sừng.

Các hình vẽ ấy tuy còn đơn-sơ vụng-về thật, nhưng nhận kỹ cũng đủ biết người ta từ đời bấy giờ đã có cái khiếu thiên-nhiên biết mô-phỏng bộ-dạng các giống vật mà hình-dung ra được. Ông danh-sĩ nước Pháp THÉOPHILE GAUTIER đã có câu nói rằng: «Dẫu người rất mộc-mạc cũng có bụng băn-khoăn mơ-màng sự tốt-đẹp. Người rừng kia vẽ hình vào người, bôi xanh bôi đỏ, sỏ cái xương cá vào mũi, cũng là có cái cảm-giác mập-mỡ về sự đẹp đó. Muốn tìm kiếm một cái gì ở ngoài sự-thực trước mắt, hình như có một cái quan-niệm u-âm về mỹ-thuật nó đưa nó khiến cho mỗi ngày một ra công sửa-dổi cái kiêu-mãn của mình cho tốt đẹp hơn lên.» (*L'idéal tourmente les natures même les plus grossières. Le sauvage qui se tatoue, se barbouille de rouge ou de bleu, se passe une arête de poisson dans le nez, obéit à un sentiment confus de la beauté. Il cherche quelque chose au delà de ce qui est : il tâche de perfectionner son type, guidé par une obscure notion d'art*).

Ngày nay ở trung-bộ châu Phi và châu Úc, còn có những dân rợ-mọi; những dân này cũng có một thứ mỹ-thuật giống như mỹ-thuật người thượng-cổ, xem có thể biết mỹ-thuật đời xưa thế nào; các dân rợ-mọi bây giờ tức là đứng vào bậc trình-độ dưới nhất trong lịch-sử mỹ-thuật; những hình vẽ coi cũng thật-thà ngượng-ngập như hình vẽ của trẻ con ta ngày nay; thành ra mỹ-thuật của loài người lúc mới phối-thai, tức là mỹ-thuật của người ta đương tuổi đồng-ấu.

B. — *Mỹ-thuật nước Ai-cập.* — Mỹ-thuật nước Ai-cập đời xưa có đã lâu lắm. Đương xét mỹ-thuật đời thượng-cổ mà xét sang mỹ-thuật dân Ai-cập (*Egyptien*) thấy khác hẳn, cách xa nhau như một vực một trời, coi thể mới biết rằng loài người có tiến-bộ. Các nghệ-tổ-tạo, như xây dựng, chạm khắc, vẽ họa, người Ai-cập đều sở-trường cả. Ai đã biết qua về lịch-sử văn-quốc cổ-đã nghe thấy nói đến những cái «kim-tự-tháp» (*pyramides*) rất to lớn của Ai-cập — cái lớn nhất thể-tích tới 2.500.000 thước đứng (*mètres cubes*) — vừa dùng làm vọng-dải, vừa dùng làm lăng-lâm cho các vua Hoa-long (*Pharaons*) đời xưa; những cung-diện ở Karnak, Thèbes, Louqsor, cùng những cái cột bia cao ngất trời mà chỉ làm bằng một tảng đá, những con «nhân-sư» (*sphinx*) hình kỳ-dị, dẫu người mình su-từ phục ở các cửa đền, những tượng thần tượng người hình-dạng cứng-cỏi, tay liền với thân. Đã phải biết bao nhiêu công-phu mới làm nên những công-trình ấy. Suốt cả bản dân đời ấy sang đời khác, khai đá trong hang ra, chắt đóng vào một chỗ, rồi vận-lái đi các nơi để dựng thành những đền-dải lăng-tâm ấy, dân phu khó nhọc, như làm khổ-sai, đốc-công áp liền bên cạnh, rồi vật đề thức phải làm, thật là cực-khổ. Mỹ-thuật đời bấy giờ còn là thuộc quyền chuyên-chế của các

vua chúa và bọn lãnh-lữ. Mĩ-thuật của Ai-cập có cái tinh-cách chuyên - trọng về tôn-giáo và quân - chủ. Bởi thế nên không quân chi dân-gian khó-nhoc, đã xây-dựng ra cái gì thời muốn xây cho thật kỹ, chọn lấy thứ đá thật tốt, làm cho thật bền - chặt to-lớn, để cho lưu-tồn vĩnh-viễn, nhân-loại còn sống trên mặt địa-cần thời những di-tích đời xưa ấy cũng vẫn còn mãi.

C. — Mĩ-thuật của A-tây-li (Assyrie). — Từ thế-kỷ thứ 7 trước Gia - tô, về đời vua ASSURBANIPAL, mĩ - thuật của dân A-tây-li đã toàn - thịnh rồi. Thuộc về thời-đại ấy và mấy thế - kỷ sau, ngày nay còn di-tích những cung-diện to lớn bằng gạch, như cung Sargon ở Khorsabad, to như một cái thành, hình vuông, coi ra nặng - nề kiên - cố, trong có cung vua ở, các điện thiết-triều, cung của các bà hậu và phi-tần, nhà thi-vệ, cùng những nhà phụ-thuộc khác nữa, thật là rộng-rải rực-rỡ, xứng với cái oai-quyền một ông quân-chủ ở Đông-phương đời xưa.

Trong các cung - điện ấy, bốn bề thường chạm nổi những tích di sản, danh-trận; ngoài cửa thời có những hình con trâu to lớn, mặt người, có râu, lại có cánh. Nhiều bức chạm ấy hiện-nhiên linh-hoạt như thực, coi cũng phẳng-phát có cái vẻ tuyệt-mĩ.

Về nghề vẽ họa, nghề chạm chuốt những ngọc-t thạch, nghề tam-khí (mosaïque), nghề cháng men (émaux), người A-tây-li cũng đã nổi tài khéo lắm. Nhưng mà những lối mĩ-thuật ấy, chẳng qua cũng chỉ dùng ở các nơi cung-diện để trang - sức cho cuộc ăn chơi của các hàng vua chúa, bọn này càng được sướng bao nhiêu thời kẻ hạ-dân càng phải lầm - than cực-khổ bấy nhiêu. Mĩ-thuật này cũng như mĩ-thuật Ai-cập là của riêng một bọn quý-tộc, kẻ bình-dân không được hưởng đến.

D. — Mĩ-thuật của Hi-lạp và La-mã. — Mĩ-thuật của Hi-lạp thời vừa có qui-cử phép-lắc, vừa hợp với nghĩa nhân-dạo. Sự điều-hòa là cái đặc-sắc của tinh-thần người Hi - lạp; những nhà trước-tác vô-danh đã soạn ra hai bộ anh-hùng-ca *Iliade* và *Odyssée* đều lấy sự điều-độ làm cốt-cách cho văn-chương; các nhà chạm-khắc xây-dựng cũng lấy sự điều-độ làm yếu-pháp cho nghề mình. Hồi đầu mĩ-thuật của người Hi-lạp có chịu ảnh-hưởng của các mĩ-thuật Cận-đông và Á-châu. Như cái lối xây-dựng gọi là lối *mycénien* nặng-nề phục - phịch, cứ chất từng tảng đá lên thành đống, ấy tức là lối chước lối Ai-cập và A-tây-li đó.

Nhưng mà đó mới là cái trình-độ thứ nhứt, người Hi-lạp chưa lấy thế làm vừa ý, còn muốn ra công đoạt cái vật-chất vô-hình để khéo lợi-dụng mà bày diễn ra sự đẹp. Vào khoảng bảy trăm năm trước Gia-tô, bấy giờ mới thấy bắt đầu xuất-hiện ra ba lối kiến-chúc tuyệt đẹp tuyệt khéo, đầu người đời nay cũng vẫn thường mô-phỏng; ba lối ấy là lối *dorique*, lối *ionique* và lối *corinthien*. Người Hi-lạp thường dùng ba lối ấy để dựng các đền thờ. Ngày nay còn di-tích các đền-dài đời bấy giờ, xem cũng đủ biết mấy lối kiến-chúc ấy đẹp là dường nào. Đẹp nhất là điện *Parthénon*, trên núi *Acropole* thành *Athènes*; các tỉnh khác ở Hi-lạp cũng những củ-lao chung-quanh đã chịu văn-hóa của Hi-lạp, cũng còn lại nhiều di-tích lắm. Điện *Parthénon* do ông *Icinos* vẽ kiề, ông *Phidias* chạm khắc, vào thế-kỷ thứ năm trước Gia-tô. Hồi đầu dự định lên là để thờ Bà Thần *Athéné* là thành-hoàng thành *Athènes*. Kinh-qua loạn-biến đã nhiều lần mà vẫn giữ được y nguyên. Về thế-kỷ thứ 6 sau Gia-tô, dùng làm nhà thờ đạo *Tiên-chúa*, đến năm 1460 dùng làm nhà thờ đạo *Hồi-hồi*, cho đến lúc

người Thổ-nhĩ-kỳ đặt làm kho thuốc súng. Bấy giờ điện *Parthénon* phải một hồi tàn - phá lần đầu ; tương thành Venise tên là MOROSINI đến vây thành Athènes, đặt lối - phục bắn đổ mất một phần. Rồi về sau đến năm 1816, người Anh tên là LORD ELGIN đến thu - thập lấy nhiều những bức tượng và bức chạm ở trong điện đem về nước.

Chạm trong điện *Parthénon* thời có những bức phá-phong (*frontons*), bức đầu trụ (*frises*), chạm các hình người bằng đá hoa lại, có hơi trơ - sắc một ít. Các tích chạm là những tích chư-thần sinh-hóa, chư-thần giao-chiến với các giống Cự-nhân (*géants*), cùng những cổ-tích Hi-lạp và các tích về tôn-giáo ; song những tích ấy không phải là để thờ mà thôi, cốt là để cho đẹp mắt khách du-quan, muốn tỏ cho người dân, tỏ cho hậu-thế biết rằng cái tài người ta khéo-léo đến thế nào mới có thể đục vào đá những hình người hình vật trang-nghiêm linh-hoạt như thế.

Nghề chạm không phải chỉ để trang-sức các đền-miếu ; nhiều pho tượng ngày nay còn lại chắc là ngày xưa dùng để bày ở các nơi công-sở, như nhà hát, trường võ, hay là các chốn tư-gia. Nghề chạm khắc của Hi-lạp thịnh-hành nhất là đời ông PÉRICLÈS, bấy giờ cái văn-hóa Hi-lạp chung-đúc cả lại ở thành Athènes, và có những tay chạm - khắc tài như bọn MYRON, POLYCLÈTE, PHIDIAS, đời sau đều lấy làm những tay mô-phạm tuyệt-luân trong nghề ấy.

Đến khi dân Hi-lạp mất quyền độc-lập thời những tay mỹ-thuật dời nước mà ra ở ngoài, tản-cư ra quanh miền Địa-trung-hải, sang Ai-cập, sang đảo Sicile, thứ nhất là sang Ý-dại-lợi, đến đây thời thành La-mã hoan-ngheh dung-nạp hết; La-mã thật là kế-nghiệp mỹ-thuật cho thành Athènes. Thuộc về

mỹ-thuật riêng của La-mã thời trong một bài lược-khảo chung về sự tiến-bộ của loài người không thể nói tường được. Về lại La-mã hồi chính-phục được Hi-lạp thời cũng đồng-hóa theo văn-minh Hi-lạp, văn-học mỹ-thuật đều tổ-thuật của Hi-lạp cả ; những đền thờ thần, những trường đấu ngựa, những cửa khải-hoàn, những tượng danh-nhân của người La-mã dựng ra, đều theo một lối như Hi-lạp xưa cả, thật cũng là ở một nguồn mỹ-thuật mà ra. Song cũng có một vài cái công-trình lớn rõ cái đặc-sắc của mỹ-thuật La-mã, đặc-sắc này là ở sự vĩ - đại hùng-cường, như cái cầu đá ở sông *Gard*, điện Bách-thần của tướng *AGRIPPA*, trường đấu-võ ở thành *Nêmes*,

E. — *Mỹ-thuật của đạo Thiên-chúa về Trung-cổ.* — Mãi về sau khi La-mã đã mất bá-quyền ở Tây-phương, phép xây-dựng vẫn không thay đổi, và những miếu-đường dựng lên ở Tây-phương trong mấy thế-kỷ đầu kỷ-nguyên Gia-tô toàn là lối giáo-đường La-mã cả. Kể từ thế-kỷ thứ 9, thời những nhà thờ Thiên-chúa là làm theo kiểu « *lô-man* » (*roman*), kiểu này nặng-nề phức-phịch, cửa chớp cửa cuốn hình bán-nguyệt, coi toàn-thể như có ý tối-tăm.

Đến kiểu « *gô-tích* » (*gothique*) thời lại khác hẳn. Kiểu này xuất-hiện vào thế-kỷ thứ 12, trong khoảng mấy thế-kỷ sau thịnh-hành lắm. Thợ xây bấy giờ đã thạo lắm, coi tảng đá nhẹ như không, chắt đá lên mà xây dựng một cách bạo-dạn vô-cùng. Những lầu những tháp cao trót - vót trên trời xanh, tường thời trở liền những cửa, không có chỗ nào để không ; coi toàn-thể cái nhà thờ gô-tích như một mảnh gỗ chạm soi rỗng-suốt. Trong nhà thờ lại có bày các tượng những thánh - thần trong chuyện đạo. Phần nhiều các tượng ấy còn cứng-cỏi ngượng-ngập lắm, vì những thợ đục tượng về trung - cổ đã quên cả những phép - tắc cùng kiểu-

mẫu của Hi-lạp trước. Những tượng ấy không phải là hình-dạng những nhân-vật thực, chỉ chủ biểu-hiệu những sự tưởng-tượng về đạo giáo mà thôi, cho nên không vụ tả-thực mà có ý hoang-dường.

Nói tóm lại, về đời trung-cổ mỹ-thuật là gồm lại ở sự kiến-chức các giáo-đường. Mỗi cái giáo-đường cao trót-vọt lên trời khác nào như liêu-biểu cái lòng tin-những cao xa của người dân đời bấy giờ. Ngoài các giáo-đường, còn có một hạng kiến-chức nữa, là các lâu-thành (*châteaux-forts*) của những chư-hầu đời ấy, vì đời ấy chính là đời Phong-kiến, các nước Âu-châu chia ra làm vô-số những phong-ấp, mỗi ấp có ông chúa, các chúa thường đánh nhau, nên xây những nhà lâu kiên-cố như cái thành để giữ mình.

Tuy đời này thuần là đời tôn-giáo, đời phong-kiến, song cái phong-trào dân-chủ đã bắt đầu nhóm lên, nhiều chỗ kẻ-chợ được rộng quyền độc-lập, trở nên giàu-có thịnh-vượng, đủ sức lập được những nhà thị-sảnh to làm nơi công - nghị, lại xây những gác chuông cao để làm chỗ canh - phòng báo giặc cướp. Nhà sử - học Tây nói rằng xét các công-trình kiến-chức của đời này thấy nhiều nhất là các nhà thờ, đó là biểu-hiệu sự chuyên-chế về tôn-giáo; rồi thấy những lâu - thành của các chư-hầu, đó là biểu-hiệu sự phân-nhiều về chính - trị; nhưng lại thấy những nhà thị-sảnh của các phường các chợ, đó là manh-nhà ra cái tư-tướng dân-quyền tự-chủ vậy.

F. — *Mỹ-thuật đời Phục-hưng.* — Ở Ý-dại-lợi bắt đầu từ thế-kỷ thứ 15, ở nước Pháp bắt đầu từ thế-kỷ thứ 16, xuất-hiệu ra một lối mỹ-thuật mới, rực-rỡ hơn lối « gò - tích » trước nhiều. Lối này gọi là lối mỹ-thuật đời Phục-hưng (*art de la Renaissance*), nhất-diện tổ-thuật các mẫu đời cổ-dại (Hi-lạp,

La-mã), nhất-diện mô-phỏng sự thiên-nhiên. Các nhà mỹ-thuật đời bấy giờ bỏ hẳn những cái sáo cũ về đương-thời, thoát-li ra ngoài vòng tôn-giáo, mà chỉ chủ hình-dạng tả-mạc những vật thiên-nhiên. Nhất là nghề vẽ họa, đời cổ-dại cũng có, đời trung-cổ cũng có nhưng không được thịnh, đến đời này thời thịnh-hành lắm. Ở nước Ý, nước Đức, nước Hòa, nước Pháp, nghề này đã sản-xuất được nhiều tay tuyệt-tài. Đồng-thời, những cung-diện dinh-thự cũng dựng lên nhiều lắm, tượng bày la-liệt, thật là trang-hoàng tráng-lệ.

Từ đời ấy đến ngày nay, các nghề mỹ - thuật chỉ mỗi ngày một thịnh hơn lên; không những là các bậc vua chúa, các người tư-gia giàu-có nuôi thợ khéo làm những đồ đẹp riêng cho mình chơi; các quốc - gia cũng chăm-chút trân-hưng mỹ-thuật. Nhờ đó mà các nhà nghề khéo có thể mong được giàu-có về-vang, không thời cũng không đến nỗi phải khó-nhọc về đường sinh-nhai như trước.

Song đại - đề thời nhà mỹ-thuật, chuyên về nghề xây-dựng, nghề vẽ-họa hay nghề chạm-khắc, là làm cho Nhà-nước hay làm cho người riêng, cái cảm-hứng trong khi sáng-tạo thường-thường cũng chưa lấy gì làm phong-phú cho lắm. Nhiều khi phải kiếm tài-liệu ở trong các chuyện phong-thần cổ-tích, hay là những chuyện đạo ở các sách Tân-trước Cựu-trước. Có khi tả những tích chiến-tranh trận-mạc. Bao giờ nhà nghề cũng có ý tăng-bớt cái tinh phong-lưu xa-xỉ của kẻ bao-dụng bảo-hộ cho mình. Thành ra mỹ-thuật đời bấy giờ cũng vẫn là mỹ-thuật của kẻ giàu-sang. Những cung-diện rực-rỡ kia, những bức tranh cùng pho tượng kia, tuyệt-nhiên không có gì là hình-ảnh sự sinh-hoạt kẻ bình-dân cả. Về thế-kỷ thứ 17, biết bao nhiêu những tay vẽ giỏi chỉ vẽ cho các bậc vua-chúa các hạng giàu

sang, như bọn LE BRUN, còn những người chịu về đến những cảnh sinh-hoạt tầm-thường của bác thợ rèn chủ nông-phu như ông LORRAIN thời thật là ít lắm. Vua Louis thứ 14 tuy có dựng được nhà Phế-binh-viện (*Hôtel des Invalides*) cho các lính tàn - tật, song đó cũng chẳng qua là một sự sáng-kiến đặc-biệt, còn những các công-hầu khanh-tướng đời bấy giờ thật ít ai đoái nghĩ đến thân-phận kẻ binh-dân mà biết đem chia cái của bầu mĩ-thuật cho dân cũng được hưởng.

Nói tóm lại, mĩ-thuật đời Phục-hưng lại rực-rỡ trang-nghiêm hơn đời Trung-cổ, song vẫn là cách chơi riêng của kẻ giàu sang, không hề nghĩ đến người binh-dân khốn khó, mà cũng không hề tả-mạc đến cái cảnh khốn-khó của kẻ binh-dân nữa. Đó cũng là một sự khuyết-diểm to vậy.

G. — *Mĩ-thuật về cận-dại.* — Đến cận-dại thời mĩ-thuật có ý khuynh-hướng hẳn về một đường khác, và muốn hoài-bảo một cái lý-tưởng về nhân-đạo. Mĩ-thuật không có chủ chỉ thỏa-mãn sự vui-thú của một hạng người phong-lưu phú-quí như trước nữa, và lại muốn ngợi khen cái công sinh-hoạt của cả loài người qua khắp các trình - độ, từ trình - độ rất thấp cho đến trình - độ rất cao, dầu tả-mạc những cái trạng-thái rất tầm-thường ti-tiện của cuộc sinh-hoạt ấy cũng không lấy thế làm mất giá vậy. Mĩ-thuật như thế thì thành ra một cách thông-đạt truyền-bá những cái tư-tưởng về sự hay sự đẹp của người ta, thông-đạt rất mau và truyền-bá rất mạnh.

Một nền mĩ-thuật đẹp đời nay nó có cái ý-nghĩa sâu-xa vô-cùng, khác nào như một bài thơ trường-thiên mà diễn-dịch ra hình-thức lên trên một tấm vải tấm lụa, vào trong một tầng đá súc đồng vậy.

Mĩ-thuật đời nay tuy có ý phổ-thông

hơn đời trước, song không phải là nhãng-bỏ những cái công-trình trang-nghiêm vĩ-dại như xưa. Người đời nay vẫn xây-dựng những nhà to sở lớn, tráng-lệ nguy-nga, chẳng kém gì các cung-diện đời xưa. Có những thầy kiến-chức đêm ngày chỉ nghĩ về cách mở đường đặt phố, dựng cửa xây nhà thế nào cho người ta ăn ở được phong-quang sướng-tiện, đi lại được rộng-rãi thênh-thang. Có thể nói rằng mĩ-thuật đời nay là đắm-thắm trong những lý-tưởng về xã-hội vậy.

Đến những nhà chạm-khắc, nhà vẽ-họa, cũng có cái tư-tưởng về xã-hội. Bức tranh pho tượng đời nay không những là hình-dung được cái trạng-thái hằng ngày của sự sinh-hoạt người đời nay, mà lại ảnh-hưởng sâu-xa đến sự sinh-hoạt ấy nữa. Tả sự làm ăn của kẻ binh - thường, tức là bày tỏ ra những cái cảnh vui buồn trong dân-gian, là những cảnh u-âm bần-tiện ít ai chịu dễ mắt nhìn, dễ bụng nghĩ, tức là ngợi-khen cái công cần-cù lao-động của kẻ binh-dân. Lại cũng tức là ủy-lạo cho kẻ binh-thường biết an-phận làm ăn, nhẫn-nại chịu khó, biết rằng ở đời này dù kẻ sang người hèn, mà người hèn lại nhiều hơn kẻ sang, cũng đều là giúp vào một phần cho nhân-loại được tiến-bộ vậy.

Như vậy thời cái đẹp ở đời bây giờ phải là của chung của cả mọi người. Bây giờ ai cũng có quyền được xem, được thưởng-giám những công-cuộc của các nhà mĩ-thuật. Bức tranh pho tượng khó gì phải là của riêng của mấy bậc giàu-sang quyền-quí như ngày xưa. Bây giờ những bộ mĩ-thuật có giá-trị thường là của Nhà-nước, nghĩa là của chung cả công-dân, bày trong các nhà bảo-làng-viện, ngày ngày mở cửa cho thiên-hạ vào xem, người dân ngoài những giờ làm ăn khó nhọc vào mà ngắm những nền kiệt-tát của các bậc danh-nhân trong mĩ-thuật cũng là một

cách di-dưỡng tinh-tinh. Còn dân nhà quê vì ở xa nơi thành-thị không được hưởng cái thú thanh-cao đó, thời ngày nay đã có nghề ảnh truyền binh di đến dân mà chẳng tới. Như người làm ruộng nhà quê không từng được vào xem những bức danh-họa ở cung Louvre, là nhà bảo-tàng lớn nhất thành Paris, cũng có thể mua được một cái phiến ảnh nhà-giấy-thép (*carte postale*) có truyền hình bức vẽ «Mấy người một lúa» (*Les glaneuses*) của ông MILLET, và những giờ nghỉ việc ngồi nhìn xem cũng phẳng-phất có cái cảm-giác cao-thượng về mỹ-thuật.

Vậy thời mỹ-thuật ngày nay thật là có một cái thiên-chức về xã-hội; mỹ-thuật ngày nay như muốn ruồng-bỏ những cái sáo cổ, cũng là những phép-tắc cũ-rích của đời nó truyền cho đời kia từ xưa đến giờ. Mỹ-thuật ngày nay dấu hạ-cổ đến những cái trạng-thái rất ti-tiện trong cuộc sinh-hoạt kẻ bình-thường cũng không nề. Mỹ-thuật ngày nay là lấy cái toàn-thể sự sinh-hoạt trong xã-hội làm tôn-chỉ, làm mục-dịch. Bởi đó nên có một cái giá-trị đặc-biệt hơn các đời trước. Nhà mỹ-thuật cũng như nhà thi-nhân bây giờ, không phải là cái máy ở trong tay những kẻ giàu-sang dùng để bày ra các cuộc vui thanh-nhĩ cho một hạng người được hưởng; nhà thi-nhân, nhà mỹ-thuật bây-giờ là cái bộ-phận trọng-yếu trong cái máy sinh-hoạt của cả xã-hội, chức-vụ là phải sinh-sản ra những sự sáng-sủa, tốt-đẹp, vui-thú cho xã-hội cộng-hưởng.

5. — Nói về sự họa

Hồi nhân-loại mới thành xã-hội, sự học của người ta chẳng qua là mấy điều thường-thức ở trong mỗi nhà dạy riêng cho nhau. Như cha làm nghề săn-thời dạy cho con những điều cần-dùng về sự săn-bắn. Còn những sự học-thức cao-xa thời chưa có gì cả.

Mãi về sau mới dần-dần có, thời lúc đầu còn chỉ có một hạng tăng-lữ mới có chút học-thức về tôn-giáo, thường giữ bí-mật lấy một mình, hoặc chỉ truyền cho một hạng tôn-dồ, còn người ngoài thời cho là tri-thức còn non chưa thể hiểu được.

Ở Ai-cập, các đền thờ thần chính là trường dạy học cho một hạng thư-ký học đọc kinh và chép những sách bằng chữ tượng-hình, lại học thuốc, học tính, học thiên-văn, người nào học giỏi được ra làm quan Nhà-nước, như chức quan thu thuế, quan làm đường, quan xây nhà, quan cai-trị, và làm các chức tăng-lữ coi việc đạo-giáo.

Những người được học trước còn là số ít, sau mỗi ngày một rộng mãi ra. Về cổ-dại cũng có một vài cái trường công, để cho con nhà giàu các nơi đến học; nhưng trong dân-gian thời thật là đốt-nát, không có ai được học.

Trường đời xưa có danh-tiếng nhất là nhà Học-viện thành Alexandrie. Ông bác-sĩ Hi-lạp ARCHIMÈDE cùng nhiều người Hi-lạp có danh tiếng nữa cũng từng học qua ở đấy. Chính ở Hi-lạp cũng có nhiều trường nổi tiếng và đã từng sáng-lập ra nhiều học-thuyết về triết-lý. Nhưng mà những trường ấy chỉ để cho một hạng thượng-lưu, và cũng chỉ có mấy nơi có mà thôi, còn các tỉnh-thành khác thời chỉ chăm về sự học thể-thao và tập võ.

Khi La-mã chinh-phục được Hi-lạp thời có lập ra mấy cái trường ở nội-địa và ở các thuộc-địa nữa: như ở đất Gaule (là nước Pháp đời xưa) người La-mã có lập ra một cái trường ở *Aulun* để dạy văn-tự La-tinh, dạy luật-lệ và các khoa-học khác của La-mã. Trường *Aulun* là đem văn-hóa La-mã truyền cho những con nhà quý-phái đất Gaule; học trò đến trường học đều mặc theo lối y-phục La-mã cả.

Về Trung - cổ, hồi các rợ Bắc-Man xâm-nhập vào nội-địa La-mã, việc học hành những - bỏ hết: chính bọn nho-sĩ, học-thức cũng chẳng có gì. Vua CHARLEMAGNE ra khai-sáng trước nhất, muốn mở mang tri-thức cho dân. Vua lập ra mấy cái trường và thứ nhất là trường quý - tộc ở trong cung, vua thường đến thăm đến khám luôn để phần-lệ thầy giáo và học-trò. Nhưng mà cách dạy ở các trường ấy cũng không lấy gì làm ích-lợi, vì chỉ dạy thuần một mặt văn-tự, nghĩa là chỉ dạy lấy văn hay chữ tốt mà thôi.

Trong một đời Trung-cổ chỉ có mấy nhà giáo - viện, nhà trường-giòng là dạy học cho một số ít người muốn chuyên về nghiệp tu-hành mà thôi.

Sau hồi Tôn - giáo - cải-cách thời sự học có mở-mang thêm ra một ít. Bọn quý-tộc về đời Trung-cổ lại lấy sự không biết chữ làm về-vang, chỉ dùng võ-lực để áp-chế người dân, đến bấy giờ mới hiểu rằng một võ-lực không đủ và cần phải có học - thức thêm nữa mới được. Bèn quyết-chí học-hành; nhân đó mà trong nước lập ra nhiều nhà học-viện, mấy nhà to nhất là của các thầy đạo về giòng *Jésuites* (Giòng Tên) chủ-trương.

Năm 1679 ông JEAN BAPTISTE DE LA SALLE lập ra các trường thầy giòng mở cho người dân vào học không mất tiền. Ông là người khởi ra sự phổ-thông giáo-dục trước nhất.

Nhưng mãi đến hồi Cách-mệnh nước Pháp năm 1789 thời việc giáo-dục cho quốc-dân mới thành một cái nghĩa-vụ của Nhà-nước. Những tay lãnh-tụ đời bấy giờ như ông DANTON nói rằng : « Người dân cần thứ nhất là bánh ăn, thứ nhì đến sự học. » Ông LAKANAL thời xin rằng nhất-ban quốc-dân đều được học cả để cho « trong cái vườn tri-thức của một nước lớn khỏi thấy chỉ loáng-thoáng một vài khoảng nho-

nhỏ là trống-trọt rất kỹ - lưỡng, còn chung quanh mênh - mang những đất bỏ hoang cả ». Hồi Hội Lập - pháp cầm quyền chính-phủ, ông CONDORCET có làm một cái dự-án cải-cách cả bậc sơ-dãng-giáo-dục, đặt ra ba điều cốt yếu : một là học không mất tiền, hai là học phải phổ-cập, ba là học đứng trung-lập, nghĩa là không can-thiệp đến việc tôn-giáo.

Song cái tư-tưởng cao-xa quảng-dại ấy, vì thời - thế không thể thực-hành được, và nước Pháp về đời Cách-mệnh cũng vẫn chưa có trường công. Thường-thường chỉ có mấy ông thầy đồ đi lang nọ sang lang kia mở trường dạy học trong ít lâu, chờ mẹ học trò cấp lương cho ăn mà dạy, hề học trò đủ biết đọc biết viết thôi thầy lại đi nơi khác. Nhưng tư-tưởng đã truyền-bà ra rồi như hạt giống đã gieo xuống đất, sớm trưa rồi cũng mọc mầm.

Năm 1833, ông Guizot làm thượng-thư trình Nghị-viện quyết - nghị một đạo luật tổ-chức bậc sơ-dãng giáo-dục. Nhưng thực ra thời mãi đến Chính-phủ Dân - quốc bấy giờ mới là thực-hành, được cái tư-tưởng đời Cách-mệnh về sự giáo - dục trong quốc - dân. Ông JULES FERRY là người có công nhất trong việc ấy. Chính ông khởi ra hai đạo luật năm 1881 và 1882 đặt ra bậc sơ-dãng giáo-dục ở nước Pháp, định rằng « bậc học sơ-dãng không mất tiền, vì không thể để cho con nhà nghèo bởi không có tiền mà không đi học được ; bậc học sơ-dãng phải cưỡng-bách, vì trong một nước nhất-ban quốc-dân đều có quyền bầu-cử, không có lẽ có người không biết đọc biết viết được ; bậc học này lại phải trung lập, nghĩa là không can-thiệp đến tôn-giáo, vì tôn-giáo là thuộc quyền Giáo-hội dạy, không phải thuộc quyền Nhà-nước truyền bá. »

Ngày nay ở bên Pháp, mỗi làng đều có một nhà trường sơ-dãng, một thầy giáo tiểu-học, để dạy cho con trẻ

những điều phổ-thông tri-thức và mở-mang tâm-tư tri-tuệ cho nó biết yêu-mến lẽ phải điều hay.

Chính phủ Dân - quốc lại lập ra nhiều các trường cao - đẳng-tiểu-học nữa, trường kỹ-nghệ, trường sư-phạm dạy các giáo-viên tiểu-học; trường trung-học cho con trai. Lại lập trường trung-học cho con gái và mở-mang bậc học cao - đẳng, đặt thêm các lớp chuyên-khoa chuyên-nghề ở các trường Đại-Học. Trường Cao-đẳng-sư-phạm ở Paris thời đào luyện những

hạng giáo-viên cho các trường trung-học và cao-đẳng.

Cứ xem một số dự-toán của Bộ-Học tới 200 triệu quan mỗi năm thời biết rằng Chính-phủ chăm-chút cho việc học trong nước biết bao. Kết-quả là thấy số kẻ không biết chữ trong nước mỗi ngày một giảm bớt đi. Xem như cái biểu thống-kế sau đây về số những con trai ra tuyên lính mà không biết chữ từ năm 1827 đến năm 1900 thời đủ biết sự học tiến-bộ là dường nào:

Năm 1827, trong 100 trai đinh ra tuyên	lính	có 58 người	bất-thức-tự.
» 1845,	»	»	— 38 » »
» 1868,	»	»	— 20 » »
» 1880,	»	»	— 15 » »
» 1900,	»	»	— 5 » »

Có nhiều hạt, cái suất-số đó giảm tới 1 phần 100, nghĩa là trong trăm người chỉ có một người bất-thức-tự.

Nhưng mà bậc học sơ-đẳng đó còn có người cho là chưa đủ. Nhiều bậc tri-thức có bụng khai-hóa cho dân còn muốn mở ra những trường học tối cho thợ - thuyền cùng những người làm ăn; lại muốn mở ra những trường đại-học cho bình-dân (*universités populaires*), để đem những cái học-thức cao-đẳng truyền-bá cho những người trong dân có chí muốn học thêm biết rộng mà vì cảnh-ngộ không thể tuân-tự học tới được.

Đó là cái gương giáo-dục ở nước Pháp tiến-bộ như thế. Các nước văn-minh khác, như nước Anh, nước Mỹ, nước Đức, cũng mở-mang các bậc học trong nước ra to-lát lắm, và như ở nước Mỹ cái học-chế lại có phần hoàn-bị hơn nước Pháp nhiều.

Nói tóm lại thời sự học là gốc sự tiến-bộ trong nhân-loại. Tri-thức người ta có mở-mang thời sự tiến-hóa mới mau-chóng. Cho nên muốn xét cái trình-độ văn-minh của một xã-hội, không gì bằng xem cái trình-độ học-

thức của quốc-dân thế nào, học-thức là cái tỉ-lệ của sự văn-minh vậy.

6. — Nói về các tục mê-tin.

Sự học mỗi ngày một mở-mang thời những điều xét lắm tin bấy bởi sự đốt-nát mà ra tất cũng phải mỗi ngày một bớt dần đi.

Ông triết-học nước Pháp DESCARTES có dạy rằng người ta muốn cho phát-minh được cái chân-lý thời trước nhất phải sửa lại cái óc của mình đã, và bao nhiêu những sự tiếp-thụ được ở ngoài, mình chưa kịp suy-xét kỹ, còn lấy làm nghi-ngờ, thời hãy tạm bỏ đi hết cả, và chớ nên dễ bưng tin.

Nếu người ta ai ai cũng biết theo cái phương-pháp khôn-khéo của ông DESCARTES như thế thời trong xã-hội không đâu có những tục mê-tin vô-lý, những sự xét-đoán sai-lầm nó làm cho mờ-am mất cái óc sáng-suốt của con người ta. Nhưng mà phần nhiều người ta lại chưa xét đến nơi đã vội phán-đoán, chưa hiểu ra lẽ đã vội mê-tin, thà là ra xã-hội nào cũng có vô-số những cái tục bủ ý thiên, nhiều khi làm một cái trở-lực cho sự tiến-hóa.

Đây không thể kể hết những tục mê-tin vô-lý từ đời xưa đến đời nay. Ai muốn khảo về khoản « mê-tin » này, cứ xét ngay một xã-hội nước Nam ta bây giờ cũng đã thừa đủ tài-liệu cho sự khảo-sát. Nào là nghề phong-thủy, thuật bốc-phệ, nào là những thói đồng-cốt quảng-xiên, cúng-bái vô-lý, bút nào mà tả được những cái trạng-thái kinh-kỳ của một dân u-mê hay tin nhảm!

Nay chỉ nói qua về mấy tục mê-tin phổ-thông nhất trong nhân-loại, dân nào nước nào đời xưa đời nay cũng từng có cả.

Thứ nhất là tục tin ma-quỉ. Ma-quỉ nguyên-do là bởi sự tưởng-tượng của người ta những lúc sợ-hãi hốt-hoảng. kỳ-thực có đâu, nhưng mà người vô-học lấy sự mơ-hoảng làm sự có thực, mà tự mình bày trò ra để làm khổ cho mình mà không biết.

Tục bói-toán cũng thịnh-hành lắm. Người Tàu đời xưa bói bằng con rùa cõ thi và bằng sách kinh Dịch. Người Hi-lạp La-mã thời bói bằng chim bay, bằng các con sinh-vật tẻ ra để cúng thần (cũng như lối xem giò của ta). Nước nào đời xưa cũng có một hạng người chuyên về nghề ấy để kiếm ăn, là bọn thầy số thầy bói. Việc đời phiến-phức, dẫn người trí tuệ hằng ngày kinh-lịch, khảo-sát, học-vấn, suy-nghĩ, vị tất đã đoán được cho đúng những việc về tương-lai, huống chi là bọn ngu-xuân vô-học như phường thầy bói thầy số!

Nghề thuốc cũng nhiều cái tục buồn cười. Như ở Âu-châu có tục tin rằng hễ con bò cái phải đau là nó bị con rắn độc bủ mất sữa. Rắn bủ sữa bò thời thật là một sự không thể nào có được. Vậy mà người ta tin rằng cứ

đem chôn xuống dưới chuồng bò một cành lá ngải, bao giờ cành lá thối ra thời bò tất khỏi. Còn gì vô-lý bằng?

Lại còn nhiều cái tục khác nữa, tuy không hại gì, nhưng cũng thậm là vô nghĩa-lý, như tục ngồi bàn ăn đến mười-hai người, hễ ngồi thêm ra mười-ba người thời có sự không hay, hay là tục xuất-hành ngày thứ sáu là điềm không tốt, v. v.

Còn những thói tin ma-troi, tin sấm-sét, cũng là những tục mê-tin phổ-thông các nước.

Ở nước Pháp thì bắt đầu từ thế-kỷ thứ 18, có một bọn các nhà hiền-triết hữu-tâm về thế-dạo như ông VOLTAIRE, ông MONTESQUIEU, ông ROUSSEAU, ông DIDEROT, xướng lên cuộc chiến-tranh đối với những thói mê-tin hủ trong nước, ra tay phá cái thành ngu-dốt để đem ánh sáng học-thức chiếu khắp chốn dan-giàn. Nhờ công-phu của các bậc ấy với cái công giáo-dục của các chính-phủ về sau, mà những tục mê-tin ở nước Pháp ngày nay đã tiêu-diệt đi gần hết ở khắp chốn kẻ chợ nhà quê vậy.

Theo lý-thuyết của ông triết-học đại-danh nước Pháp AUGUSTE COMTE thời cái trình-tự sự tiến-hóa của nhân-loại có thể chia ra làm ba kỳ: kỳ thứ nhất là kỳ mê-tin những sự quỉ-thần, bởi đó mà sinh ra các đạo-giáo; kỳ thứ nhì là kỳ không-dâm những lẽ huyền-bí, bởi đó mà sinh ra các triết-học; kỳ thứ ba là kỳ thực-nghiệm những sự có thực, bởi đó mà sinh ra các khoa-học. Nếu lý-thuyết ấy là đúng, thời ngày nay nhân-loại về đường tri-thức chính là ở vào giữa thời-kỳ thực-nghiệm vậy.

HỒNG-NHÂN biên-dịch

(Còn nữa)

ĐOÀN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

I

NGÀY SINH - NHẬT

(Nhã-tình tiểu-thuyết)

Ở Bộ ra, thầy Đò-Tân đi về phía con đường Thánh-Nhật-man. Tấm lòng khoan-khoái, bước chân nhẹ-nhàng.

Tay bỏ trong túi, vừa đi vừa mân-mó một cuốn giấy bạc nhỏ, có hai trăm năm mươi quan. Đó là tiền thầy đã ki-cóp để dành để dịn từng su từng hào một, mỗi lần lĩnh lương về đưa cho vợ là Cúc-nương, thường phải lập mưu nói dối, tri-trá trăm đường, để giữ lấy giấm ba đồng để riêng.

Mỗi lần nói dối như thế vẫn có ý ngượng, nói nhỏ trong miệng rằng: — Tháng này anh em trong sở phải góp tiền mua một cái đồ đồng để mừng ông « Xếp nhì » mới được « Lao-cán bội-tinh » (1).

Mỗi tháng bịa ra một chuyện gì tương-tự như thế để khẩu lấy mấy đồng vào tiền lương, là chủ ý muốn giấu vợ để mua một cái quà gì tặng cho vợ ngày sinh-nhật.

Thầy đi rảo bước lại một cái cửa hàng kim-hoàn kia, là nơi những ngày thường đi chơi qua hai vợ chồng vẫn nhìn thấy một cái kiềng vàng chạm thành vòng hoa cúc rất tinh-tế và vẫn lấy làm thích lắm.

Thầy Đò-Tân vừa đi vừa nghĩ đến chiều hôm nay đem cái kiềng này về cho vợ, vợ không ngờ mà được, vui-vẻ biết bao, nghĩ đến thế mà trong bụng thồn-thức bật cười, không thể cầm được.

Từ khi hai vợ chồng lấy nhau là cùng nhau ý-hợp tâm-dầu, một lòng hi-vọng; vẫn phải tiết-kiệm mọi sự xa-xỉ để cho đủ chi các khoản cần-dùng. Làm thầy đò-lại ở Bộ, lương bổng có được bao nhiêu, mà tiền ăn, tiền mặc, tiền nhà, chi-tiêu thật là nhiều quá. Nhưng vợ chồng thương yêu nhau, có coi cái nghèo là chi, thường nghĩ nghèo thế này đã thấm vào đâu, đến khi sinh con đẻ cái lại còn nghèo hơn nữa, nghĩ thế mà không sợ, nghĩ thế mà lại mừng, mừng rằng cảnh nghèo sẽ có con thơ khuấy-khoả, vui-thú nào bằng?

Thầy Đò-Tân vừa đi rảo bước, vừa nghĩ bụng rằng: « Ta mua cái này khi quá thật, nhưng mà kể sự cần-dùng ở nhà thời còn thiếu-thốn lắm, không biết bao nhiêu cho đủ, thời thì xa-xỉ một tí cũng chẳng hề chi. Cúc-nương được đeo cái kiềng này thời lịch-sự lắm và vui-vẻ biết chừng nào! »

Lại sự nghĩ đến cái kiềng này có lẽ không còn bày ngoài hàng nữa chẳng, nghĩ thế mà trong bụng ấy náy như người lo-sợ; nhưng mà đi tự dưng xa đã trông thấy rồi, trông thấy để trong cái hộp bằng nhung mũi « kem » (2), những bông cúc nhỏ lấp-lánh như sao trên trời.

Mỗi lần đi qua vẫn thường ngắm cái kiềng xinh-đẹp ấy, càng ngắm càng lấy làm thích, nay lại nhìn thấy, rung mình mà cảm-động.

(1) Médaille du travail.

(2) Couleur crème.

Đương khi ấy thời vụt mướt mồ-hôi ra như, ngắt người đi: vừa trông thấy người chủ hiệu cầm cái kiềng ra, đưa cho một người khách!

Quả tim trong ngực như dừng lại không đập nữa.

May sao, sự kinh - hoàng hốt-hoảng đó không lâu. Người khách xem không thuận mua, chọn một cái khác vừa choáng hơn vừa đắt hơn, trả tiền cho chủ hiệu, rồi bước ra.

Bấy giờ thầy Đồ-Tân mới bước vào.

Hỏi: — Bao nhiêu cái kiềng này?

Nghe thấy chủ hiệu trả lời có hai tiếng, mà tưởng nặng như hai tảng đá rơi vào giữa quả tim:

— Năm trăm.

Thầy ngờ mình nghe lầm chưa hiểu, bèn hỏi lại, giọng như nghẹn trong cổ, nói không ra hơi:

— Ông nói bao nhiêu?

— Năm trăm quan. Đồ này kỹ lắm, chạm rất tinh-tế.

Mặt thầy Đồ-Tân sạm hẳn đi, tai như vù vù kêu. Trong lòng chán ngắt, lộ ra ngoài mặt, không buồn giấu nữa. Bèn lầm-bầm nói:

— Xin ông thứ cho, giá này cao quá tôi không mua tới.

Nói rồi lui-lũi đi ra, đầu cúi lưng còng, không nghe người nhà hàng nói « còn có cái khác rẻ hơn mà cũng đẹp bằng... »

Cúc-nương ở nhà đợi đã nóng ruột. Trông thấy về, nói hơi ra ý tức mình:

— Ô! tệ nhè! Chắc đã quên hôm nay là ngày sinh-nhật tôi, không mua được cho bó hoa nhỏ như mọi năm. Thôi, không yếu tôi rồi... Kia, làm sao lại khóc thế, mình?

Thầy ôm lấy vợ vào cánh tay một cách rất âu-yếm, rồi khóc nức khóc nở, nói:

— Ai-nương ôi! Tôi chỉ thương ái-nương gặp cái số-phận không may lấy phải thằng chồng tài hèn của kém, chung - thân chỉ ở trong cái cảnh eo-hẹp bần - cùng này, hết ngày ấy đến tháng khác, thăm-dạm u-âm, đem tấm thân ngà-ngọc để làm hi-sinh cho chủ thân nghèo! Khi tôi lấy ái-nương làm vợ, là tôi trông mong rằng cố công cùng sức cũng có ngày làm nên, ăn hiền ở lành cũng có hồi khá - giả. Vì hồi bấy giờ tôi đã có chút từng-trải về sự đời, chắc tôi không dám ép ái-khanh cùng tôi đeo-dặng cái số-phận long-đong như thế này...

Cúc-nương nghe nói sùng-sốt không hiểu làm sao:

— Chết nỗi! mình làm sao thế?

Bấy giờ thầy mới thú thật cho vợ biết những nóng - nổi tri-trá giấu vợ để dành tiền, chu-chi định mua cái kiềng tặng vợ, mà rút cục không thể mua được.

Cúc-nương nghe nói vội gạt đi, nói rằng:

— Hồi anh hỏi tôi làm vợ, anh hứa với tôi rằng anh sẽ làm cho tôi được sung-sướng, lời hứa ấy nay đã thành rồi đó. Anh có bụng tốt ý nhả nghĩ đến tôi như thế, tôi còn quý hơn trăm-phần là anh cho tôi cái kiềng thật. Vì bụng tốt ý nhả ấy mà anh đến lo-lắng phiền - muộn, thật tôi cảm cái bụng anh lắm. Anh ơi, bụng anh ăn ở với tôi như chiều hôm nay đó, tôi tưởng dầu người giàu-có sang - trọng nhất ở đời cũng không bao giờ dãi tôi được như thế; vì anh tỏ cho tôi biết rằng lòng anh hằng thương yêu tôi, hằng tưởng nhớ đến tôi luôn. Anh bảo rằng vợ chồng ta nghèo ư? Nghèo thì nghèo thật, nhưng mà tôi yêu anh, tôi trọng anh, tôi coi anh là người chồng rất hay rất quý, rất hiền-hậu, rất ân-cần, chỉ vụng kém người có một cách huyền - diệu phò, trương mà thôi... Nhưng mà này - tôi có một cái ý này, anh thử nghĩ;

anh đã muốn đem hai-trăm năm-mươi quan định tiền một cách xa-xỉ, nay ta nên tiêu vào một việc như sau này, cũng là việc xa-xỉ mà lại là việc phúc-đức, cho nó dằng cái công anh mưu-mô chu-chỉ trong bấy lâu; bất-nhược ta đem món tiền này giúp cho

chị Đò-Ninh, là chị em bạn thân-thiết của tôi từ thuở nhỏ, chị thật là không may quá, chồng chị bị chết trận, để lại hai đứa con nhỏ, bây giờ lại phải ở nhà không có việc làm, buồn-rầu quá, chỉ còn trông vào tôi là chỗ chị em lấy làm khuây-khỏa một đôi chút...

II

ĐỒ HÈN!...

(Chuyện sống)

Bài đoàn-thiên tiêu-thuyết này là trích ở sách « Một trăm chuyện sống » (*Cent contes secs*) của ông CAMILLE DE SAINTE-CROIX, bản-quyển của hiệu sách Ollendorff, Paris. Trong bài tựa ông có giải nghĩa thế nào gọi là « chuyện sống » (*conte sec*): « Chuyện sống là một chuyện không có văn-chương hoa-mĩ, không có tả cảnh tả tình gì cả, như làm - thời ứng - khẩu, không phải kết-cấu thành văn. văn-tất chờ trời, hình như đi thẳng chạy mau cho đến chỗ kết, còn cái ý-nghĩa hay là cái luân-lý của câu chuyện thế nào thì để cho tự-nhiên xuất-hiện ra không cần phải nghị-luận. » — Nay dịch bài này đây để giới-thiệu cho các nhà văn-sĩ ta một lối văn-chương không có « văn » mà cũng hay. — *Lời người dịch.*

Ông Phi-lạc-san, bà với ba đứa con đến trọ nhà Nhạc-lầu-khách-san, ở sở tắm Mỏ, ngoài bờ biển. Phòng bên có một người đàn-bà Mĩ goá, người còn thanh-xuân và có nhan-sắc, gọi là Bà Đa-vĩ; bà làm quen với gia-quyển ông Phi-lạc-san, thường gặp nhau hằng ngày, và trong sự giao-tế đã có ý thân-mật.

Một buổi sớm nước triều lên to, sóng nổi cuộn-cuộn, giờ tắm không ai dám ra mạo sóng, chỉ thấy một mình bà Mĩ bạo dạn bước ra ngoài bãi, sẵn sẵn lội xuống dưới nước, hai cánh tay trắng đập lặn sóng to. Ai cũng khuyên, bà không nghe, đem cái mình mạnh-mẽ cứng-cáp, gieo vào đám bão-táp phong-ba. Bị một ngọn sóng to tràn qua, bà phần sức đập lên, vụt đã thấy tron-von trên đầu ngọn sóng khác, rồi cứ phấp-phới như con chim hồng, bay lặn ở trên mặt nước.

Vụt ở trên bờ nghe tiếng kêu nguy-cấp: « Cuộn vào luồng sóng rồi! Cuộn vào luồng sóng rồi! » Trông ra thời thấy

bà đã ở tận dằng xê, đương liệng ra ngoài mặt bể khơi, mà có một đội những sóng chầm-chập kéo lên như lời như cuốn đi, nước sủi lên thành một đám sắc vàng trên cái nền đen mặt bể.

Một bác thủy-thủ trông biết thế nguy không sao cứu được nữa, lầm-lầm nói: « Hồng rồi! »

Định thả thuyền ra cứu-cứu, sửa-soạn mãi chưa xong. Bấy giờ có một người thét to lên rằng: « Nội đây không có ai dám mạo-liềm ra cứu sao? Để tôi ra vậy! »

Người nói ấy là ông Phi-lạc-san, vợ cố nằm lại, ông cứ dặng ra, cởi quần áo, lặn xuống nước, bơi ra cứu.

Một bác thủy - thủ nữa lầm-lầm nói: « Ông này điên thật! »

Song ông mạnh-mẽ, lại khéo bơi, bơi chừng một trăm sải, đến chỗ luồng sóng, nhưng tránh không bơi vào, cứ lượn chung quanh, cố dần dần cho đến được gần bà Mĩ. Khó là làm thế nào nắm được lời lại mà tự mình

không mắc vào luồng sóng. Đến mười lần đã suýt được. Bà Mĩ quay tay lại với gọi, mà người vẫn bị trôi đi. Chính ông cũng thấy mình nung. Bấy giờ không biết trong bụng nghĩ sao? Chắc hẳn rằng cổ nữa thời nguy đến mình, mà cũng chẳng cứu được người kia nào. Lại trông thấy vợ con mình đứng trên bờ vẫy gọi, bèn vọt quay trở về, cổ bơi lại thuyền cứu, người đã nhọc dừ ra, đành phải bỏ con chim hồng cho chìm vào giữa dòng sóng bạc....

Vợ chồng con-cái Phi-lạc-san được ít lâu phải bỏ sở tầm Mỗ di, không

thề ở được nữa, vì thiên-hạ họ mĩa-mai khinh-bĩ ra mặt, gọi ông là: « Đồ hèn ! ... »

Trong những người đó lúc nguy-hiểm, vẫn bằng chân như vại, không thấy một kẻ nào dám mạo-hiểm liều mình, bấy giờ đều a-dua lại mà mĩa-mai một người là hèn, chỉ nhớ đến cái hèn riêng một người, không nhớ đến cái hèn chung cả lũ, mà người ấy chính là người đã một mình ra mạo-hiểm mà chẳng may không thành-công.

HỒNG-NHÂN dịch

HÀ I - VẤN

Thần-đăng đi thi

Thần Đăng, thần Tào, thần Môn, thần Hộ, bốn thần lên trời đi thi, ba thần đỗ, thần Đăng hỏng. Thần Đăng tí rằng :

— Tôi thay quyền mặt trăng mặt trời làm việc cho thiên-hạ, tôi giúp cho con nhà xem sách nhiều lắm ; tay tôi chú-tạo được bao nhiêu hào-kiệt thánh-hiền, tôi không ăn cắp tiền, không nếm vụng mặt bao giờ, sao tôi hỏng ?

Quan Nam-tào phán rằng :

— Nếu anh đi thi về trước năm 1840 chưa có trận Nha-phiến-chiến-dịch ở Trung-hoa, thời anh đăng đỗ Thủ-khoa ; nay vì anh có nét xấu, anh xuẩn-xuýt với ả Phù-dung, làm cho thiên-hạ bao nhiêu người so vai rụt cổ, thất-thố vong-gia, Ngọc-hoàng Thượng-đế đã

toan buồn tên anh lên bằng u-nhân rồi đấy ; ai dám lấy anh đỗ.

Thần Đăng kêu nài mãi, quan Nam-tào mới thương-nghị với quan Bắc-đầu phúc-hạch lại, ra đầu bài rằng :

« Đèn điện, đèn dật, kỳ chất, kỳ lý, khả lược trần dư ? »

« Dân vào quan, giữa mặt kêu lên đèn trời kỳ nghĩa an-tại ? »

« Những người tham-quan ô-lại họ vẫn giả danh, trảng-dạ minh-minh, cổ vô luật dĩ. »

« Tư dục : Ngọa đèn tiến-hóa đầu đầu biết cả, sáng lên như bạch-nhật trung-thiên, hà đạo chi lung ? »

Khốn-nạn ! Bác thần Đăng ta, trông trời đã đỏ hai con mắt, nhắm bút hồ den một tắc lòng. Đi đâu hỏi ả Phù-dung tá ? bỏ chết nhau đây chẳng giúp cùng !...

TÙNG-VÂN

TÌEU-THUYẾT CỔ

LĨNH-NAM DẬT-SỬ (1)

嶺南逸史

IV

HỒI THỨ V

*Thích ngâm thơ, Phùng-Ngọc mắc
[phải mẹo,
Cam làm thiếp, Tiêu-Hoàn chịu nhún
[mình.*

Lý Tiêu-Hoàn phải Súc-Hung bày kế sai người đến tuần-sát, sách-nhiều nhiều lần, dần dần khánh-khiet mãi đi, cầu Phù Hùng bày kế giúp cho. Phù Hùng nói :

— Trước kia bọn anh - hùng ở Lương-sơn-bạc đã họp được nhiều binh-mã, mà lương-thảo bất-phu, bèn sai các tiểu-dầu-mục đi khai-trương tửu-diêm ở các nơi, hề gặp được những kẻ phú-thương đại-cổ, hay là kẻ tham-quan ô-lại, đi lại qua đó, thời dùng thứ thuốc mê lừa cho họ mê đi, lấy không biết bao nhiêu là vàng bạc để chi-dùng, mà quí không biết thần không hay. Công-chúa sao không bắt chức mẹo ấy, sai giã ba người tiểu-dầu-mục đi ra các con đường xung-yếu ở năm huyện mở mấy ngói hàng tửu-diêm để kiếm ít của về chi-dùng. Vả lấy của của quan dân triều-đình lại để cung về việc tuần-binh cho triều-đình, thế không phải là trí-công tri-đáng hay sao ?

Công-chúa cười mà rằng :

— Công cũng chưa chắc đã công, đáng cũng chưa chắc đã đáng. Song việc đã đến thế này thời không làm

thế cũng không xong, xin nhờ cứu-phụ trừ-liệu cho.

Phù Hùng tuân-mệnh trở về trại triệu-tập hơn một trăm ti-tướng, rồi chọn lấy mười viên thông-hiệu tiếng các xứ đường ngoai, mà lanh-lợi tinh-tế, cho đi lập tiệm ở các con đường xung-yếu trong năm huyện, lại kén cho mỗi người bốn tên Mán đã quen thuộc thông-thỏ cho theo đi giúp việc. Phù Hùng lại đem ra mười thanh bảo-kiếm trao cho các ti-tướng mà bảo rằng :

— Công - chúa năm nay đã 17 tuổi, ta xem nội trong sơn - trại này không có người nào tài-mạo tương-đương, để cùng sánh đôi với công-chúa được. Ta giao cho các người mỗi người một thanh bảo-kiếm, đem đến tiệm để trong nhà hậu-đường, hề gặp được người nào tài-năng xuất-chúng, niên-mạo tương-đương, thời mời vào nhà trong chỗ để gươm, cứ làm như thế... như thế... thời khác thử biết được tài-năng, rồi sẽ dọ lừa lên sơn-trại, các người phải nên lưu-ý, hề tìm được người là công-nhất, lấy được của là công-nhi đó.

Chư-tướng đều lĩnh gươm rồi từ-biệt xuống núi. Trong chư-tướng có một người là Mã A-Ma đem đầy tớ đến con đường xung-yếu ở huyện Tùng-hóa, chọn một chỗ bốn bề có nước non quang-cảnh đẹp-đẽ, dựng lên một

(1) Xem Nam-Phong từ số 48, 49, 52.

tòa lầu-lầu, ngoài cửa treo biển chiếu-bài sơn son thếp vàng, hai bên đề câu đối rằng :

Chợ Hoàng-công ngoài cõi,

Lầu Thái-bạch trong mây.

Trong nhà tiệm bên tả bày các thứ đồ nem, thịt tái, rượu tằm, và các đồ sào nấu hoa quả ; bên hữu bày một cái tủ dài ; trong nhà bày bàn đặt ghế, và treo các bức đối-liên tranh họa của các bậc danh-nhân, bài-tri rất là thanh-nhĩ, án-cần khoản-đãi các người tân-khách đi qua lại, nên các hàng vương-tôn, công-tử, đại-cổ, phú-thương khi ấy đều tập-nập đến cửa hàng. Một hôm A-Ma đang ngồi ở mé trong cái quầy trông ra thấy một người thiếu-niên cười ngửa, trạc tuổi độ mười-lăm mười-sáu, môi đỏ răng đen, người đẹp như ngọc, theo sau hai tên đầy tớ, đi tới trước cửa tiệm. A-Ma vội-vàng đứng dậy, đón vào trong tiệm thi-lễ mời ngồi, rồi tự mình đứng chấp tay mà hỏi rằng :

— Chẳng hay quý-khách ở đâu qua đây, quý-tính đại-danh là gì, nhân đi đâu, có việc gì vậy ?

Người thiếu-niên đáp :

— Tiểu-sinh họ Hoàng, tự là Phùng-Ngọc, người làng Trình-hương, quận Thanh-sơn, phủ-ly Hạc-sơn, nước Lạc-Việt, nhân qua Tung-bóa đây để thăm bà con, nay trời đã gần tối, muốn nghỉ lại quán-tiệm một đêm, chỉ sợ lại làm phiền quý-tiệm chăng ?

A-Ma cười mà rằng :

— Tướng-công dạy quá lời, nếu tướng-công hạ-cổ đến cho, thời chúng tôi được vẻ-vang nhiều lắm ! Song tôi xem tướng-công là người văn-nhân, hay ưa thanh-nhĩ tĩnh-mịch, ở đây tôi đến nhiều khách, sợ ồn-ào chẳng, xin mời tướng-công vào nghỉ nhà trong cho tiện.

Phùng-Ngọc cả mừng. A-Ma liền gọi hỏa-dầu đem đồ hành-trang của Hoàng-tướng-công vào nhà trong. Tên hỏa-dầu hiểu ý vội-vàng đỡ Hoàng-Hán đem ngay gánh hành-lý vào, thầy tớ Hoàng Phùng-Ngọc theo chân tiến vào, thời là riêng một sở vườn hoa, trồng vô số các thứ cây hoa quả, bóng mát rợp vườn. Bên tả có một cái nhà ngăn làm hai phòng, chính gian giữa treo một bức họa *Dục-Nhật-bi-dinh* nét bút ông *Trần Bach-Sa*; bên tả treo một bức *chữ triện* của ông *Lê Dao-Thạch*; bên hữu treo một bức họa-đồ *Lâm-đường-xuân-hiếu* nét bút ông *Lâm-Lang* vẽ, ở giữa đặt một cái hương-án, trên án có cái giá trầm-hương xinh đẹp, gác trên một thanh bảo-kiếm, vỏ ngà chuôi ngọc, vẽ phụng chạm rồng, huy-hoàng doat-mục. Phùng-Ngọc vốn là người thích kiếm, tới gần xem kỹ một hồi lâu, khen tán mà rằng :

— Cái hộp kiếm này trang-sức mới khéo chứ !

Phùng-Ngọc nói rồi ngảnh lại thời thấy điểm-chủ đứng ở bên sau, Phùng-Ngọc liền hỏi rằng :

— Cái thanh kiếm này có phải để bán không ?

A-Ma nói :

— Không phải để bán, đó là công-tử tôi bỏ đem ra để đây để làm phần thưởng đây.

Phùng-Ngọc nói :

— Làm phần thưởng gì đó ?

A-Ma nói :

— Tướng-công lại không biết à ! Lão-cha tôi họ Lý là quan chủ-sự bộ Hộ bá-giờ, chỉ sinh được một mình công-tử tôi, mà tính lại ham đọc sách làm thơ, và lại ham chơi kiếm, mới rồi có được một đôi kiếm thư hùng, kiếm ấy chém sắt như chém bùn, công-tử tôi mừng lắm, muốn làm một

bài thơ đề tả cái thần-năng kiếm ấy, song làm mãi mấy lần mà không làm được một bài tuyệt-diệu, công-tử tôi tức lắm, mới đem cái kiếm thư hùng này giao cho tôi ở đây, bảo rằng hễ ai làm được một bài thơ hay diễm-đáng, thời thưởng cho cái kiếm này.

Phùng-Ngọc nói :

— Đã có người nào làm được chưa?

A-Ma nói :

— Cũng có người đến làm thơ, song đều không vừa ý công-tử tôi cả.

Phùng-Ngọc nói :

— Tiểu-sinh muốn làm có được không?

A-Ma nói :

— Chỉ sợ tướng-công không biết làm thơ, nếu làm được ra thời hẳn là được tặng kiếm này chứ chẳng sai.

Phùng-ngọc cả mừng, liền gọi Hoàng-Thông đem nghiên bút lại. A-Ma ngăn lại mà rằng :

— Tướng-công hãy khoan, để tôi nói một điều này đã.

Phùng-Ngọc nói :

— Còn có điều chi nữa?

A-Ma nói :

— Công-tử tôi trước vẫn phó-mặc để cho ai muốn làm thơ thời làm, sau có mấy người không biết ở dân di sao-tập được bài cũ của người khác, đem đến chực đánh lộn-sòng, phải công-tử tôi mời vào nhà trong diện-thí, thời nửa ngày không nặn ra được một chữ, công-tử tôi mới thạc rằng : « Bảo-kiếm này cốt để tặng cho người tài-tử chân-chính, nếu làm phải người dốt đặc thời chả hoài lắm ru ! » Song ngư-mục hỗn-chân, chân-tài khó biện, cho nên công-tử tôi lại nghĩ ra được một kế là làm thơ thời phải bản-diểm hạn văn cho mà làm ngay trước mặt, làm xong thời viết lên trên tấm vóc kia, chân, thảo, triện, lệ, tùy

người làm thơ muốn viết lối nào thời viết, nhưng phải thơ cho hay chữ cho tốt mới được. Tôi sẽ đem trình công-tử tôi xem, nếu công-tử tôi cho là được, bấy giờ sẽ mời thi-nhân vào nhà trong thử thơ một lần nữa, nếu hẳn là bậc tài-tử vườn Nam, văn hay chữ tốt, thời mới được tặng kiếm này. Tướng-công muốn làm thơ để tôi xin đem văn ra.

Phùng-Ngọc nói :

— Thế thời càng hay. . . !

A-Ma liền bước vào cầm ra một cái bình bạc cao hơn một thước, có một đôi đũa ngọc cắm ở trong bình ; sau lưng lại có một tên hắc-nô cầm theo ra một bức vóc nền vàng và các đồ văn-phòng từ-bảo đặt lên trên án, tên hắc-nô bèn đứng mai mực. A-Ma trở cái bình bạc mà rằng :

— Văn thơ ở trong cái bình này, tướng-công gấp ra được văn nào thời làm theo văn ấy.

Phùng - Ngọc ung - dung cầm đôi đũa ngọc đưa vào trong bình bạc sẽ gấp ra một miếng giấy thời là văn chữ « hồ », trong trên mặt án thời thấy một cái bút cùn, Phùng-Ngọc cầm lấy quân bút đâm vào nghiên lấy mực, không nghĩ ngợi không viết giáp gì cả, cầm bút viết ngay lên trên bức vóc, chữ viết thật là tàn - kỳ đỉnh - đạt, khuôn phép mà không nề-nạp, phóng-túng mà không lỏng-hổng, chuyết mà càng xảo, cương mà hay nhu, hình như con thiên - mã bốn - tri thiện-lý, khí - thế hùng - hổn ; chữa biết thơ ra làm sao nhưng mới xem nét bút đã đủ kinh sợ. A-Ma đứng bên cạnh trông thấy Phùng-Ngọc cầm ngòi bút cùn khiến đi như là hạc múa lưng trời, hồng bay qua bể, thời đã lấy làm mừng, khi viết xong, A-Ma trông Phùng - Ngọc cười mà rằng :

— Tướng-công thực là thiên-tài, chỉ xem chữ viết này thực là đáng giá

ngành vàng; song chữ thảo tôi không nhận ra được hết, xin tướng - công đọc cho tôi nghe.

Phùng-Ngọc lên cao giọng mà đọc rằng :

*Gươm này là của báu non Ngô,
Chạm rũa khen ai khéo điểm tô?
Vỏ ngọc tuốt ra lạnh nhàoang chớp,
Chuôi ngà trở ngược sáng lờ châu.
Ngang trời chém phất loài yêu quỷ,
Vạch đất khua tan lũ giặc thù!
Mồn biết của này là của quý,
Cố chẳng đem hồi khách Phong-hồ (1).*

Phùng-Ngọc đọc xong. A-Ma vỗ tay cả cười mà rằng :

— Hay thay ! hay lắm ! Ngày mai xin mời tướng-công vào nhà trong để cùng với công-tử tôi hội-diện.

A-Ma nói rồi liền sai đầy tớ bày tiệc, chân-kỳ mỹ-vị không thiếu một thức gì. Phùng-Ngọc cả kinh mà rằng :

— Sao ông lại bày biện xa-xỉ thế này?

A-Ma nói :

— Đó là công - tử tôi dẫn hễ ai đến làm thơ, thời phải khoản-dãi như thế, xin mời tướng-công ngồi, khi trời nóng nực, mời tướng-công uống chơi vài chén rượu.

Phùng-Ngọc từ-tốn mãi rồi mới chịu ngồi, hai người chén thù chén tạc, uống mãi đến lúc đầu cánh trăng xế, đồng hồ sang canh. A - Ma chợt hỏi rằng :

— Chẳng hay tướng - công đi hồi thăm bà con ở xứ nào ?

Phùng-Ngọc nói :

— Tôi đi thăm cô tôi ở dưới núi Trà-mi cách cửa nam huyện Tùng-hóa ngoài 20 dặm.

A-Ma nghe nói liền bảo rằng :

— Như thế thời hay lắm !

Phùng-Ngọc nói :

— Sao vậy ?

A-Ma nói :

— Nhà công-tử tôi cũng ở đằng cửa Nam ngoài 10 dặm, ngày mai xin mời tướng-công qua chơi công-tử tôi, rồi từ đó tiện đường đến núi Trà-mi, chỉ độ nửa ngày thời đến nơi, thực là tiện lắm ! Vả lại đi qua con đường tắt này thời lại mát mẻ mà gần hơn nữa.

Phùng-Ngọc cả mừng khoái-ý, uống rượu mãi đến khuya mới nghỉ. Ngày hôm sau, A-Ma trở dậy dặn bảo đầy tớ trông coi tửu-diêm, lại bảo tên hắc-nô gánh đồ hành-lý thay cho Hoàng-Hán, còn mình thì cùng với thầy tớ Phùng-Ngọc cưỡi ngựa thẳng trở về đằng núi Gia-quế mà đi. Đi được hai ba ngày đến dưới chân núi. Phùng-Ngọc trông lên thời thấy : Núi cao ngất trời, dèo ngang ngấn đất, đá lởm-chồm hình như hồ-cử, suối âm-âm hưởng tựa sấm vang, cây cối bùm-tum, oanh yến bay ra không lọt ; loan-phong trùng-diệp, cáo cây nhầy nhót vô-vân ; thực là đường cùng hết đất, núi ngất che trời. Phùng-Ngọc trong bụng nghi-ngờ mà hỏi rằng :

— Tôi nghe nói đến huyện Tùng-hóa không xa mấy, sao nay đi đã ba bốn ngày, mà lại vào mãi chốn thâm-sơn cùng-cốc này vậy ?

A-Ma nói :

— Xin tướng-công chờ nghỉ ngơi, qua ngọn núi trước kia thời trông thấy núi Trà-mi ngay.

A-Ma bèn đưa Phùng-Ngọc đi theo mé rừng quanh co đi một hồi lâu, xa xa trông thấy đột-khởi hai ngọn núi, ở giữa khai ra một cửa ải, thương giáo cắm đầy trên ải, rất là hùng-tráng, đôi bên núi đá bích-tập như thành, ở

(1) Tên người có tiếng xem gươm sành.

giữa có một con đường xây bằng đá xanh cứ từng bậc mà lên, vào trong cửa ải thời là một gò đất phẳng lập ra một dinh trại, chia ra từng phòng, có dựng một cột cờ cao ngất trời, trên treo một lá cờ vàng, đề ba chữ « *Tri-ù-thiên-quan* », gió đưa phe phẩy; đằng sau dinh trại lại thấy một dãy dinh-dài cao trót-vốt. Phùng-Ngọc cả kinh ngánh lại A-Ma mà hỏi rằng :

— Đây là chỗ nào ? ông lừa tôi đến đây làm gì thế ?

A-Ma cười mà rằng :

— Tướng-công đừng kinh-sợ chi cả, một lát nữa sẽ biết ; nay trời đã tối xin mời tướng-công vào quán-dịch này tạm nghỉ.

Phùng - Ngọc không làm thế nào được phải bước vào quán-dịch, thời thấy có hai viên ti-tướng ở trong ra nghênh - tiếp. Phùng - Ngọc vội vàng xuống ngựa chào hỏi mà rằng :

— Chào hai tướng-quân, dám đầu lao-phiền hai vị tiếp rước làm vậy.

Khi vào đến trong quán-dịch, hiển trà nước xong, thời thấy một tên tiểu-tì cầm một cái danh-thiệp đồ vào quì trước mặt Phùng-Ngọc mà rằng :

— Phù tướng-quân tôi xin vào bái-yết tướng-công.

Phùng-Ngọc ngờ-ngạc mà rằng :

— Chẳng hay Phù tướng-quân nào, tôi không quen biết bao giờ, sao lại đến tương-kiến có việc chi vậy ?

A-Ma đứng chấp tay mà rằng :

— Xin tướng-công chớ lấy làm quái lạ, tôi xin nói thực : Đây là núi Gia-quế, chu-vi hơn 500 dặm, dân Mân Mèo chúng tôi vốn chiếm-cứ ở đây, hùng-binh hai mươi vạn, chiến-tướng ngoại nghìn viên, chúa dân Mân Mèo chúng tôi là Lý đại-vương trước khi mất không có con trai, chỉ sinh được một công-chúa, năm nay 17 tuổi, tài

kiếm văn võ, đẹp sánh Tây-thì, chúng tôi tôn lên làm chủ trại. Hai năm trước công-chúa tôi đem chúng tôi quí-mệnh theo về thiên-triều, nhờ ơn Hoàng-đế phong cho chủ-trại tôi làm *nhất-phẩm kim-hoa công-chúa*, hằng năm thâu-nạp tô-thuế, theo về làm lương-dân, từ đó công-chúa tôi ưu-du vô-sự, nhân vịnh văn thơ ; mới rồi bắt được hai thanh bảo-kiếm, muốn vịnh một bài thơ mà nghĩ mãi không được bài nào hay, nhân tôi xuống núi có việc công, bèn sai tôi cầu các bậc tài-tử trong thiên-hạ làm hộ cho một bài thơ, trước chúng tôi nói dối là công-tử, song kỳ-thực chính là đấng công-chúa chúng tôi vậy.

Phùng-Ngọc nghe nói mới biết là bị lừa, song đã lỡ đến đây, không biết nghĩ sao, sẽ đứng-dĩnh nói rằng :

— Nếu phải là giai-nhân muốn khảo thơ thời cũng hay, sao không bảo trước, mà lại phải nói dối quanh-co mãi thế.

A-Ma nói :

— Nói thực ra sợ tướng-công có lòng hiềm-nghĩ chẳng, xin tướng-công thứ tội.

A-Ma nói vừa rút lời, thời nghe tiếng thanh-la đã tới gần, quân tả hữu chạy vào báo : Phù tướng-quân đã tới nơi. Phùng-Ngọc bấy giờ cũng phải xuống thêm để nghênh-tiếp. Phù-Hùng trông thấy cả mừng, dắt tay Phùng-Ngọc lên thềm, thi-lễ mời ngồi, Phù-Hùng nói :

— Tướng-công tài mao, thực là thiên-hạ vô-song, Phù Hùng này may được tiếp tôn-nhân, thực lấy làm hân-hạnh lắm !

Phùng-Ngọc cúi mình mà rằng :

— Kề tiện-sĩ chốn thảo-mao, tài hèn trí mọn, may ngài không quở trách đã là mừng, dám đầu đang được tiếng khen quá-dáng.

Phù Hùng nói :

— Công-chúa tôi xem bài thơ của tướng-công lấy làm thâm-phục lắm, ngày mai muốn cầu tướng-công làm cho một bài nữa, sẽ tạ ơn một thẻ, xin tướng-công chớ tiếc lời vàng ngọc.

Phùng-Ngọc vâng lời. Phù Hùng cả mừng, ngảnh lại A-Ma bảo rằng :

— Người khá bồi-tiếp tướng-công ở đây, ngày mai ta sẽ thân đến tiếp rước tướng-công.

Phù Hùng nói rồi liền cáo từ lui ra. Ngày hôm sau, Phù-Hùng và Bàn Ma-La đem quân lính rước kiệu hoa và nghi - trượng đến nơi quán - dịch nghênh-tiếp. Phùng-Ngọc cố khiêm-nhường không được, phải bước lên kiệu, chiêm trống rước đi thẳng về đằng trái núi sau trại, đi được và dặm đường trông thấy một cửa ải, tướng giữ ải ra cúi mình nghênh-tiếp. Phùng-Ngọc liền xuống kiệu đáp lễ, thông-tố tính-danh rồi lên kiệu lại đi ; đến cửa ải Vọng-hải, tướng giữ ải là Đường-Hồ cùng bốn viên tổng-trại đều ra nghênh - tiếp. Phùng-Ngọc tiếp-kiến đáp lễ xong lại lên kiệu đi, xa xa trông thấy một thành, cửa thành viết ba chữ đại-tự : « Gia-quế-linh », khi vào đến trong thành thời thấy tả hữu đôi bên đường đều là người Mán Mèo ở từng chòm một làm ăn như thường, ở giữa có một vương-phủ, cực-kỳ tráng-lệ, đi vào đến trong cửa phủ thời đôi bên nữ-binh bày hàng đôi đến hàng trăm người, toàn là con gái Mán Mèo, đều mặc đồ nhung-trang đeo gươm buông tay mà đứng; chư-tướng mời Phùng-Ngọc vào cửa viên-môn đến bên tả-vũ, rồi bẩm rằng :

— Xin mời tướng-công ngồi tạm đây một lát, để tiểu-tướng vào mời công-chúa ra tương-kiến.

Nói rồi, chư-tướng đều bước tới công-đường sai người vào bẩm, một lát nghe tiếng chuông kêu, thời thấy

vô-số cung-trang mỹ-nữ rước ra một vị công-chúa, mình mặc áo hồng-cầm, đầu đội mũ thủy-châu, Phùng-Ngọc liếc mắt trông thời thấy công-chúa quang-thái động-nhân, cử-chỉan-nhân, thực là bậc khuê-tử, phong-tư yểu-diệu, rõ là đáng cung-nga, đem tỉ với Hán-cung công-chúa thời may ngài mắt phụng có phần còn hơn. Phùng-Ngọc bụng nghĩ thầm rằng : Không ngờ trong giống người Mán Mèo mà lại có người con gái đẹp như thế. Đường lúc kinh-nghi, thời đã thấy Phù-Hùng chạy đến mời. Phùng-Ngọc sóc áo bước lên tương-kiến. Công-chúa trông thấy Phùng-Ngọc bước lên sẽ đứng dậy dần dần bước tới thêm bên tây đứng trông về bên đông.

Phùng-Ngọc trông lên vái một vái mà rằng :

— Tiểu-sinh Hoàng Quỳnh xin đến yết-kiến.

Công-chúa sẽ khập vạt áo mà rằng :

— Xin tướng-công xá lễ cho.

Phù-Hùng mời Phùng - Ngọc ngồi ngảnh mặt về hướng tây ; công-chúa ngồi ở bên hữu ngảnh mặt về hướng nam, các thị-nữ cầm quạt che hầu, biển trà xong, công-chúa sẽ cất tiếng nói mà rằng :

— May được tướng-công hạ-cổ ban cho lời châu-ngọc, dọc lên nghe thời như mở lòng mao-tắc; nay muốn xin tướng-công vịnh cho một bài thơ nữa để truyền làm của báu ở núi này, xin tướng-công chớ tiếc.

Phùng-Ngọc nói :

— Văn-thơ tiểu-sinh tỉ như đất bùn, không đáng để giai-nhân lưu thanh-nhân ; song đã có lòng dạy đến, dạy thời xin vâng.

Thị-nữ đem bày ra trên mặt án một bức vóc trắng, công-chúa đưa cho thị-nữ một tờ hồng-tiên để đến trước án. Phùng-Ngọc mở ra xem thời thấy trong

tờ hoa-tiên viết một hàng chữ rằng :
« Dĩ cầu tự vi vãn » nghĩa là lấy chữ
« cầu » làm vần thơ. Phùng-Ngọc bước
 đến trước án cầm bút muốn viết ngay,
 song chưa biết viết lối chữ gì cho tốt
 ngừng đầu lên trông thấy ở tiền-đường
 treo một cái hoành-biên phông lối chữ
 lệ ông Lê Dao-Thạch viết ba chữ đại-
 tự *« Thuận - chính đường »* bên cạnh
 viết lạc-khoan là: *« Lý Tiễn Hoàn hiện
 bút »* Phùng-Ngọc biết ngay là chữ
 của công-chúa viết, nếu công-chúa thích
 chữ lệ, thời ta viết ngay cho một bức
 chữ lệ. Viết xong, thị-nữ đem đệ đến
 trước án công-chúa, công-chúa đứng
 dậy xem thời thấy chữ viết bút-thể
 tung-hoành, lại tốt thập-bội hơn lối
 chữ Dao-Thạch. Công-chúa ra dáng
 mừng rỡ tươi cười, lại đọc đến thơ
 rằng :

*Một ngọn thần-quang quỉ nép đầu,
 Muốn vãn nào dám sánh chỉ đầu.
 Lồng mây vẽ sáng rồng bay lượn,
 Rẽ nước oai thiêng sóng lộn ngầu.
 Chờ nhaoóng công-tôn khi đầu sức,
 Sao sa Việt-nữ lúc đua nhau.
 Phong-thành dấu cũ dù ai biết,
 Cửa báu còn đây ắt phải cầu.*

Công-chúa xem thơ xong, thấy giọng
 thơ từ-khi hùng-hồn, lại có ý dấn-dộng
 đến mình, câu cuối có ý tán-
 dương, trong bụng công-chúa lấy làm
 cảm-kích lắm, bèn cúi đầu vái tạ,
 Phùng - Ngọc cung-kính đáp lễ lại.
 Công-chúa vái tạ xong, liền ngảnh lại
 bảo Phù-Hùng rằng :

— Nhờ cửu-phụ khoản-tiếp Hoàng
 tướng-công hộ cháu.

Nói rồi, công-chúa liền thư-từ trở
 vào, thị-nữ đôi hàng theo hầu nghiêm-
 chỉnh. Phù-Hùng bèn cùng chư-tướng
 mời Phùng-Ngọc đến nhà tiền-đường,
 phó-trương đàn sáo, bày ra yến tiệc
 khoản-dãi, chúc chén chúc mừng,
 uống rượu mãi đến canh khuya mới

tan tiệc. Phùng-Ngọc nghỉ ở trong trại
 Phù-Hùng, ngủ đến đầu canh năm
 mới tỉnh giấc dậy, bụng nghĩ thầm
 rằng: Hôm qua công-chúa sao lại hạn
 lấy chữ *« cầu »* làm vần thơ, hay là có
 ý muốn bắc cầu Ô-thước gì chăng ?
 Song ta không phải là Sái Bá-Giai, sao
 hay bỏ cha mẹ, quên làng nước, phụ
 ước nằng Trương-thị mà đi theo ai.
 Vả lại không phải nói giống ta thời
 bụng họ ăn ở tất khác, tính quân Mèo
 Mán hung-tợn, phản-trắc vô-thường,
 không thể ở đây mãi được, nếu họ có ý
 cầu mình, thời mình nhất-định là
 không theo. Phùng-Ngọc nghĩ như vậy
 bèn sọc áo trở dậy, hỏi quân hầu tá
 hữu rằng :

— Hai tên đầy tớ hầu ta nó ở đâu ?

Tả hữu thưa :

— Bẩm tướng-công, hôm qua tiễn-
 đầu-mục trong trại tôi mời hai anh ấy
 về đằng sau trại uống rượu, hẳn là
 nghỉ ở đằng ấy.

Phùng-Ngọc nói :

— Nhờ các anh gọi nó về đây, để
 tôi bảo nó việc này.

Tả Hữu thưa :

— Các anh ấy thế nào rồi cũng lại,
 không thể đến gọi được.

Nói vừa rứt lời, thời thấy Phù-Hùng
 bước vào nói :

— Tướng-công trở dậy sớm mấy ?

Phùng-Ngọc nói :

— Hôm qua thừa tướng-quân hậu-
 khoản đãi, uống rượu say quá, ngủ
 đến mới rồi vừa tỉnh dậy.

Phù Hùng nói :

— Chốn sơn-trại chúng tôi luôm-
 thuộm quê mùa quá. Xin ngài miễn-
 chấp cho.

Phùng-Ngọc nói :

— Chúng tôi thực là quý quá ngài
 lắm lắm !

— Thừa tướng - công chờ ngại, tiểu-tướng có một lời tâm-phúc này, xin tướng-công chờ hiềm đường-đột, cho tiểu-tướng xin thừa.

— Xin tướng-quân cứ nói có can sao.

— Thừa tướng - công, chẳng dám nói giấu. Kim-hoa công-chúa chính là sanh-nữ gọi tiểu - tướng bằng cậu, năm nay 17 tuổi, khi tiên-ti-phu tôi là Đò-bối-đại-vương lúc hấp-hối, có phó thác cho tiểu-tướng kén hộ người rể. Song tiểu-tướng trộm nghĩ rằng sanh-nữ con nhà cũng có chút tài-tình phẩm-hạnh, khác với kẻ dung-lưu; tất phải kén người nào anh-hùng tài - mạo kiêm-toàn, thời sánh đôi mới xứng-đáng. Nhưng trời đất dấu mệnh-mông, mà anh-hùng thực hiếm có, đã thăm dò mấy năm trời mà không thấy ai hơn được tướng-công, nay xin tướng-công chờ hiềm là loài Mèo Mẩn, cho được kết duyên Tân Tăn, nên chăng ?

Phùng-Ngọc liền nghiêm nét mặt cự lại mà rằng :

— Tiểu-sinh thừa hậu-ý tướng-quân khuyên bảo như vậy, tiểu-sinh đâu dám trối từ; song tiểu-sinh nghĩ có ba điều, quyết không có thể tùng-mệnh được, xin tướng-quân lượng cho.

— Thừa tướng-công, ha điều gì xin cho tiểu-tướng được hay.

— Thừa tướng-quân, tiểu-sinh còn có phụ mẫu tại-đường, chắc rằng công-chúa không hay bắt chước được như Tôn phu-nhân, theo Lưu Bị mà đi về bên Hán; tiểu-sinh cũng không dám theo thói chàng Ngựa mà quên cha mẹ, cho nên không tùng-mệnh được, điều ấy là một. Tiểu-sinh nguyên đã cười lấy nàng Trương-thị làm vợ rồi, xưa kia Tống - Hoảng làm trai mà không quên nghĩa tao-khang, Vĩ Sinh chịu chết mà không phụ lời ước-thệ; huống chi như tiểu-sinh dám dấu bỏ vợ dấy lại đi lấy vợ khác, chịu mang

tiếng là người phụ-bac, không thể tùng-mệnh được, điều ấy là hai. Và lại kẻ bần-nho nơi ngõ hẻm, đâu dám ngồi đến mùi vinh-hoa, nàng Tống-tử chốn buồng-hương, nên sánh cùng người sang quý; vì thế xưa kia cậu Công-tử Hốt không dám làm rể nước Tề, nhà nho Bất-Nghị thời từ hôn họ Hoắc, quân - tử vẫn lấy làm khen, tiểu-sinh đâu lại như ai mà dám mộ quý ham giàu, để nhơ nhuốc đến cảnh vàng lá ngọc; không thể tùng-mệnh được điều ấy là ba. Và, tôi nghe bậc quân-tử lấy đạo-dức yêu người, chứ không ép-uổng, xin tướng-quân tuyển-trạch lấy bậc danh-môn khác, cho tiểu-sinh xin cáo-biệt.

Phù Hùng cười mà rằng :

— Việc đó xin hãy nghĩ kỹ, và lại tướng-công đã nói ra ba điều như vậy, để tiểu-tướng vào phúc-bẩm công-chúa xem nghĩ xử thế nào.

Phù Hùng nói rồi liền đứng dậy cáo-từ lui ra, một lát lại trở lại, mỉm cười mà rằng :

— Công-chúa tôi nói hai điều trên cực là dễ xử, còn một điều sau nữa thời xin tướng-công chỉ mở to con mắt ra mà xem là xong.

Phùng-Ngọc nói :

— Nghĩa là làm sao ?

Phù Hùng nói :

— Công-chúa tôi nói: Tướng-công không phụ Trương phu-nhân, thời tất là không phụ công - chúa tôi, song tướng-công còn có ông cụ bà cụ song-thân tại-đường, nếu khi thành-thân rồi thời mặc tướng - công đi lại hai nơi, hoặc năm ba năm đến sơn-trại một lần cũng được, chứ không ai dám ngăn cấm. Tướng-công đã lấy Trương phu-nhân rồi, thời công-chúa tôi Xin làm thứ cô ngại chi. Còn như nói là học trò không dám lấy công-chúa, chẳng qua là lời trang-sức, tướng-công thực không phải là trọng Công-chúa, chẳng qua là khinh chúng tôi là lũ Mèo-mẩn.

Mán đó mà thôi? Xưa kia nàng Mộc Lan trung-dũng hiếu-nghĩa, người đời ai cũng khen, thế mà xét đến quê quán thời cũng là dân nòi Mường Mán thuộc về bộ Xương-bà Khắc-hãn rợ Tây-Đột-quyết; tướng - công lại dám coi khinh công - chúa tôi không làm được như Thâm phu-nhân ư? Sao lại khinh người làm vậy?

Phùng-Ngọc phải Phù Hùng nói kháy mấy câu, thẹn đỏ mặt lên mà rằng :

— Tôi đâu dám khinh công-chúa, song thực là một sang một hèn không đáng. Nay tướng-quân đã quá yêu như thế, hãy để cho tôi cùng với người nhà bản tính xem sao.

Phù Hùng cả mừng lui ra, liền cho gọi Hoàng Hán với Hoàng Thông hai người vào hầu.

Phùng Ngọc hỏi :

— Hai chúng người sao không ở đây hầu ta ?

Hoàng Hán thưa :

— Bẩm tướng-công, vì có tên tiểu-dầu-mực mời chúng tôi đến dâng trại sau núi, giữ không cho lại, họ bảo rằng công-chúa định kết - thân với tướng - công, thời người trong sơn - trại này đều là đầy tớ tướng-công cả, đều phải hầu hạ tướng-công, không cần phải gọi đến hai chúng tôi nữa. Tôi có bảo rằng : Tướng-công đã lấy tiểu - thư con gái cụ Trương thái - công rồi, sợ không thể ép lấy được. Họ cười mà bảo rằng : Hễ đã đến trong sơn-trại này, chỉ sợ là công-chúa không thèm lấy, nếu công - chúa đã có ý chung - tình, thời dẫu con gái vua đương - triều, cũng không thể cướp giật tướng-công nhà người đem đi đâu được. Không biết ở đây này có ai nói đến chuyện ấy không ?

Phùng-Ngọc bèn đem lời Phù-Hùng nói chuyện, thuật lại cho Hoàng Hán nghe.

Hoàng Hán nói :

— Tôi nghe công-chúa là người rất tử-tế, tất cả trong sơn-trại ai cũng coi công-chúa như cha mẹ. Nếu họ đã nói như thế, thời tướng-công cũng nên nghe theo. Nếu không nghe theo, mà công-chúa giá có đề cho tướng-công trở về, tôi sợ bọn thủ-hạ họ lại thả dây ra mà giăng kéo lại, cũng chưa dễ đã về thoát được nào.

Phùng-Ngọc nguyên vẫn có ý yêu mến công-chúa, nay lại nghe lời Hoàng Hán nói, liền gật đầu mà rằng :

—Ừ, người nói cũng phải.

Liền sai Hoàng Hán đến trả lời cho Phù Hùng biết. Phù Hùng cả mừng, ban thưởng cho Hoàng Hán. Chọn ngày mời Phùng-Ngọc tắm gội, mặc áo đai hồng cát-phục, rước đến Thuận-chính-đường ; kèn sáo chuông trống nổi lên, thị-nữ rước công-chúa ra. Hai vợ chồng song - song làm lễ tế bái thiên - địa, rồi trở vào làm lễ lạy Phù phu - nhân. Xong rồi hai vợ chồng mới làm lễ giao-bái, đưa nhau vào chốn đồng - phòng. Phùng-Ngọc sẽ cắt cái khăn hồng-sa phủ đầu của công-chúa ra, thời thấy công chúa ôn-nhu yếu-diệu, quang-diễm động-nhân, thực là : làn thu-thủy, nét xuân-sơn, mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Phùng-Ngọc mừng rỡ khôn xiết. Thị-nữ dâng chén hợp-cần, hai người đều là hào-khiết không thẹn-thò như kẻ nhữ-nữ tầm-thường, cùng cất chén thù-tạc một hồi. Phùng-Ngọc đưa mắt nhìn công-chúa, công-chúa hiểu ý bảo các thị-tì lui ra, chỉ để hai tên thị-tì hầu thân là Xuân-Hoa, Thu-Nguyệt ở lại dọn giường rải đệm, cắt áo treo đai, rồi khép cửa buồng lại, hai người cùng nhau chung phũ chăn uyên. nghỉ yên giấc điệp. . .

Ngày hôm sau trở dậy, công - chúa mời Phùng-Ngọc ra nhà trung-đường

bái tạ Phú-phu-nhân, chú-tướng đều đến hi-hạ. Phú-phu-nhân truyền thiết yến ở ngoài đề khoản - đãi chú-tướng, Phùng-Ngọc làm chủ-tịch; mặt trong thời khoản-dãi các vợ chú-tướng, đều không có nem công chả phụng, song thực là rượu như nước thịt như non, yến ẩm luôn ba ngày. Các tướng trong trại lại thay đổi nhau mời Phùng-Ngọc đãi tiệc, hầu đến hơn một tháng; cả đến Hoàng Thông, Hoàng Hán theo hầu Phùng-Ngọc cũng được đãi rượu, mê man cả ngày lúc nào cũng say, không ngờ thấm-thoát thoi đưa, hết hiu gió lạnh, sân ngó cảnh biếc đã chen lá vàng, đã qua sang đầu tháng bảy, Phùng-Ngọc bèn nói với công-chúa rằng :

— Tôi vì vàng mệnh cha đề đi thăm có, khi bước ra đi mẹ tôi khóc lóc cầm tay tôi mà bảo rằng : « Con ơi, con liệu mà trở về cho sớm, đừng để mẹ sớm hôm tựa cửa trông mong. » Tôi có hẹn với mẹ tôi rằng : « Lâu ra là ba tháng, không thời chỉ trong hai tháng là trở về ». Không ngờ trước gặp Trương-thị đã lưu-liên mất một tháng, nay lại gặp công - chúa lưu - luyến đã bấy lâu. Phùng-Ngọc ngày nay muốn từ công - chúa đề đi hỏi thăm có, rồi tạm trở về quê hương để yên lòng song-thân mong đợi. Vả lại Nhạc-trượng Trương thái-công tôi còn muốn đem cả nhà về ở Trinh-hương, đợi tôi qua đó khỏi-trình cùng đi, tôi đã hẹn lời rồi, sợ Trương-công mong đợi. Vậy cho tôi đi đón Trương-thị về nhà, đề xếp đặt ở nhà cho yên-ôn, rồi tôi sẽ trở lại cùng với công - chúa duyên tra cả nước vui-vầy.

Công-chúa nói :

— Thưa cùng chàng, cha mẹ chàng tức là cha mẹ thiếp, thiếp há lại quên đi hay sao ? Song bây giờ đương mùa

tam-phục (1); lửa nắng chảy vàng, ở trong dinh cao tòa lớn này, quạt luôn tay mà còn mồ hôi đổ ra như tắm, chàng há nên đi đường xa-xôi ; xin hãy đợi đến mùa mát, thiếp sẽ chinh-bị chút cam-chỉ lễ thường, sai người theo hầu chàng cùng đem về dâng cha mẹ. Còn như bà có thời chàng bất-tất phải thân-chính đến thăm, chỉ xin chàng viết cho một phong thư, đề thiếp sai người đến núi Trà-mi tiếp rước bà có đến đây cùng ở là tiện, chắc rằng bà có ở núi Trà-mi đó, quang-cảnh cũng không có gì ; chàng thử nghĩ xem sao ?

Phùng-Ngọc cả mừng, liền viết một phong thư đưa cho công-chúa. Công-chúa bèn gọi một tên ti-tướng đến, giao cho một gói bạc 50 lạng và một phong thư, dặn bảo rằng :

— Nay ta cho người đến huyện Tùng-hóa, cách ngoài cửa nam độ 20 dặm, thăm tới núi Trà-mi, hỏi tìm đến nhà bà có của Hoàng chúa-công, rồi đưa trình thư này ra, cố mà nèo đón cả mẹ con nhà bà lên sơn-trại này.

Ti-tướng vâng mệnh ra đi. Công-chúa bèn sai thị-ti bày tiệc ở hoa-viên, đề cùng uống rượu với Phùng-Ngọc. Công-chúa hỏi rằng :

— Thưa chàng, Trương tiểu-thư sao lại chịu theo chàng về nam ?

Phùng-Ngọc thuật lại chuyện trước một hồi cho nghe. Công-chúa ngồi ngẫm-ngẫm hồi lâu mà rằng :

— Thiếp tưởng từ Mai-hoa-thôn về đến nhà chàng, đến hơn nghìn dặm, giá về ở sơn-trại này với thiếp thời lại gần hơn, chàng sao không đón nàng đến đây đề cùng ở với thiếp,

Phùng-Ngọc nói :

(1) Là ba ngày phục : Thượng-phục, trung-phục, hạ-phục, ở về cuối hè sang thu, khi trời nóng nực.

— Sự Trương tiểu-thư không chịu đến chăng.

Công-chúa nói :

— Thiếp muốn viết hai phong thư : một phong đưa cho Trương tiểu-thư, một phong trình với ông bà nhà ta, để tỏ ý thiếp ân-cần, họa là ông bà với tiểu thư cảm cái lòng thành của thiếp mà chịu lại chăng. Song đưa thư cho ông bà thì chàng phải sai người nhà thân đi ; còn tiểu-thư thì chàng phải thân đi đón mới được, chàng nghĩ có phải không ?

— Nếu tiểu-thư không chịu lại, thì làm thế nào ?

— Nếu mà nàng nhất-dịnh không lại, thì bây giờ tùy chàng xử-trí, thiếp không dám cưỡng.

— Nếu như thế thì hay lắm, hãy đợi đón được bà cô về đây, rồi công-chúa sẽ viết cho mấy phong thư để gửi đi.

Thẩm-thoắt quá nửa tháng, tên ti-tướng trở về, bẩm rằng :

— Tiểu-tướng đến núi Trà-mi hỏi thăm đến chỗ nhà bà cô, thì không còn thấy có bóng người nào cả, hỏi thăm láng giềng đều nói rằng : mùa thu năm ngoái có người con lớn bà ấy ở châu Đức-khánh mở cửa hàng buôn bán cũng khá, có sai người về đón mẹ con bà đi ra ở đó, tôi lại hỏi rõ tên đất xứ đó là gì, thì bảo tên là Đại-hàm-sơn thuộc châu Đức-khánh.

Phùng-Ngọc nghe nói sinh lòng buồn-bã. Công-chúa nói :

— Dám xin lang-quân chớ phiền, có nương dâu đã đến châu Đức-khánh, song để thiếp lại sai người đến đón rước bà lại đây.

Phùng-Ngọc nói :

— Như thế quyết là không được, khi bà cô tôi còn ở núi Trà-mi, nếu cho người đón không chịu lên sơn-trại, thì tôi đến tận nơi hỏi thăm

cũng dễ. Nay đã đến Đức - khánh, đường-cải xa-xôi, nếu cho đón mà không chịu lại, tôi lại phải đi đến nơi, đi lại chỉ thêm tổn mất ngày tháng, gì bằng tôi đi đến thăm ngay, nếu mà chịu lại thì tôi đón luôn đi ; nếu không chịu lại, thì tôi trở về sơn-trại, rồi về luôn nhà quê, như thế mới khỏi chậm trễ, để cha mẹ tôi khỏi nhớ mong và nhà Trương-thị cũng không phải chờ đợi, thế nào tôi cũng phải trở về xếp đặt cho yên-ổn, rồi sẽ lại cùng với công-chúa thỏa-thuê. Còn như trước bản định để công-chúa viết thư gửi về nhà, hãy để tôi khởi-trình đi rồi, sẽ sai người cầm thư về nhà cũng được.

Công-chúa nói :

— Lang-quân đã nói như vậy, để mai tôi xin viết thư.

Đêm hôm ấy Phùng-Ngọc vì uống rượu luôn mấy ngày mệt-nhọc. Và lại nay mai lại sắp phải đi Đức-khánh, trong bụng buồn rầu, nửa đêm tự nhiên phát sốt rét, phiền-táo hơn-mé, không ăn không ngủ được. Công-chúa cả kinh, đón thầy điều-trị, tự mình hầu-hạ thuốc - thang, dài áo mặc luôn mình đến hơn một tháng. Phùng-Ngọc mới hơi bớt dần-dần, lại phải điều-dưỡng đến hơn một tháng nữa, tinh-thần mới được như cũ. Phùng-Ngọc muốn cáo-lừ công-chúa đi Đức-khánh ngay. Công-chúa cố giữ lại mà can rằng :

— Thưa lang-quân, nay lang-quân qui-thể mới yên, mà gió đông rét mướt thế này, còn đi đâu được nữa. Xin đợi đến sang xuân, khi trời hóa ấm, bấy giờ ra đi cũng chẳng trễ gì.

Phùng-Ngọc nghe lời phải lưu ở lại, qua hết mùa rét sang tới mùa xuân, thì gió lạnh mưa dầm, luôn mấy tháng không tạnh, đến mãi sang đầu mùa hè, mới thấy mây quang mưa tạnh. Phùng - Ngọc liền báo công-chúa viết thư, tự mình cũng

viết một phong thư nữa giao lại cho công-chúa, rồi gọi Hán, Thông hai tên đầy tớ bảo sắp sửa hành-trang. Lại đình-ninh dẫn bảo công-chúa một hồi, rồi vào từ-lạ Phủ phu-nhân để khởi-trình ra đi. Công-chúa tiễn ra khỏi sơn-trại, chư tướng đều lại tống-tiến, Phùng-Ngọc đều giã ơn tạ lại cả,

và xin công-chúa trở lại, vái từ mà đi.

Thực là :

*Giọt lệ trượng-phu không phải cạn,
Bước đường ly-biệt ngại chi xa.*

Muốn biết việc sau thế nào, hồi sau sẽ hiểu.

ĐÔNG-CHÂU dịch.

VĂN-UYỄN

DỊCH BÀI « QUI KHỨ LAI TỪ » (1)

(Của ông Đào Uyển-Minh)

Ta về chẳng nhĩ ta về.
Bỏ quên cái thú nhà quê sao đành !
歸去來兮。
田園將蕪胡不歸。
Cái tâm làm tớ cái hình.
Nghĩ mình chỉ xót xa mình lắm thay !
既以心爲形役。
奚惆悵而獨悲。
Trước sau mình nhủ mình hay.
Xưa kia mình đại từ rầy mình khôn.
悟已往之不諫。
知來者之可追。
Thuyền bồng một lá con con,
Rủ đôi tay áo phất cơn gió về.
舟搖搖以輕揚。
風飄飄而吹衣。
Trời đông chưa rạng bên mê,
Hỏi ai nhẹ gót đường kia lối nào ?
蜀征夫以前路。
恨晨光之熹微。
Hành môn trở nẻo đi vào,
Tớ reo thầy khô, cháu reo ông về.
乃瞻衛宇。載欣載奔。
童僕歡迎。稚子候門。
Ngô ba bề cỏ rậm-ri,
Cúc kia vẫn cúc, thông kia vẫn thông.

三經就荒。
松菊猶存。
Năm ba hồ rượu còn không ?
Mắt trông cảnh biếc, tay bồng trẻ thơ.
攜幼入室。有酒盈樽。
引壺觴以自酌。盼庭柯以怡顏。
Công lưng mỗi gối khi xưa,
Nam-song ngắt-ngưỡng bây giờ là đây !
開南窗以寄傲。
審容膝之易安。
Vườn hoa ta dạo tháng ngày,
Then hoa ta khép cánh mây gọi là.
園日涉以成趣。
門雖設而常關。
Người già nhưng thú chừa già,
Mất xa còn tỏ bước xa chưa chồn.
策扶杖以流憩。
反翹首而遊觀。
Lạ-lùng kiêu núi tron-von,
Vì ai mây khéo mây dùn hơi mây !
雲無心以出岫。
Xưa kia mây nhầy mây bay,
Giờ sao mây đậu rừng này hơi chim !
鳥倦飛而知還。

(1) Bài *Qui-khứ-lai* này ông Ngô Huy-Linh đã dịch, bản-chí đã đăng ở số báo 36, song còn y nguyên càng nhiều người dịch càng hay, thế này lại dịch ra một lối khác.

Bóng chiều ngảnh lại mà xem,
Ngán cây thông đứng xanh um giữa trời.

影 翳 翳 以 將 入。
撫 孤 松 而 盤 桓。

Ta về ta khỏi chiều đời,
Ta khôn ta khéo với ai bây giờ.
歸 去 來 兮 請 息 交 以 絕 遊。
世 與 我 而 相 遺。復 駕 言 兮 焉 求。

Cung đàn quyền sách sớm trưa,
Họ-hàng quanh-quần chuyện trò dẫu xa.

悅 親 戚 之 情 話。
樂 琴 書 以 消 憂。

Thợ cày nó vỗ óc ta,
Xuân về rồi đó cụ ra coi cây.
農 人 告 余 以 春 及。

將 有 事 於 西 疇。

Gò cao suối mát xinh thay,
Xe nay ta dạo thuyền nay ta chèo.
或 命 巾 車。或 掉 孤 舟。
既 窈 窕 以 尋 壑。復 崎 嶇 而 經 邱。

Trông cây trông suối mọi chiều,
Cây sao xanh ngắt suối sao sạch lừ.

木 欣 欣 而 向 榮。
泉 涓 涓 而 始 流。

Xem mẫu sơn thủy mà ưa,
Nghĩ cơn thập-thể mà ngơ-ngần lòng !
羨 萬 物 之 得 辰。
感 吾 生 之 行 休。

Mảnh hình không có, có không,
Khử-lưu lòng để hận lòng nữa chi !
已 矣 乎。寓 形 宇 內 復 幾
辰。曷 不 委 心 任 去 留。

Đi đâu của sẵn mà đi,
Dống mà ăn mãi hẳn kỳ được không ?
胡 爲 乎。遑 遑 欲 何 之。富
貴 非 吾 願。帝 鄉 不 可 期。

Ta quay về nghề canh-nông,
Cỏ vơ cho kỹ là công việc mình.
懷 良 辰 以 孤 往。
或 植 杖 而 耘 耨。

Trèo non xem ngọn lửa xanh,
Xem dòng nước biếc gửi tình-tính thơ.
登 東 阜 以 舒 嘯。
臨 清 流 而 賦 詩。

Hồi thân, thân chỉ hững-hờ,
Thân cầm chữ mệnh, thân ngơ gì thân !
聊 乘 化 以 歸 盡。
樂 乎 天 命 復 奚 疑。

Phụ tiêu - truyện ông Đào Uyên-minh

Cụ Đào 陶 tên là Tiềm 潛, tự là Nguyên-lương 元亮, hiệu là Uyên-minh 淵明, tri-huyện Bành-trạch, một hôm nhạ-lại trong huyện, hốt-tơ hốt-hải chạy vào bầm:

— Có quan Đốc-bưu ở trên quận về, thầy phải thất lương cha gòn mà ra hầu.

Cụ than rằng:

— Ta há vì năm đấu gạo đề đến nỗi gầy lưng ru !

Tức-khắc ngày hôm ấy, treo áo nghĩ quan về làm ruộng, làm lời *Qui-khư-lai* đề tỏ chí.

Đến sau triều-đình khuyết-chức Trước-tác, lang, như đến cụ là người danh-sĩ, triệu cụ ra, cụ không ra; người đời bấy giờ gọi cụ là trưng-sĩ. (Nghĩa là người sĩ có danh-giá được bị sinh-triệu)

Trước nhà cụ trồng năm cây liễu, đặt hiệu là Ngũ-liễu-tiên-sinh 五柳先生, tính khoáng-dật, nằm bên cửa bắc-song, chạp có nam-phong đến, lấy làm vui thích vô cùng, tưởng cái thân-thể mình là cái thân-thể Hy Hoàng, chớ không phải là cái thân-thể Tần Tống.

Thừa trẻ học đăn, đăn hay, nhưng từ khi về làm ruộng thường chơi cái đàn không giây đề ngu cái tính-tính cao-tổ.

Chữ tối, nét bút cũng cao-cổ kỳ-dật như người, đời sau khó có kẻ học được, chỉ ông Trương-Húc đời Đường là hơi phảng phất mà thôi, so nghề tự-học nước Tàu, Nam-tôn mà có Bắc-khi, chỉ một cụ Đào.

Lúc đắc-ý, thường rót rượu làm thơ, thơ cụ Đào, dễ-dễ, tìm ra mới biết rằng hay rằng lạ; nhạt-nhẽo, ngấm ra mới biết rằng bùi rằng béo; thực là vì lòng thơ yết lên được một ngọn hồng-ký cao-giải thần-tây, mà chiến-thắng được cả những bọn điên-chuồng hội-cú ở đời Lục-triều.

Cụ ở về đời Tấn Tống nước Tàu, cuộc chính-trị đương thay đổi, bèn đạo-đức đương

vỡ-lở, cụ là con cháu nhà công-thần đời Tấn, cụ vẫn không quên Tấn; thơ cụ làm, Tấn còn cụ để niên-hiệu Tấn, Tấn mất cụ chỉ để can-chi giáp-ti mà thôi, tiếng thơm tiết lạ, sánh với ngọn núi Thủ-dương. (Sự tích ông Di ông Tề đời Thương Chu.)

Tinh yêu cúc, trồng cúc ở đông-lý, thơm tho bát-ngát, hoa cúc đến ngày nay vẫn còn giá-trị, về sau cụ Chu Liêm-khê đời Tống, có phẩm-bình mọi thức thanh-hoa rằng: « Mẫu đơn là vẽ hoa phú-quí, cúc, là nét hoa ẩn-dật; liên, là mùi hoa quân-tử. »

Phê-bình

Ông Trư-Cát ở Nam-dương, cù-rú đi cày, gặp vua Huyền-Đức, cũng vùng-vẫy làm quan

được; ông Đào ở Bành-trạch, chỉnh-chệch làm quan, gặp đời Tấn Tống, cũng đứng-dính đi cày được.

Trách-nhiệm ông Trư-Cát ở cừu đời trong vòng khổ-nạn; trách-nhiệm ông Đào ở đây đời lấy nghĩa liêm-sĩ.

Than ôi! Kể anh-hùng chữa chết còn cố, người quân-tử dẫu nghèo cũng vinh; ông Trư-Cát nếu mặc trời, mặc đất, mặc nước, mặc non, cứ nặng túi rồi về, can gì vất-vả đến nỗi thâu ngày mồ-hôi. Ông Đào nếu chịu dơ chịu dước, chịu nhục, chịu nhàn, chịu uốn lưng đi một chút, chắc cũng có ngày ngoi-ngóp được đến năm vạn chung gạo.

TÙNG-VÂN

DỊCH THƠ TÂY

Vierge morte.

Dans la chambre inquiète où traînent des
[sanglots,
Dans la chambre de vierge où sa grâce était
[née,
Elle s'est endormie, en sa quinzisième année,
Les mains jointes, les yeux éternellement
[clos.

L'âme éparse des fleurs, benceuse d'im-
[sommie,
Monie, en un vague adieu, des calices de-
[funts.
Elle a voulu mourir au milieu des parfums,
Dont les chastes douceurs calmaient son
[agonie.

Un soupir vient des bois qui s'effeuillent,
[un glas,
Pleure au loin sa douleur pieuse et mono-
[tone ;
Et le jour va s'éteindre au pâle ciel d'au-
[tomne.

Qu'à Thorizou le soleil mort teinte en lilas.
C'est l'heure où les appels chament dans
[l'ombre amie,
Et des vierges, rêvant de tendresse et d'es-
[poir,

Gái trinh chết yểu.

Khóc than xiết nỗi bàng-hoàng,
Phòng không in dấu vết vàng ngây xưa.
Mười lăm năm ấy bấy giờ,
Cõi trần hết kiếp, mắt mờ tay xuôi.

Hồn bay trên đám hoa tươi,
Biệt cùng cảnh thắm bông cười từ đây.

Lâm-chung trong đám hương bay,
Dịu-dàng mọi vẻ là ngày đưa nhau.

Phép-pháo thờ nửa giờ lâu,
Lệ tuôn tâm-tả, tâm-sầu chứa-chan.
Trời thu ngày vắng hân-tâu,
Chênh chênh ác giả bóng vàng nhuộm xanh.

Tiếng ai lạnh-lạnh đêm thanh,
Ấy người Tiếc-nữ trường vành ái-ân.

Ouvrent leur âme heureuse aux caresses
[du soir :
En sa quinzième année, elle s'est endormie.
Calme et blanche, dans la blancheur des
[draps roidis,
Sur son lit sans frisson qu'étoile un pâle
[cierge.
Elle sourit encore à son rêve de vierge,
Au chuchotement sourd des vains de
[Profundis.

ANDRÉ RIVOIRE

(Rêves et Souvenirs)

Hồn bay phảng-phất xa gần,
Mười lăm năm gần cổ gần ấy thôi.
Mặt hồng trắng điểm màu vôi,
Trưởng hoa ngọn nến soi người hồng nhan.
Lòng trinh thiêm-thiếp giấc vàng,
Nào ai hát khúc đoạn-tràng hôm nay.

NGUYỄN VĂN-AN

Học-sinh trường Bảo-hộ, Hà-nội
(năm thứ 3)

THỜI-ĐÀM

Hội - đồng Chánh - phủ. — Kỳ
thường-niên Hội-dồng chánh-phủ năm nay
hợp tại Sài-gòn ngày 15 Novembre vừa rồi
ở giữa gian chánh-đường phủ Toàn-quyền,
quan Toàn-quyền LONG làm tọa-chủ.

Có mặt tại Hội-dồng những các ngài như
sau này: Quan ROBIN, phó Toàn-quyền; quan
BAUDOUIN, khâm-sứ Cao-miên; quan PASQUIER
Khâm-sứ Trung-kỳ; quan QUESNEL, quyền
Thống-đốc Nam-kỳ; quan DAROUSSIN, quyền
Thống-sứ Ai-lao; quan COGNACQ, Thống-đốc
thuộc-địa hạng nhất, giám-đốc Học-chánh;
quan BÉTIEUX, Giám-đốc Tài-chánh; quan
DESJARDINS, phó Giám-đốc Tài-chánh, quan
POUYANNE, giám-đốc Công-chánh; quan
HUOT, giám-đốc Y-chánh; quan PARIS, chánh
sở Kho-Bạc Đông-Pháp; quan BLANC, tổng-
lĩnh Hải-quân Đông-Pháp; quan DELPRAT
quyền Giám-đốc viện Tư-Pháp; quan SCALLA,
quyền Giám-đốc Thương-chánh; quan LO-
CHAND, giám-đốc các sở kinh-tế (nông, công,
thương); ông FORAY, hội-trưởng Hội-dồng
Quân-hạt Nam-kỳ; ông BERGIER, hội-trưởng
Hội Thương-mại Sài-gòn; ông SAUVAGE, hội-
trưởng Hội Thương-mại Hà-nội; ông PAQUIN,
hội-trưởng Hội Thương-mại Hải-phòng;
ông BOREL, hội-trưởng Hội canh-nông Bắc-
kỳ; ông PÉSIGNON, hội-trưởng Hội Nông-
Thương Trung-kỳ; ông BRAMEL, hội-trưởng
Hội Nông-Thương Cao-miên; quan THIOUNS,

Nội-cung-dại-thần nước Cao-miên; quan
HOANG TRONG-PHU, tổng-đốc tỉnh Hà-dồng
Bắc-kỳ; ông LÊ VĂN-TRUNG nguyên hội-viên
Hội-dồng Quân-hạt Nam-kỳ; quan NGUYỄN
HỮU-BÀI, Lai-bộ Thương-thu Trung-kỳ;
quan TIAO PHESSARAT, đại-biểu Ai-lao.

Ba giờ chiều ngày 15 Novembre khai Hội-
dồng, quan Toàn-quyền đọc một bài diễn-
thuyết dài về tình-hình Đông-Pháp về đường
tài-chính, kinh-tế, chính-trị v. v. Mấy bữa
sau, Hội-dồng chia ra các tiểu hội-dồng để
xét về số chi-thu chung của Đông-Pháp và
các số chi-thu của các xứ. Phiên giải-tán
thời nhân quan Toàn-quyền bị đau, quan
phó Toàn-quyền ROBIN làm chủ tọa.

Xin lược dịch những đoạn cốt-yếu trong
bài diễn-thuyết quan Toàn-quyền như sau
này.

Trước nói về vấn-đề tiền-tệ. — Quan Toàn-
quyền báo cho Hội - đồng biết rằng kể từ
đầu sang năm tây sẽ bãi lệ cưỡng-hành giấy
bạc, nghĩa là từ giờ trở đi giấy bạc đem ra
nhà Ngân được đổi lấy bạc đồng tự-do như
trước, không phải hạn-chế gì nữa, và bạc
đồng này vẫn là bạc đồng nặng 27 gam,
bạc, xuất-số 900 phần 1000 như cũ, không
thay đổi gì cả. — Quan Toàn-quyền thuật lại
số-dĩ làm sao mà ngài phải đặt ra lệ cưỡng-
hành giấy bạc năm ngoái. Trong suốt ba

chiến-tranh, Đông-Pháp không đủ bạc đồng tiền. Cuối năm 1919 số bạc hiện-ngân ở quỹ nhà Đông-Pháp-nghân-hàng chỉ có sáu triệu đồng. Số giấy lưu-thông phải tăng tới 12 lần số bạc hiện-ngân. Bởi thế nên ngày 27 Mars 1920, 17 ngày sau khi quan Toàn-quyền tới Hà-nội, ngài phải ký nghị-định bắt giấy bạc cường-hành, và hồi ngài còn ở Paris ngày 20 Janvier, ngài đã ký hợp-đồng với s^ơ chánh nhà ngân-hàng Đông-Pháp để điều-định về việc đó. Theo tờ hợp-đồng ấy thời tự ngày 27 Mars 1920 trở đi, việc phát-hành giấy bạc là tự Chánh-phủ Đông-Pháp giữ trách-nhiệm, được án l^õ chịu, và nhà Bảng chỉ là đứng phát-hành hộ ma thôi. Giấy của nhà Bảng phát ra giao cho Chánh-phủ, Chánh-phủ lại bán cho những khách ngoài giao-dịch với Đông-Pháp, nhất là khách mua gạo, và thu lấy những tiền thật của ngoài vào (như *frances livres sterling, gold dollars, florins, yen*) Đó cũng là một việc đầu-cơ hối-đoái, và Chánh-phủ trong việc này chính là làm « chum các nhà bảng » vậy (*le banquier des banquiers*). Nay việc đã xong rồi, Chánh-phủ phải tìm cách đem bạc thật thế dần vào số bạc giấy đã phát-hành ra. Cuối năm 1920, số bạc khối Chánh-phủ đã thu được của các nhà buôn ngoại-quốc tới 3.570.000 đồng, còn phải cần đến 79 triệu nữa mới đủ, mà 29 triệu bạc l^õ tức là 705 tấn bạc hay là hơn 24 triệu lạng nước Mỹ (*onces standard*), thì giá là 200 triệu phật-lạng Đại-Pháp. Kiếm được một số bạc bấy nhiêu không phải là dễ. Bao nhiêu những chợ bạc to trong thế-giới như New-York, Shanghai, Londres, Chánh-phủ đều có gửi mua hết cả. Hiện nay đã trích ra một phần để cho đúc cấp lấy 14 triệu bạc đồng cần-dùng ngay, bây giờ đương thuê đúc ở các sở đúc bạc San-Francisco (Mỹ) và Birmingham (Anh), vì sở đúc ở Paris làm nhiều việc không thể làm được. Hội Chính-phủ mua bạc, may mua được giá rẻ có 6 quan 81 một đồng. Bây giờ trừ mọi khoản phí-tồn mua bạc, đúc bạc, vận-tải, bảo-hiêm và trang-trải cho nhà ngân-hàng, trong việc này Chính-phủ còn được lại là 5.800.000 đồng bạc Hoa-kỳ, 30 triệu quan Pháp và 1.140.000 đồng bạc Đông-Pháp, cứ tính thị-giá bạc Hoa-kỳ 13 quan 88 và bạc Đông-Pháp 7 quan 40, thời thành ra được một món lợi to là 120 triệu quan tiền Pháp. Quan Toàn-quyền lấy sự đó làm

mừng và quốc-dân ta cũng nên kính mừng ngài đã khéo trừ-tính, làm lợi được cho công-khố một khoản to-lớn như vậy.

Thư nói đến các vấn-đề tài-chánh. — Năm 1920, tổng-số các khoản thu-nhập về số chi-thu chung Đông-Pháp, — trừ những khoản trích ở kho dự-bị ra không kể, — là 49.668.222 đồng, và tổng-số những khoản chi-xuất là 49.966.589 đồng, nghĩa là chênh nhau chừng 300.000 đồng. Năm 1921, cứ tính cho đến cuối tháng Octobre vừa rồi, thời tổng-số những khoản thu-nhập thường ở các thuế mà ra ước được 57.000.000 đồng, nhiều hơn số chi-xuất đến 5, 6 triệu. Nếu so-sánh hai năm 1920 và 1921 với các năm trước, thời thấy từ 1912 đến 1919 số thu-nhập hàng năm thường thường là từ 40 đến 45 triệu và số chi-xuất thời hơi kém một ít, thành ra mỗi năm cũng dễ dành vào kho dự-bị được ít nhiều. Tự sau khi chiến-tranh đến giờ, các khoản chi-xuất tăng lên nhiều lắm, trước là những khoản kinh-phí về quân-bị, rồi đến những khoản kinh-phí về việc học, việc y-tế, việc kinh-tế, việc đạo-lộ, và thứ nhất là việc tăng lương-bổng cho các quan-lại Tây-Nam, các khoản ấy tổng-cộng lại thành ra số chi-xuất thường mỗi năm tới ước chừng 50 triệu đồng. — Đến số dự-toán chi-thu cho sang năm 1922 thời tổng-số các khoản chi-thu là gần 55 triệu đồng, tình đã cần-thận lắm. 55 triệu đồng ấy thời chỉ được cả các khoản thường-phí mà lại để được 5 triệu ra để làm các công-trình mới. Như vậy thời cứ một tiền thuế Đông-Pháp cũng đủ chi-tiền các việc thường, mà mỗi năm lại thừa mấy triệu để kinh-lý các việc mới. Cứ bình-thường như thế thời không bao giờ phải đến vay nợ mới đủ tiền dùng, nhưng mà cứ như thế thời không có cái cơ phát-đạt to hơn lên nữa. Muốn mở-mang cho thật to-tát, phải cần mở một cuộc công-trái.

Thư nói đến các việc công-chính. — Những việc công-chính cần-cấp cho Đông-Pháp là việc mở-mang nghề nông. Việc này ở Nam-kỳ và ở các xứ khác có khác nhau. Như ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-miền thời cần nhất là việc dân-thủy-nhập-điền, để trừ hai cái tai-hại

lạ-hạn ; ở Nam-kỳ không phải hai cái tai ấy thôi lại : hiện những đồng lầy đất hoang, muốn cho cây cấy được thời thứ nhất phải đào kênh khơi ngòi, thứ nhì phải chiêu-tập dân-phu ở xứ Bắc vào, vì dân Nam-kỳ không đủ người làm. Muốn cho dân Bắc di-cư vào Nam, thời lại phải mở-mang đường giao-thông, vì đường đi lại có tiện thời dân Bắc mới có thể vào Nam đông được. Bởi thế nên trong các công-trình dự-định trong một khoảng sáu năm kể từ sang năm, việc phải làm trước nhất là hai quãng xe-lửa Vĩnh-Đông-bà và Tourane-Nha-trang, rồi kế đến các đường Sài-gòn ra Phompenh, Sài-gòn ra địa-giới Xiêm, và đường Mythe-Cần-thơ-Sóc-trăng. Nói tóm lại, các việc công-chính là chủ mở-mang cho cõi Đông-Pháp này được giàu-có thịnh-vượng thêm lên, nhưng mà sở-phí không phải là ít. Muốn cho làm xong các việc cần thời phải tới 160 triệu đồng bạc, chia đại-khái ra như sau này : Việc dẫn-thủy nhập-điền ước từ 33 đến 40 triệu đồng ; việc đặt các đường xe lửa ước 100 triệu đồng ; còn các việc linh-tinh khác, như đắp đường, lập trường, sửa-sang các thành-phố, ước từ 25 đến 30 triệu đồng. Tiền ấy thời lấy ở kho dự-bị về năm 1922 và 1923 ước được 20 triệu đồng, và ở kỳ quốc-trái thứ nhất 6 triệu đồng (sang năm sẽ mở). Còn 135 triệu nữa, chia làm mười mấy năm, thời tất cũng lại phải mở công-trái nữa mới đủ được.

Thứ nói đến các vấn-đề kinh-tế. — Các công-trình như trên mà làm xong thời đường doanh-nghiệp sẽ mở-mang ra tới lắm, vì Đông-Pháp có sẵn sản-vật, chỉ đợi khai-khẩn. Như đất Bắc-kỳ là một đất có nhiều mỏ lắm, nhất mỏ than, đã tính ra các mỏ hiện nay đã biết chiếm tới một nghìn cây-lô-mét vuông. Các công-nghệ ở Bắc-kỳ đã có nhiều nghề thịnh-vượng, và nhiều nghề mới mở, hoặc sắp mở. Nghề nông cũng phát-đạt chẳng kém gì các năm trước. Đến thương-nghiệp thời trong năm 1920, số nhập-cảng các đồ Đại-Pháp sang đây tăng hơn năm trước nhiều. Năm 1919 có 78 triệu quan, năm 1920 lên tới 224 triệu. Còn đồng-số giao-dịch với các nước ngoại-quốc trong năm 1920 tới 2.300 triệu quan.

Nói tóm lại thời Đông-Pháp về đường kinh-tế vẫn tiến-tới lắm.

Thứ nói đến các vấn-đề chính-trị. — Quan-hệ nhất trong các vấn-đề này là sự mở rộng cho người An-nam được tham-dự vào quyền chính-trị trong nước, nghĩa là làm thế nào cho người An-nam vẫn giữ quốc-thân An-nam (không cần phải nhập-tịch Pháp) mà được có tư-cách làm « công-dân » có quyền chính-trị trong nước (*citoyens Annamites*). Từ khi quan Toàn-quyền mới sang trọng-nhiệm bên này, ngài đã chú-ý về sự mở-mang các nghị-hội cho người An-nam được rộng quyền ăn nói hơn. Hiện đã đặt Hội Tư-vấn cho Trung-kỳ theo như Bắc-kỳ, Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ cũng đương định sửa đổi lại và mở rộng ra. Lại Hội-đồng Chính-phủ cũng lục-lục đổi lại, hiện đương tâm dự-án, sang năm sẽ trình cho Hội-đồng quyết-nghị. Cái chế-độ hiện như bây giờ chẳng qua là cái chế-độ tạm-thời, chứ quyết là không thích-hợp với tình-hình hiện-thời. Nhưng muốn đặt ra chế-độ mới, thời trước nhất phải đào-tạo lấy người biết hưởng-dụng những chế-độ đó. Việc đào-tạo đó là do cách giáo-dục người dân ; việc giáo-dục ấy Chánh-phủ vẫn chú-ý lắm. Còn sự người An-nam yêu-cầu muốn được làm những chức-việc trong các sở công Nhà-nước xưa nay vẫn đề riêng cho người Tây, thời sự yêu-cầu ấy không phải là không chánh-dáng. Quan Toàn-quyền định rằng từ nay những người nào có bằng-cấp về trung-học hay là đại-học ở bản-xứ thời sẽ đặt thành một ngạch riêng, như ngạch tham-tá các sở bây giờ, và được bổ vào khắp các sở công về những chức thừa-hành hay là chức bậc nhì (*emplois subalternes et secondaires*), thế dần-dần vào các chức người Pháp bây giờ, chỉ trừ có ngạch Tư-pháp và ngạch Cai-trị thời phải để cho người Pháp mà thôi. Còn những người nào có bằng-cấp ngang với người Tây thời sẽ đặt ra ngạch « đối-ngạch », đối-ngạch với các ngạch tây. Thí-dụ như : người An-nam hay người Cao-miền nào có bằng Kỹ-sư Lục-lộ thời cũng sẽ được bổ làm Kỹ-sư như người Tây, duy có thuộc riêng vào đối-ngạch bản-xứ mà thôi. Lại như người nào có bằng y-khoa Tiến-sĩ,

có bằng chuyên-môn Thú-y thời sẽ được bổ làm y-quan trong ngạch Y-tế bản-xứ, thú-y trong ngạch Thú-y bản-xứ. Bao giờ những ngạch phụ và ngạch đối ấy sẽ lập thành và có đủ người dùng thời các ngạch tương đương của người Pháp sẽ dần dần bãi bỏ đi, đến bấy giờ thời các việc Nhà nước người bản-xứ được làm hết, chỉ trừ những chức giám-độc, chức kiểm-sát vào các bậc cao là thuộc riêng về người Pháp mà thôi.

Thư nói đến việc học. — Muốn mở-mang, tri-thức cho dân, muốn gây-dựng lấy người có thể kế thừa người Pháp trong các ngạch quan-lại, lại muốn đào-tạo lấy người « công-dân » (*le citoyen*) có tư-cách sau này, trước nhất phải chăm về sự giáo-duc đủ ba bậc: tiểu-học, trung-học, đại-học. Mấy trường cao-đẳng đã lập rồi, như trường Thuộc, trường Thủ-y, trường Lục-lô, trường Pháp, chánh, trường Sư-phạm, trường Canh-nông, cuối năm học mới rồi đã tốt-nghiệp được 93 người, hiện đã bổ cho làm các việc hết cả, Trình-độ học các trường ấy cũng khá, nhưng sau này có đủ thầy giáo chuyên-môn thời còn có thể cao hơn nữa. Lại bậc trung-học cũng đã mở-mang, bắt đầu từ năm 1924 có thể bắt học trò cao-đẳng phải có bằng tú-tài cũ được. Đến bậc tiểu-học thời Chánh-phủ lại càng chăm-chút lắm. Cứ so-sánh những khoản kinh-phí về việc học trong các sổ dự-toán hai năm 1920 và 1921 thời biết rằng các khoản ấy năm sau tăng hơn năm trước nhiều lắm: sổ dự-toán chung Đông-Pháp tăng 90%, Cao-miền tăng 130%, Ai-lao tăng 150% Nam-kỳ Bắc-kỳ tăng 320%, Trung-kỳ tăng 240%.

Kế quan Toàn-quyền nói qua về sự cải-cách trong quan-lại (tăng lương-bổng, v. v.) sự cải-cách trong hình-pháp (sửa luật Bắc-kỳ, v. v.), sự giao-thiệp với các lân-bang

(Tàu, Xiêm); rồi ngài kết một đoạn, xin lược dịch đại-y như sau này:

« Á-châu ngày nay đương lúc điên-đảo hỗn-độn, đương qua một buổi nguy-kịch trong lịch-sử; đứng ở giữa Á-châu, có cõi Đông-Pháp này vẫn được bình-tĩnh như thường, là nhờ có Đại-Pháp bảo-hộ. Được như thế là bởi dưới các nhân-dân, trên các quốc-vương vẫn một lòng trung-thành giúp Chánh-phủ Bảo-hộ. Hoàng-đế Nam-Việt sang năm này sẽ sang Đại-Pháp để thân-hành đem Hoàng-tử giao cho chánh-phủ Đại-Pháp giáo-duc, thế là tỏ lòng tín-ái Đại-Pháp lắm. — Hiệp cả các xứ lại làm thành một cái đoàn-thể vững-vàng, là đoàn-thể Đông-Pháp, tức là một cái trụ-cốt của thế-lực Đại-Pháp trong cõi Á-dông. Đông-Pháp sẽ làm đại-biểu cho văn-minh học-thuật Đại-Pháp trong vùng bể Thái-bình-dương, bởi thế rên các quan sứ-thần Pháp ở Tàu, ở Nhật, ở Xiêm, trước khi phó-nhiệm đều rẽ qua đây để quan-sát mọi việc cho thêm sức mạnh mà giữ quyền-lợi cho Đại-Pháp ở các nước ấy. Lại giữa khi nước Mĩ mở Hội-nghị ở thành Hoa-thị-hoá-đốn để bàn về việc giảm-sức quân-bị, trong phái-bộ Đại-Pháp đi Hội-nghị, ngoài quan Thủ-tướng, lại có quan Thuộc-địa Thương-thor SARRAUT, trước ngài đã làm toàn-quyền Đông-Pháp, nay chắc ngài cũng thay mặt cho Đông-Pháp để bàn định mọi việc cho giữ được cuộc hòa-bình ở cõi Á-dông này. — Lại nay mai đây, quan Thống-tướng JOFFRE sẽ sang du-lịch bên này. Ngài là người đã cứu cho văn-minh ở chốn chiến-trường. Nay ta được cái danh-dự đón-tiếp ngài thật là hân-hạnh cho ta lắm, vì ngài cũng vừa là đại-biểu cho cả quân-binh thuộc-địa là quân-linh đã có công gây cho nước Pháp được cõi thuộc-địa to lớn này. »

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Khánh-thành nhà Hội-quán. — Nhà Hội-quán hiện đã làm xong, định đến cuối tháng Décembre hay là đầu tháng Janvier, khi nào quan Thống-chế JOFFRE tới Hà-nội thời sẽ khánh-thành. Nhân dịp

khánh-thành lại mở một cuộc diễn-kịch để hoan-ngheh quan Thống-chế. Lần này diễn bài « Trường-giả học làm sang » (*Le Bourgeois gentilhomme*), là một bài hài-kịch cổ của ông MOLIÈRE nước Pháp, ông Nguyễn Văn-Vĩnh dịch ra quốc-ngữ.

Bữa nào khánh-thành và diễn-kịch sẽ có giấy đặt các ngài hội-viên biết.

Đại - biểu Hội sang Đấu - xảo

Marseille. — Ngày 9 Novembre, quan Thống-sứ Bắc-kỳ có viết giấy cho Hội nói rằng Chánh-phủ Bắc-kỳ sẵn lòng cấp vé tàu và tiền phụ-cấp cho một hội-viên Hội Khai-tri sang đấu-xảo Marseille sang năm, và xin Hội cử lấy ba người để trong ba người ấy ngài sẽ chọn lấy một người. Quan Thống-sứ Bắc-kỳ có bụng ân-cần nghĩ đến Hội Khai-tri như thế, thật là quý-hóa lắm. Hiện đã đặt giấy cho cả các ngài có châu hội-đồng quản-trị (36 ông) để hỏi xem có ngài nào muốn đi không; nay mai tòa-trị-sự sẽ họp để tiên-cử ba ông trình quan Thống-sứ.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Novembre có những ông kê tên sau này xin vào Hội, hạn trong hai tháng, trong các Hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết:

Xin vào chân chủ-trì :

1. Ông Chu Sĩ-Vưu, tri-huyện Yên-mĩ, Hưng-yên.
2. — Nguyễn Mạnh-Duyên, tri-huyện Phù-cờ, Hưng-yên.
3. — Nguyễn Đăng-Thịnh, bát-phẩm ti Phiến, Hưng-yên.
4. — Vũ Huy-Xương, nguyên Bắc-ký nghị-viên Hưng-yên.

(Bốn ông trên là do quan Tuần Hưng-yên Nguyễn Năng-quốc giới-thiệu.)

5. — Đỗ Văn-Đáp, tri-huyện stagiaire, hồng-phần au bureau du Tổng-đốc, Nam-định.
6. — Trần Đình-Bình, tri-huyện Trục-ninh, Nam-định.
7. — Nguyễn Trần-Mô, tri-huyện Mĩ-lộc, Nam-định.
8. — Trần Khắc-Cần, huyện-trưởng ở làng Liễu-nha, huyện Mĩ-lộc, Nam-định.
9. — Trần Huy-Cáo, Cử-nhân, làng Nam-diễn, phủ Xuân-trường, Nam-định.
10. — Bùi Đức-Phu, lệ-mục làng Xuân-bàng, phủ Xuân-trường, Nam-định.
11. — Nguyễn Huy-Lượng, Hàn-lâm ở làng Hoàng-nha, phủ Xuân-trường, Nam-định.

12. — Phạm Văn-Hỷ, Chánh-tổng làng Hà-cát, phủ Xuân-trường, Nam-định.

13. — Đặng Vũ-Quyền, phó-tổng làng Giao-phương, phủ Xuân-trường, Nam-định.

14. — Trần Ngọc-Côn, nguyên nghị-viên, làng Quĩ-nhất, phủ Nghĩa-hưng, Nam-định.

15. — Trần Ngọc-Uyển, huyện-trưởng làng Quĩ-nhất, phủ Nghĩa-hưng, Nam-định.

16. — Hoàng Tam-Đa, nguyên cửu-phẩm Thơ-lại, làng Hải-lang-thượng, phủ Nghĩa-hưng, Nam-định.

17. — Đỗ Tiến-Thiện, lý-trưởng làng Tàu-liêu, phủ Nghĩa-hưng, Nam-định.

18. — Trần Thọ-Thiện, Hàn-lâm-trước-tác, ở làng Vị-xuyên, huyện Mĩ-lộc, Nam-định.

19. — Phạm Tài-Loan, Hội-viên cũ, làng Hào-kiệt, huyện Vụ-bản, Nam-định.

20. — Trần Như-Khuê, chánh-tổng làng La-xá, huyện Vụ-bản, Nam-định.

21. — Vũ Đình-Cần, chánh-tổng làng Lập-vũ, huyện Vụ-bản, Nam-định.

22. — Nguyễn-Vĩ, tú-tài, làng Quang-phương-trung, huyện Hải-hậu, Nam-định.

23. — Phạm Ngọc-Lưu, phó-tổng làng Quang-phương-trung, huyện Hải-hậu, Nam-định.

24. — Nguyễn Ngọc-Uyển, hội-viên ở làng Quang-phương-trung, huyện Hải-hậu, Nam-định.

(Hai-mươi ông sau là do quan Thượng Nam-định Phạm Văn-Thụ giới-thiệu.)

25. — Phạm Quang-Huy, industriel, 12 b^e Amiral Courbet, Hải-phòng.

26. — Nguyễn Sơn-Hà, industriel, 46 b^e Amiral Courbet, Hải-phòng.

27. — Nguyễn Xuân-Đài, Comptable s^e, Des cours Cabaud, Hải-phòng.

(Ba ông sau là do ông Nguyễn Hữu-Thư giới-thiệu.)

Xin vào Thường Hội-viên.

Ông Lưu Quan-Hà, secrétaire de la maison Morin freres a Tourane.